15 THÁNG 3 NĂM 1971

BÁCH KHOA

năm mười lăm

CUNG GIŨ-NGUYÊN *dạy và học sinh-ngữ* * TRẦN VĂN TÍCH *nguyên tắc và đường hướng hiện-đại-hóa Đông y áp dụng cho miền Nam VN* * VÕ QUANG YẾN *pha giống bắp lúa* (nhân giải Nobel hòa bình tặng thưởng một nhà khoa học) * NGUYỄN HIẾN-LÊ *đất Hà-tiên với họ Mạc và họ Lâm* * ĐỖ TRỌNG HUỀ *văn hóa và văn chương* * BÁCH KHOA *đàm thoại với G. s.* NGUYỄN VĂN TRUNG *về thiên tả, cấp tiến, tự do báo chí...* * LÊ VĂN TRUNG *như chiếc thuyền trôi* * PHAN DU *trên tàu « Helgoland »* * VŨ HOÀNG CHƯƠNG *mười năm bóng hạc* * *Xuân chợt lòng thu* * TRẦN DZẠ LỮ *thánh đọa* * HOÀNG NGỌC TUẤN *tuổi trẻ hư không*

SINH HOẠT : *thời sự khoa học* * *thời sự văn nghệ*

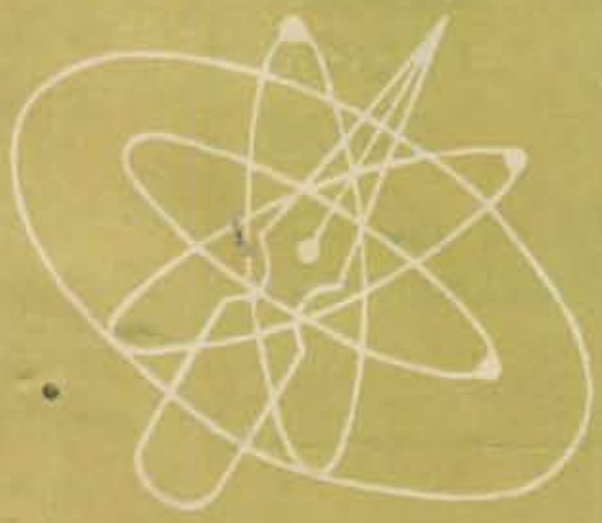

341

TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập : HUỲNH VĂN LANG
HOÀNG MINH TUYNH

Thư ký Tòa soạn : TÔN THẤT HÀM

Chủ nhiệm Chủ bút . LÊ NGỘ CHÂU

Quản lý : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ	**50đ.**
SÁU THÁNG	**550đ.**
MỘT NĂM	**1050đ.**

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí 120 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54.262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1	trang giấy mầu	: *mỗi kỳ*	:	**4000đ**
1/2	trang giấy mầu	: *mỗi kỳ*	:	**2000đ**
		oOo		
1	trang trong	: *mỗi kỳ*	:	**3000đ**
1/2	trang trong	: *mỗi kỳ*	:	**1500đ**
1/4	trang trong	: *mỗi kỳ*	:	**800đ**

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 341 ngày 15-3-1971

CUNG-GIŨ-NGUYÊN *dạy và học sinh ngữ* 05

TRẦN VĂN TÍCH *nghĩ về vấn-đề hiện-đại-hóa Đông-y : Đông y tại Đại-hàn, Đông-y tại Nhật-bản, hiện-đại-hóa Đông-y đề nghị áp dụng cho miền Nam VN* 15

VÕ QUANG YẾN *pha giống bắp lúa* (nhân giải Nobel hòa bình tặng thưởng một nhà khoa học) 23

NGUYỄN HIẾN LÊ *đất Hà-tiên với họ Mạc và họ Lâm* 29

ĐỖ TRỌNG HUỀ *văn hóa và văn chương* 35

BÁCH KHOA *đàm thoại với Giáo-sư* NGUYỄN-VĂN-TRUNG *về trí thức thiên tả, công giáo cấp tiến, Ủy ban vận động cải thiện chế độ lao tù, tự do báo chí.* 45

LÊ VĂN TRUNG *như chiếc thuyền trôi* (truyện) 55

PHAN DU *trên tàu « Helgoland »* (truyện) 61

VŨ HOÀNG CHƯƠNG *mười năm bóng hạc* (thơ) 70

Xuân chợt lòng thu (thơ) 71

TRẦN DZẠ LỮ *thánh đọa* (thơ) 72

HOÀNG NGỌC TUẤN *tuổi trẻ hư không* (truyện dài) 73

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ-CHÂU

Chủ bút :

Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ-ĐĂNG

21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon

GIÁ : **50đ** Công sở : **100đ**

Cao Nguyên và Miền Trung thêm cước phí máy bay

...Chiến cuộc này kéo dài đã quá lâu tác phẩm văn nghệ về chiến tranh đã khá nhiều, nhưng cho đến nay hình như chưa có một cuốn truyện nào đề cập đến một khía cạnh cụ thể và độc đáo như thế.

VÒNG ĐAI XANH

tiểu thuyết chấn động của
NGÔ THẾ VINH

NGHIÊU ĐỀ *trình bày*
THÁI ĐỘ *xuất bản*

ĐÃ PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC

● CUNG-GIŨ-NGUYÊN

Dạy và học sinh-ngữ

Chữ sinh-ngữ dùng nơi đây chỉ môn sinh-ngữ phụ, thứ nhất hay thứ hai khác tiếng mẹ. Đối với người Việt hiện nay, ấy là tiếug Anh, Pháp, Đức, Nhật, v.v. Chữ ngoại-ngữ bao hàm cả những tử-ngữ, như La-tinh, Hán, Phạn. Dạy sinh-ngữ phải khác với lối dạy tử-ngữ, điều kiện học một sinh-ngữ phụ cũng khác với việc học tiếng mẹ, tuy nhiều nguyên-tắc và phương-pháp áp-dụng cho cách dạy sinh-ngữ phụ có thể ứng dụng cho lối dạy tiếng mẹ. Đối với một số người, tiếng mẹ không phải là quốc-ngữ, và họ phải học quốc-ngữ như một sinh-ngữ thứ hai, như ở Phi người nói tiếng tagalog phải học tiếng Anh, hay ở Ấn-độ trước kia người nói tiếng Urdu hay Bengali phải học chuyển-ngữ chính-thức của Liên-bang.

Những sự tìm kiếm của ngôn-ngữ-học, tâm-lý-học, cũng như tiến-bộ của chính khoa sư-phạm trong nửa thế-kỷ nay, đòi hỏi phương pháp dạy sinh-ngữ phải thích-hợp và hiệu-năng hơn những lề lối cũ. Nhiều yếu-tố khác, như các biến-đổi chính-trị, xã-hội, còn thúc đẩy quan-niệm giáo-dục phải canh-tân.

Xưa kia học thêm một thứ tiếng là để bồi bổ cho văn-hóa nhân-bản, đọc chữ nho để thấm nhuần đạo lý Khổng Mạnh, biết tiếng Hy-lạp để đọc Plalton, Aristote, học tiếng Anh để thưởng thức Shakespeare, tiếng Đức để ngâm thơ Goethe. Rồi nhơn đó, học-sinh mới bút-đàm với thương-gia ở Thượng-Hải hay nói vài câu với một du-khách người Âu. Đến nay, phần phụ trở thành phần chính. Trong một thế-giới có phương-tiện giao-thông và truyền-thông dễ dàng, việc biết sinh-ngữ nước ngoài không phải là việc thừa. Tại một quốc-gia độc-lập mà dân không nhờ tiếng của ngoại-nhân để mưu-sinh, việc biết ngoại-ngữ vẫn cần, ít ra để đọc thêm vài sách báo, tận dụng máy thu thành hay truyền-hình đọc một câu chỉ dẫn về máy móc hay thuốc men. Người gọi là có-học ở thế kỷ 20 hay 21, ngoài tiếng của mình, phải biết, và nói đôi chút, ít nhất là hai ngoại-ngữ. Các ràng buộc của văn-hóa nhân-bản, chú-trọng quá nhiều về văn-chương phải nhường chỗ cho sự đòi hỏi của một chuyển-thông rộng rãi và thực-tế. Rồi sau đó, không gì ngăn cản người tiếp-tục học ngoại-ngữ để thưởng-thức văn thơ và nghiên-cứu đạo lý. Nếu tại Việt-Nam, thay vì duy-trì Hán-tự như một cổ-ngữ trong chương-trình học-đường, ta cho học quan-thoại, bạch-thoại, Trung-Hoa, một tiếng có trên bảy trăm triệu người nói, thì lợi ích gấp đôi, không những học-sinh nói được một sinh-ngữ quan trọng, đọc được báo sách ấn hành ngay tại Chợ lớn mà vẫn xem được, nếu cần, cổ-văn của thánh hiền hay ngâm thơ Đỗ, Lý và học qua Hán-tự để trau dồi Việt-ngữ cũng dễ-dàng. Mặc dầu nhiều mâu-thuẫn chính-trị và kinh-tế khiến các xung đột nóng và lạnh

tiếp diễn, mặc dầu chủ-nghĩa quốc-gia quá-khích trỗi dậy mãnh liệt uy-hùng như tiếng hát cuối cùng của bạch-nga, không một chính-phủ nào lại không tỏ rõ thiện-chí hợp tác với những nước cứ gọi là bạn, và tham-gia những cơ-quan quốc-tế, phù hợp với khuynh-hướng tiềm tàng của con người thuộc kỷ nguyên mới, vượt qua mọi kỳ-thị sắc tộc để đến một cảnh hợp-tác và chuyển-thông rộng lớn. Trong khi chờ đợi, — chắc hẳn phải lâu —, một thứ tiếng giả-tạo nào (trong các thứ *Esperanto, Ido. Novial, Idiom Neutral, Latino Sine Flexione*, v.v.) được tất cả quốc-gia chấp nhận làm chuyển-ngữ chung, người ta buộc phải học sinh-ngữ phụ, ít hay nhiều tuỳ theo khả-năng và mục-đích, hoặc để nói không cần biết, hoặc để hiểu, đọc, không cần nói, hoặc để biết thông thạo, viết và nói. Ai chẳng biết mưu-mô tranh dành thế-lực chính-trị cũng dùng việc bành-trướng ngôn-ngữ và văn-hóa mình làm phương-tiện, Nhưng muốn thôn-tính một nước, phải có nước mà dân chúng sẵn sàng quy phục và làm nô lệ. Muốn chiếm linh-hồn một người, phải có linh-hồn dễ dàng mua chuộc. Tuy vậy đã có người cũng bán linh-hồn được, đã có dân-tộc chịu làm tôi mọi cho ngoại-bang được mà không cần biết đến ngôn-ngữ hay văn-hóa của kẻ xâm-lăng. Gát lại thứ luận-điệu tình-cảm và nông nổi khiến nghi-ngờ về ngoại-ngữ, ta chỉ nhận-định trên thế-giới có đến ba nghìn sinh-ngữ, và nếu không học lấy một, ta sẽ mất một trong ba nghìn cơ-hội để biết đôi điều gì khác lạ với hương sắc « ao nna » sẵn có của ta !

Nối-tiếp công-trình khai-quang của Saussure, nhiều thế-hệ bác-học, triết-nhân đã xây dựng một ngôn-ngữ-học tổng-quát thật phong-phú. Ngôn-ngữ-học có tương-quan mật-thiết với nhiều khoa-học, tâm-lý-học, xã-hội-học, nhân-chủng-học, luận-lý biểu-tượng, toán tập-hợp, v.v... đến nỗi trở thành một khoa then-chốt để tìm hiểu và giải-thích cuộc đời, vì ngôn-ngữ, cùng với công-lao và sinh sống, là yếu-tố «siêu-việt» cho một tri-thức khách-quan. Lý-thuyết chung về ngôn ngữ, với một số thành-quả khá vững-vàng, cũng thức-tỉnh nhà sư-phạm, nhất là người quan-tâm đến việc dạy ngôn-ngữ. Trước khi đặt vấn-đề về phương-pháp dạy-dỗ, nhà sư-phạm cần biết đến bản-chất điều mình phải chuyển thông, và do đó, nhờ đến công-trình các nhà ngữ-học. Ngôn-ngữ-học tổng-quát chuyên về lý-thuyết đã cho phép thành hình và phát-triển một ngôn-ngữ-học ứng-dụng.

Ngôn-ngữ-học ứng-dụng nghiên-cứu các phương-pháp giảng-dạy thích-hợp với tiến-bộ khoa-học hiện-thời, những chương-trình thực-hiện lý-thuyết và kỹ thuật mới, thí-nghiệm những chương-trình học-tập, sách giáo-khoa, dụng-cụ thính thị, máy dịch, máy dạy. Công-việc tìm kiếm đang tiếp-tục, nhưng một số kết-luận tạm-thời vạch được những đường hướng mà sư-phạm hợp với thời-đại này không thể không dùng đến.

Nói đến phương-pháp dạy sinh-ngữ, tiêu-chuẩn giá-trị không phải nơi lý-thuyết mà nơi hiệu-năng. Từ lâu, đã có một số sáng-kiến nhắm mục phiêu này. Phương-pháp đầu-tiên để dạy tiếng Pháp

cho người Anh của Holyband, với sách *The French Littelton* được tái bản đến 18 lần, từ 1576 đến 1639. Holyband không dạy những luật đọc và văn-phạm mà đưa học sinh vào những cảnh sống thông-thường. Các đối-thoại được đọc lớn và học-sinh làm những cử-chỉ thích-hợp. Bài học được dịch ra tiếng Anh với một lối phiên-âm thô sơ. Phương pháp ấy đã là một cải cách quan-trọng so với lối học từng chữ một, như kiểu *Tam thiên tự* được chuyển thành *Trois mille mots*: *ciel* trời, *terre* đất, *élever* cất, *encore* còn, *fils* con. *neveu* cháu, *six* sáu, *trois* ba, v.v... Ở Pháp, cuối thế kỷ 19, Berlitz, Gouin, Wilhem Vietor thúc-đẩy việc canh tân sư-phạm về sinh-ngữ. Cho những người không đến trường hay không tìm thầy được, vô-số sách tự-học xuất-hiện, sách nào cũng quảng-cáo phương pháp mình đầy-đủ, đúng-đắn, nhanh-chóng. thực-tế, linh-động, toàn-diện, hấp-dẫn. Được biết nhiều là những tập *Thầy Bình-Dân*, hay phương pháp Xavier de Bouge, xuất bản từ 1874, bảo đảm dạy nói và viết tiếng Anh hay Đức, Tây-ban-Nha, Ý, Nga ... trong bốn tháng. Khi máy hát được phổ-thông, có những phương-pháp tự-học lý thú hơn, như của Linguaphone, Assimil v.v...

Đến nay nhà sư phạm về sinh-ngữ, dạy cho từng lớp hay cho từng người, cũng như nhà chế-tạo máy thính-thị, ngoài kinh-nghiệm của bao nhiêu sách vở và phương pháp hỗn tạp, đều chịu ảnh-hưởng ít hay nhiều của những công-trình lý-thuyết của Sweet, Sievers, Sayce, Klinghardt, Jespersen, Vietor, Passy, v.v .. Những hội truyền bá sinh-ngữ như *Alliance Francaise, British Council, Goethe Institut*, giúp cho thấy những khó khăn và trở ngại mà các sách phương-pháp trực-tiếp không giải-quyết được. Từ năm 1950, các nước Anh, Hoa-Kỳ, Na-uy, Đan mạch, Pháp đã góp nhiều sáng-kiến và việc kết-hợp thành ngữ-học ứng-dụng. Một số tên nổi bật, như Daniel Jones và Pike về ngữ-âm-học tiếng Anh, André Martinet về ngữ-âm-học và ngữ-học tổng-quát, Malmberg về ngữ-âm tiếng Pháp, Palmer và Niemann về kỹ-thuật thay thế, Michael West, Gougenheim, Michéa về ngữ-vựng căn-bản, Fries và Lédo về khung-cảnh cơ-cấu, Delattre về tổng-hợp lời nói, Marty, Valdman và Leon về phòng thí-nghiệm ngôn-ngữ, Rivenc và Capello về phương-pháp thính-thị, Skinner, Crowder, về trách-nhiệm và máy dạy sinh-ngữ.

Nhiều khuynh-hướng chi-phối sự nghiên-cứu. Có phái ta gọi là « toàn-thể » muốn dạy sinh-ngữ một cách chung, không cần luật, không cần dịch, chỉ nhờ đối thoại, cử chỉ, hình vẽ, phim ảnh, hoặc đưa người học đến môi-trường ngôn-ngữ thích hợp. Viétor, Couin Berlitz muốn thầy giáo xắp sách văn-phạm lại và đi đến những cảnh sống thật-sự, nơi đó những lời nói có nghĩa-lý và hữu-ích đáng được học hơn. Sự tiến-bộ rõ ràng của các học-sinh được học ngoại-ngữ tại chỗ hay trong gia-đình ngoại-quốc, cũng như tiếng tăm của các trường sinh-ngữ Berlitz, chứng tỏ giá-trị của quan-điểm trên. Nhưng phương-pháp toàn-thể ích lợi cho một giai-đoạn học tập đầu tiên mà thôi. Phương-pháp Tan-Gau ở Gia-nã-đại cũng áp-dụng lối thu-nhận toàn-thể cho giai-đoạn thụ-động. Thường những

yếu kém của học-sinh trong giai-đoạn hoạt-động, lúc cần nói những câu thông thường, là vì học-sinh muốn nói ngoại-ngữ, nhưng đặt những ý trong khung-cảnh cú-pháp của tiếng mình. Có thể để cho học-sinh làm rất nhiều bài tập thụ-động, cốt viết cho trúng, bao nhiêu điều thu-nhận được, trước hay sau sẽ chuyển qua lối dùng hoạt-động nhờ bắt chước và tổng-quát Những người tự-học có thể tiến-bộ về sinh-ngữ nếu áp-dụng một thứ học toàn-thể cách thụ-động, nghĩa là khi đọc bản ngoại-văn không cần phải dừng lại chỗ khó hiểu, nên lướt qua, và với sự hiểu biết từng mảnh, cố nhận-định đại-cương của bài. Lần lần, bản văn kết hợp lại trong trí, và chỉ dùng tự-điển là vượt lên những thắc mắc hay tránh ngộ-nhận.

Phái cơ-cấu không từ bỏ việc học văn-phạm như phái trên. Những nhà văn-phạm, có khi không phải là nhà sư-phạm, đã miêu-tả một cách tỉ-mỉ những chi-tiết của một ngôn-ngữ. Văn-phạm vẫn giúp cho hiểu biết một thứ tiếng, tuy chỉ hiểu biết thụ-động, không giúp cho lời nói hay câu văn nữa. Nhưng văn-phạm cần cho trình-độ cao để có một sự hiểu biết chín chắn. Phái cơ-cấu dựa trên những miêu-tả cần thiết của những nhà văn phạm, sẽ cho học-sinh những bài tập từ dễ đến khó nhưng trình bày trong khuôn khổ cú-pháp và nối liền với một tình-trạng. Bài học của Saussure cho nhà ngữ-học nhận thấy giá trị của sự đối chọi giữa các đơn-vị ngôn-ngữ, dù về âm-thanh hay hình-thức hay nghĩa-lý. Như vậy những luật văn-phạm ghép lại trong bài học bài tập dùng sự đối chọi để cho học-sinh lưu ý, ví dụ luật về số nhiều hay lối chia động-từ, nằm trong cơ-cấu bao trùm nhiều hình-thức và nhiều kiểu. Tuy nhiên, chỉ nên dạy lý-thuyết cần thiết cho học-sinh, giải-quyết những do dự mà không chuyển việc dạy sinh-ngữ thành một ngôn-ngữ-học.

Phái đối-chiếu dùng sự đối-nghịch hay tương-đồng không phải ở trong một thứ tiếng mà giữa nhiều ngôn-ngữ. Nhiều sách văn-phạm đối-chiếu, như của Vendryes (tiếng La-Hy), Meillet (tiếng Đức). Meyer-Lübke (về các thứ tiếng gốc La-linh) tiếp tục công-trình của Grimm, Curtius, Pedersen, v.v... và hữu ích cho những học-sinh cao cấp muốn biết lịch-sử về các ngôn-ngữ. Đối với những học-sinh trình độ thấp hơn, chỉ nên dùng đối-chiếu nhơn một mẹo luật hay về nghĩa một chữ nào đó, không thể dùng thường xuyên hay quá nhiều như trong trường-hợp giảng-văn hay nghiên-cứu một tử-ngữ.

Tư-tưởng về ngôn-ngữ ở Hoa-kỳ đã có dịp chuyển hướng khi Noam Chomsky xuất bản cuốn *Syntactic Structures* (cơ-cấu cú-pháp) năm 1957 và dựng lên thuyết về văn-phạm tịnh-tiến, dựa vào một số ý-niệm của văn-phạm cổ-truyền. Người phải học một sinh-ngữ khác với tiếng mình, có hai đường lối hoặc là học thuộc lòng những câu, hoặc là chuyển hóa những câu từ mấy cơ-cấu đã học. Ví dụ học tiếng Pháp từ câu kiểu : *je vais / au marché*, và thay thế túc-từ : *au cinéma, à la pagode..* hoặc *Va chez / le libraire*, để thay thế túc-từ : *le docteur, le voisin...* để rồi đi đến sự thay thế có biến-chuyển : *Où vas-tu ? Je vais / au marché / chez le libraire / au cinéma / chez le docteur*, v.v.

Những nhà sư-phạm Anh Palmer và West đã nghiên-cứu thêm về thuyết thay-thế nầy Với một số câu kiểu rất ít, có thể làm ra vô số câu mới. Phương-pháp nầy rất tiện-lợi khi đem vào máy dạy, tránh cho giáo sư một sự lập lại buồn chán và mất thì giờ khi phải luyện cho từng học-sinh của một lớp đông. Tại Pháp, các sách luyện về văn-pháp (stylistique) hay về hùng-biện đã biết theo lối thay thế và tịnh-tiến, nửa thế-kỷ nay.

Sự chế-tạo các máy tính điện-tử mỗi ngày mỗi tinh-vi đã dẫn đến một môn học mới, mà Norbert Wiener ở Hoa-Kỳ và Arturo Rosenblueth ở Mexico đã cùng đặt tên là *cybernetics* (1957), ta tạm-dịch là quản-cơ-học, nghiên-cứu bộ máy chuyển-thông và kiểm-soát nơi máy móc và nơi sinh-vật. Ngoài sự liên quan với lối điều-hành và xử-dụng các máy tự-động, khoa-học ấy còn nghiên-cứu về những chuyển-thông ngôn-ngữ có vai tuồng trọng yếu trong sự giao-thiệp giữa người với nhau. Có thể xem thuộc phải « quản-cơ» những nhà ngữ học dùng tiện-nghi kỹ-thuật và phương pháp của máy tự-động để đọc tín-hiệu và dịch ra nhờ những phản-ứng được sắp đặt trước Trí óc người, hiệu-năng hơn thứ máy điện-tử tinh-xảo nhất, chắc hẳn học tập được theo đường lối thu nhận của máy móc. Đây còn là giả-thuyết, vì chương-trình sắp cho máy không giống cách điều hành của não. Tuy vậy, những máy theo kiểu Skinner thu-hoạch kết quả đầy hứa hẹn các máy thính-thị được sản xuất nhiều, giúp cho sự hiểu và nói sinh-ngữ trở nên nhanh chóng và đúng đắn. Những phòng học sinh-ngữ nhờ máy điện-tử xuất-hiện ở Hoa-Kỳ vào năm 1958, với 304 đơn-vị, bốn năm sau số ấy đã lên đến 6.700.

Máy thính-thị được chế-tạo nhờ một nhận-định đơn giản : một trẻ học tiếng mẹ trải qua nhiều giai-đoạn kế tiếp, tập nghe, tập nói, rồi vào trường tập đọc và tập viết. Biết được chính-tả, trẻ nghi lại được lời nói của người. Không phải tất cả mọi người trong một xã-hội đều qua hai giai-đoạn sau, còn vô số người chịu mù chữ. Nhưng tất cả mọi người đều qua hai giai đoạn tập nghe và tập nói,. Người muốn học sinh-ngữ phải bắt chước trẻ học tiếng mẹ và theo thứ-tự giai-đoạn.

Nghiên-cứu về máy dạy, phòng thí-nghiệm sinh-ngữ và chương-trình học tập, Skinner, Crowder, Pressey là ba nhà tâm-học Hoa-Kỳ có công-trình đặc biệt nhất. Skinner dựa vào thí-nghiệm nơi động-vật và nhiều chương-trình giáo-dục, chú trọng đến những máy dạy và lối huấn-luyện có chương-trình (*The science of learning and the art of teaching*, Harvard educ. Rev 1954, Teaching Machines, Science, 1958) Tâm lý học cho biết một sự tăng-cường hay một hậu-quả khả-quan tiếptheo một câu trả lời, giúp cho việc thu hoạch câu trả lời ấy một cách lâu bền, Skinner áp dụng nhận định ấy cho tình-trạng học tập ở lớp học. Thầy-giáo với 25 học-sinh không thể cung cấp sự lập lại để tăng cường cần-thiết cho mỗi câu trả lời của từng học-sinh. Như vậy học-sinh chậm tiến. Nhiều học-sinh tiếp tục làm sai trong thời-gian khá lâu trước khi thầy giáo cho họ biết là sai. Máy riêng cho mỗi học-sinh xử dụng có thể sửa chữa

khuyết-điểm. Những nhà tâm-học cũng đồng ý về điểm : không những phải cung cấp sự tăng cường tiếp liền câu đáp, mà cần phải tiếp tục cung cấp trong thời gian khá lâu. Ở trường, những bài học ôn nhắm mục-phiêu sau, nếu có sự hướng-dẫn của thầy giáo, cũng khó mà lo cho từng học-sinh khi phải dạy cả lớp. Máy dạy có thể thay thế thầy giáo, và định khoảng cách của sự lập lại để tăng cường. Skinner muốn loại tánh cách tập dượt phi phỏng thường xảy ra ở lớp học, mà định chương-trình huấn-luyện khoa học hơn. Máy còn có thể định số lượng và khoảng cách thời gian cho từng người học, tùy mỗi loại giải-đáp và tùy thái-độ phản-ứng của mỗi người.

Máy còn loại bỏ sự lo âu của trẻ thường có, khi sự trừng phạt được dùng để kích-thích việc học. Máy sắp đặt chương-trình tập luyện tiệm tiến một cách hiệu-năng hơn thầy giáo, vì con người không nắm vững được mọi biến-cố giữa thầy giáo và người học. So với hiệu-năng có thể thu-nhận, vấn-đề kỹ-thuật và chi-phí về máy học riêng không quá đáng. Giá máy tại các xã-hội kỹ-nghệ không đắt hơn những máy thường dùng trong gia-đình như máy giặt, máy lạnh, máy truyền hình.

Skinner chủ-trương dùng chương-trình đường thẳng (linear program), trong đó, mỗi học-sinh đi từng bước một theo tốc-độ đều. Học-sinh trả lời cho mỗi bước, khi câu trả lời đúng được đưa ra, sự hiểu biết được tăng cường bằng lập lại. Mọi câu hỏi đều dễ dàng để học-sinh không trả lời sai được. Skinner nghĩ rằng nên để học-sinh xây-dựng giải-đáp hơn là buộc học-sinh lựa chọn một trong nhiều giải-đáp trình bày, một lối có hại cho học-sinh đang tìm một phản-ứng thích nghi. Sự học-tập chịu ảnh-hưởng thắt lợi cho sự do dự, phân vân, vì tánh cách gần như đúng hay có thể đúng của những giải-đáp được đưa ra để lựa chọn. Khi biết đến những giải-đáp sai học-sinh một lúc nào đó sẽ dùng đến thay vì dùng giải-đáp đúng. (Những thí-dụ bài học-tập về toán theo phương-pháp Skinner có trong : *Examples of linear programing in mathematics*, Chicago : Encyclopedia Britannica Press, 1963.)

Chương-trình theo Crowder khác với chương-trình đường thẳng của Skinner. Chương-trình gọi là «mắc ngành» (branching program) Crowder cho rằng việc hiểu sai không thể tránh được trong khi học tập. Chương-trình có bổn-phận giải-quyết lối hiểu sai đặc biệt của mỗi học-sinh trước khi họ tiến theo chương-trình. Câu hỏi có nhiều giải-đáp được đưa ra cho học-sinh lựa chọn. Trả lời đúng, học-sinh tiếp-tục qua câu khác Nếu đáp sai; máy sẽ đưa học-sinh đến những tài-liệu thích-ứng để học sinh thấy sai của mình, giải-quyết được những vấn-đề của ngành phụ của chương-trình rồi trở lại với câu hỏi trước chưa giải đáp đúng. (*On the differences between linear and intrinsic programming*, De Cecco. 1963) Crowder không chủ-trương học không sai lầm như Skinner, trong chương-trình mắc ngành, những câu hỏi có công dụng tìm ra sự sai lầm và như vậy không có câu trả lời nào lại

(*Xem tiếp trang 84*)

● TRẦN-VĂN-TÍCH

4 *(xin xem BK. từ số 337-338)*

NGHĨ VỀ VẤN-ĐỀ hiện đại hóa Đông-Y

« *Der Geist der Medizin ist leicht zu fassen* »...
GOETHE

(Tiếp theo BK số 340)

Phương-thức cải-cách Đông-Y tại Đại-Hàn

Từ nghìn xưa, nền Đông-Y Đại-Hàn đã phát-triển rất phong-phú, và còn truyền-bá sang nước ngoài, nhất là Nhật-Bản (1), và có trao-đổi với Trung-Hoa, xuất-bản kim châm sang Trung-Hoa.

Triều-Tiên rất tự-hào về nền y-lý cổ truyền, vì đã tìm ra nhân-sâm, còn gọi là thần-thảo, tiên-thảo, hay thuốc trường-thọ. Bộ sách «*Đông-Y Bảo-Giám*» của danh-y *Hứa-Tuân*, chiếm một địa-vị trọng-yếu trong kho-tàng thư-liệu y-học Triều-Tiên, chủ-trương lấy phòng bệnh làm chính, gồm nhiều khoa chữa bệnh với dược-liệu rẻ tiền và châm-cứu theo thuyết kinh lạc.

Trong thời cận-đại và hiện-đại, Triều-Tiên vẫn thừa-kế lý-luận Đông-Y, tin-tưởng vào lý-luận ấy và dùng khoa-học tân-tiến chứng-minh sự tồn-tại và thực-chất của nhiều dữ-kiện y-lý y-thuật, nhất là về hệ kinh lạc. Đáng lưu ý hơn hết có lẽ là các phát-minh của giáo-sư Kim Bong Han (2) mà các cơ-quan thông-tấn và các nhật-báo sau bức màn tre và bức màn sắt đã ồn-ào quảng-cáo từ cuối năm 1963.

Hệ Phượng-Hán là một cấu-trúc đặc-biệt, khác hẳn với hệ thần-kinh, gồm tiểu-thể Phượng-Hán, ống dẫn Phượng-Hán, nối liền tất-cả tạng-phủ với nhau và với bên ngoài để làm nhiệm-vụ thông-tin liên-lạc, điều-chỉnh dinh dưỡng và còn chi-phối quá-trình sinh-học của tế bào. Chất dịch lưu-thông trong hệ Phượng-Hán có chứa nhiều aicd desôxyribônucleic, nhiều học-môn, prôtid, lipid v.v..

Một thuyết mới về sự tái-tạo của cơ-thể và của tế-bào, dựa trên một thành-phần đặc-biệt, các *hạt sanal* cũng đã được đề ra. Theo thuyết nầy, trong nhân tế-bào sản-sinh ra hạt sanal, hạt này chui vào hệ Phượng-Hán và chất dịch Phượng-Hán nuôi dưỡng hạt sanal lớn lên thành nhiều tế-bào khác. Như vậy, ngoài sự phân-chia tế-bào theo lối chia làm hai — tức là lối phân-chia vẫn được y-học mô-tả từ trước đến nay —, còn có cách sinh-sản tế-bào theo thuyết sanal. (3) Tuy nhiên,

---

(1) *Z. Onya et P. Huard.— Panorama de la médecine japonaise. Biologie Medicale. no 52. 1964.*

(2) *Âm Hán-Việt là Kim Phượng-Hán.*

(3) *Hàn-từ-Dương (Han-siu-Yang). — Acupuncture, the scientific evidence. Nhân-dân nhật-báo. 14-XII-1963.*

những luận-thuyết nầy dường như chưa được y-giới Tây-phương kiểm-nghiệm và xác-nhận. (1)

Dẫu sao đi nữa, thì từ một thuyết kinh-điển là thuyết kinh lạc, Phượng-Hán đã dùng khoa-học hiện-đại để xây-dựng nên một thuyết mới, có tính-chất có thể gọi là cách-mạng về sinh-vật-học, dĩ nhiên, với điều-kiện tiên-quyết là thuyết ấy được công-nhận chính-xác. Và nếu có được điều-kiện nầy thì đây thiết tưởng cũng là một bài học hữu-giá về con đường phát-triển Đông-Y và kết-hợp Đông Tây Y.

Nhật-bản và phương-hướng hiện-đại-hóa Đông-Y

Thời-đại phục-hưng và phát-triển Đông-Y Nhật-Bản có thể nói bắt đầu với bác-sĩ *Thạng-Bản Cầu-Chân* tác-giả quyển *Hoàng-Hán Y-Học* xuất-bản năm 1927. Trong quyển nầy, tác-giả đã tổng-hợp kinh-nghiệm Đông-Y Nhật-Bản và Đông-Y Trung-Hoa trên căn-bản hai pho *Thương-hàn luận* và *Kim-quỹ yếu-lược* của Trương-trọng-Cảnh. Tác-giả chủ-trương Đông-Y chỉ nên phát-triển theo hướng biện-chứng luận-trị trên cơ sở hai quyển sách cổ-điển nói trên, bỏ bớt một số lý-luận khó hiểu. Tác-giả đề-nghị sau khi học kỹ các sách của Trương-trọng-Cảnh sẽ tiến lên một bước đọc các sách của các nhà khảo-cứu đời sau. Trong quyển Hoàng-Hán Y-Học, Thang-Bản Cầu-Chân đã vận-dụng y-học Tây-phương để [illegible] ích y-học cổ-truyền và hướng [illegible] ể hực-dụng.

Từ 1945 đến nay, Đông-Y Nhật-Bản vẫn đi theo hướng này. Các danh-y nối-nghiệp Thang-Bản Cầu-Chân cũng lấy biện-chứng luận trị của Thương hàn-luận làm cơ-sở song còn đi một bước cao hơn về Tây-y-hóa là lấy bệnh-danh, bệnh-lý hoàn-toàn Tây-Y. Thí-dụ đối với bệnh ung-loét dạ-dày, bệnh-danh, nguyên-nhân, triệu chứng, cơ-thể bệnh-lý, sinh-lý bệnh-lý được mô-tả theo Tây Y, nhưng điều-trị bằng Đông-Y, có thêm biện-chứng theo kinh-nghiệm Nhật-Bản về phúc-chẩn (2).

Cuối thế-kỷ 19, *Yamanashi* và *Nagai* tìm ra *êphêdrin* ở vị thuốc Ma-hoàng (*Ephedra sinica*) khi khảo-cứu những dược-phương trong cuốn Thương-hàn-luận. Hiệp-Hội Đông-Y Nhật-Bản (*Toyo Igaku-kai*) chuyên phân-tích các dược-chất Đông-phương, và nghiên-cứu nhiều về châm-cứu.

Yamashita, Tokieda, Takino Goto.. đã chứng-minh rằng phép châm-cứu khiến gia-tăng số-lượng bạch-huyết-cầu trong máu, tán-trợ sự thực-bào, làm tốc-độ trầm-giáng của hồng-cầu lên cao. Đồng-thời trong máu thấy xuất-hiện một hóa-chất lân-cận với histamin, gọi là *histotoxin*, có tác-dụng trợ tim, kháng biến-ứng. Ngoài ra, châm và cứu cũng tác-dụng trên hệ thần-kinh thực-vật (3).

Hiện nay tại Nhật-Bản có khoảng ba mươi ngàn chuyên-viên châm-cứu hành nghề sau ba năm học-tập ở một Trường Cao Đẳng, và, hàng năm, có

---

(1) *R. C. Croizier. — tldd.*

(2) *Xem sức trương của các cơ ở bụng.*

(3) *Huard P. and M. Wong. Chinese Medicine (tldd).*

chừng 2.500 sinh-viên ghi tên nhập-học để lấy chứng-chỉ châm-cứu.

Hai tờ tạp-chí Journal of the Pharmaceutical Society of Japan (*Yakugaku Zasshi*) Chemical and Pharmaceuttical Bulletin, tờ thứ nhất viết bằng Nhật-ngữ, tờ thứ hai viết bằng Anh ngữ, thường-xuyên đăng-tải những bài nghiên-cứu chi-tiết các dược-liệu cổ-truyền, rất được y-giới quốc-tế chú-ý.

Nguyên-tắc và đường hướng hiện-đại-hóa Đông-y đề-nghị áp-dụng cho miền Nam Việt-nam.

Một trong những đặc-tính của y-lý Đông-phương là quan-niệm con người như một toàn-thể bất-khả-phân. Đông-y không hiểu sâu từng bộ-phận của con người, vì không giải-phẫu thi-hài — do đó, không rành về cơ-thể-học —, vì không áp-dụng phương pháp thực-nghiệm — do đó, thiếu phần chính-xác về khoa sinh-lý —. Thực ra, ta có thể suy-diễn rằng cơ-thể đối với Đông-Y là một *hộp đen* (1), bởi Đông-Y không tách rời từng bộ-phận để nghiên-cứu. Tuy nhiên, khi mổ-xẻ cắt-xén, tách ra ngoài, dẫu có ưu-điểm là giúp hiểu chi-tiết sâu hơn song lại phạm phải khuyết-điểm là phân-lập với toàn-thể, làm sai-lạc các phản-ứng tự-nhiên của toàn-bộ cơ-thể. Đông-Y luôn luôn nghiên-cứu cơ-thể trong tình-trạng và trên bình-diện thống-nhất, toàn-vẹn.

Đi xa hơn nữa, Đông-Y nhấn mạnh đến các ảnh-hưởng của hoàn-cảnh thiên-nhiên và đặc-biệt chú-trọng sự chi-phối của hoàn-cảnh xã-hội đối với cơ-thể, rồi phân-tách các phản ứng sinh-lý và bệnh-lý xuất-phát từ cơ-thể con người để quy-nạp thành hợp-chứng theo luật âm-dương ngũ hành. *Đối với những hợp-chứng đã được đúc-kết, Đông-Y áp-dụng những phương-thức trị-liệu cho từng hợp-chứng.*

Vì quan-niệm bệnh-tật chỉ là mâu-thuẫn không thống-nhất, hàn nhiệt không quân-bình, khí huyết bất cân-đối, không chạy đều trong hệ-thống kinh lạc nên lý-luận chữa bệnh của Đông-Y chủ-yếu là lập lại quân-bình âm dương, thủy hỏa, hàn nhiệt, khí huyết v.v... : đấy là một chủ-thuyết vô cùng phong-phú, dựa trên kinh-nghiệm từ mấy nghìn năm nay, nắm vững từng vị thuốc, từng huyệt châm-cứu, từng cách thở, từng nhịp

---

(1) *Hộp đen dịch hai chữ boite noire (black box). Đây là một danh-từ mượn của khoa cybernetic, và dùng để chỉ một hệ-thống hay một bọ máy mà ta không quan tâm mấy đến cấu trúc, miễn là ta biết cách xử dụng. Nói cách khác, đối với bộ máy hay hệ thống ấy ta không cần biết máy được chế tạo ra sao, máy hoạt động như thế nào, chỉ cần ta biết rõ là máy dùng để làm gì, và cách dùng máy ra sao. Để dễ hiểu ta có thể lấy ví dụ cái máy vô tuyến truyền thanh : ta ráp pin vào máy, ta gắn luồng sóng, ta vặn nút, và lời ca tiếng nhạc rót vào tai ta. Còn bên trong đang xảy ra chuyện gì ? Ai hơi đâu mà tìm hiền cho mệt óc ! Trong khoa sinh vật học, vấn đề đặt ra dĩ nhiên hơi khác, và những «hộp đen» sinh vật học là những cấu-trúc phức tạp mà ta chưa hiểu rõ, vì các tiến bộ kỹ thuật đương thời chưa cho phép «mở hộp» để xem bên trong có gì. Dĩ-nhiên tham-vọng của mọi cố-gắng sinh-vật-học vẫn là làm sao «mở» được càng nhiều «hộp» càng tốt, để có thể mô-tả những «đồ hình» sinh-vật-học càng ngày càng chính-xác. Nói tóm lại, «hộp đen» chỉ là một chữ dùng cho tiện, để chỉ những gì ta chưa rõ trong nhất thời. Nhưng... que sera, sera...*

mạch, từng cách ăn, cách ở, cách tập-trung và tu-dưỡng tư-tưởng, cách chủ-động tình-cảm, cách quân-bình lao-động trí óc và tay chân, để đi đến ổn-định và thống-nhất trong cơ-thể.

Vậy đặc-điểm của Đông-Y là luôn luôn lý-luận theo sát quy-luật mâu-thuẫn, sinh khắc, xem con người một cách toàn-diện, thống-nhất trong nội-môi cũng như thống-nhất với hoàn-cảnh xã-hội và thiên-nhiên ngoại-giới. Toàn-bộ lý-luận và thực-tiễn của Đông-Y đều quán-triệt các quy-luật ấy nên vẫn hằng giữ tính-chất tổng hợp, toàn-diện, thống-nhất, không sa vào phân-tích, cục-bộ, phiến-diện.

Để không phản lại tính-chất căn-bản nầy của y-lý Đông-phương, chúng tôi nghĩ nguyên-tắc đầu tiên cần nêu ra trong phương-hướng hiện-đại-hóa Đông-Y là *phải phát-triển Đông-Y trên toàn-bộ lý-luận và thực-tiễn.*

Như vậy, thiết tưởng chẳng nên xử-sự như những nhà khảo cứu Đông Y ở nước ta từ thời Pháp-thuộc đến nay vẫn xử-sự, nghĩa là cố gắng — nhiều khi rất gượng ép — đồng-hóa thận với quả cật, vị với dạ dầy, tỳ với lá lách, tâm với quả tim v.v.. Chính bởi cứ dày công gán ghép cho được những tạng-phủ Đông-Y với các cơ quan bộ-phận Tây-Y, nên lắm tác-giả theo Tây-học đã gặp nhiều lúng túng, chẳng hạn khi định-nghĩa tạng tượng tam tiêu của Đông-Y. Trong khi vị giáo-sư lão-thành của chúng tôi, giáo-sư Huard, gọi tam tiêu là les 3 réchauffeurs, les 3 cuiseurs (1), thì một đồng-nghiệp quá cố, bác-sĩ Dương-bá-Bành, gọi là les 3 foyers (2), một đồng-nghiệp thứ ba, bác-sĩ Nguyễn-ngọc-Thăng gọi là les 3 étages (3) và một đồng-nghiệp thứ tư, bác-sĩ Huỳnh-trung-Nhì gọi là les 3 plexus (4). Riêng Croizier, một tác-giả Hoa-kỳ thì mô-tả tam tiêu như là « a fanciful invention called the *san chiao*, three burning places » ! (5)

Thực ra, *mỗi tạng-phủ của Đông-Y là một tạng-tượng, nghĩa là không phải một cơ-quan*, một bộ-phận hiểu theo nghĩa cơ-thể-học của Tây-Y, *mà chính là một nhóm chức-năng hiện-tượng sinh-lý*, bao gồm những chức-năng phức-tạp về nội-tiết, thần-kinh và chức-năng riêng-biệt của các tạng-phủ đã tìm ra và chưa tìm ra của môn cơ-thể sinh-lý-học hiện-đại mà Đông-Y chưa hề biết tới.

Chính vì thế mà trong khi Tây-Y đem lưỡng thận xếp vào hệ bài-tiết tách-rời hoàn-toàn khỏi chức-năng sinh-dục, thì Đông-Y trái lại cho thận là thành phần rất quan-trọng bao-quát cả mệnh-môn, tinh-thất

---

(1) *P. Huard et M.Wong. La médecine chinoise au cours des siècles. Dacosta éditeurs Paris 959.*

(2) *Dương-bá-Bành. Histoire de la médecine du Viet-Nam. Thèse de Hanoi. 1947.*

(3) *Nguyễn-ngọc-Thăng. Contribution à l'étude du grand médicin Vietnamien Hải-Thượng Lãn-Ông. Les préceptes de jade. Thèse de Hànội. 1952.*

(4) *Huỳnh-trung-Nhì. Conception de la médecine orientale sur la tuberculose. Thèse de Saigon 1958.*

(5) *R. C. Croizier. tldd.*

bào-cung, tinh-nang, tinh-quản và ngoại thận. Và cũng bởi chỉ hiểu thận theo cơ-thể-học hiện-đại, nên nhiều đồng-nghiệp Tây-Y của chúng tôi đã thắc-mắc không ít khi nghe Đông-Y đề-cập đến «bổ thận» trong trong những trường-hợp khả-năng sinh-dục yếu kém ! Có biết đâu rằng người xưa quan-niệm «thận vi tác cường chi quan» hay «thận là gốc của tiên thiên, là gốc của sinh-mệnh» tức là nhờ có thận mà tinh-khí mới dồi-dào, cơ-thể mới cường-tráng, nội-lực mới sung-mãn. Nhưng cổ-nhân cũng đã nêu lên liên-quan mật-thiết giữa thận với sự bài-tiết nước tiểu bằng câu «thận khai khiếu ở nhị âm». Thận với bàng-quang còn có liên-quan biểu lý (thận thuộc lý, bàng quang thuộc biểu) Ngoài ra, một phần tam tiêu lại thuộc bàng-quang («tam tiêu... thủy đạo xuất yên») mà bàng-quang với thận lại có quan-hệ biểu lý : như vậy bàng-quang, tam tiêu và thận có liên-quan trực-tiếp với nhau. Do đó, nói đến thận của Đông-Y, ta phải hiểu là thận tượng, là thận hệ, bao gồm hệ bài-tiết, hệ sinh-dục và các tuyến nội-tiết của Tây-Y !

Tương-tự như vậy, tỳ vị của Đông-Y tương-ứng với toàn-bộ cơ-năng tiêu-hóa ngày nay, bởi *Cảnh-nhạc toàn-thư* viết «Tỳ chủ vận-hóa, vị chủ thu-nạp». Còn can của Đông-Y, nếu ta chỉ hiểu đơn-giản là gan thì thật không thể nào lĩnh-hội được những quan-điểm của tiền-nhân về sinh-lý bệnh-lý. Chẳng hạn, các bậc tiên-y ghi nhận «nộ thương can» (1) : tức giận quá thì tổn - thương đến can (2). Theo quy-luật sinh khắc của ngũ hành thì can mộc khắc tỳ thổ (3). Khi quá giận-dữ, sẽ tổn-thương đến can, can có bệnh biến sẽ ảnh-hưởng đến tỳ và gây ra rối-loạn tiêu-hóa. Nếu liên-hệ quan-điểm nầy với lý-luận của Tây-Y, ta thấy chữ can mà Đông-Y quan-niệm có bao-hàm ý chỉ các trung-khu thần-kinh nữa. Bởi theo lý-luận y-học hiện-đại, khi giận-dữ quá độ, tinh-thần bị kích-thích mạnh, lượng máu dồn lên não quá nhiều khiến cơ-năng của các bộ-phận thần-kinh cao-cấp bị trở-ngại. Quá-trình hưng-phấn và ức-chế lúc ấy mất thăng-bằng, gây nên sự mất điều-hòa trong công-năng vỏ não. Kết-quả là cơ-năng bài-tiết của một số tuyến nội-tiết bị trở-ngại, do đó gây ra một số triệu-chứng ở hệ tiêu-hóa như ăn không ngon, đầy bụng, khó tiêu... Cho nên, nếu cố chấp, nhất-định chỉ hiểu can của Đông-Y là gan của Tây-Y thì thiết tưởng thực khó lòng thông-cảm được với tiền-nhân.

Về các phương-diện khác như bệnh-lý, sinh-lý, dược-lý v.v..., chúng tôi trộm nghĩ cũng nên nhìn với một nhãn quan rộng-rãi, nếu cần thì bao-dung, không nên khe-khắt. Chẳng hạn bệnh sốt-rét mà Đông-Y phân-biệt nhiều loại khác nhau như âm ngược, đàm ngược, và quan-niệm do lam-sơn chướng-khí

---

(1) *BK số 337-38 ngày 15-1-71, trang 110.*

(2) *chứ không phải gan (1) :*

(3) *Bách-Khoa số 337-338, ngày 15-1-1971 trang 108.*

bởi ẩm thấp núi rừng, khí lực suy tổn, âm hư huyết kém, tỳ vị tổn-thương, do đó hướng điều-trị nhằm tiêu đàm, bồi bổ khí-huyết, mạnh tỳ vị, trừ ẩm-thấp, hạ sốt... Lam sơn chướng khí tương ứng với muỗi anôphen và huyết-trùng Laveran, âm hư huyết kém rất gần với bần-huyết do hồng-cầu bị phá vỡ, tỳ vị tổn thương là chỉ các biến-chứng như sưng lách...

Nguyên-tắc thứ hai liên-hệ chặt-chẽ cùng nguyên-tắc thứ nhất vừa đề-cập đến : *không nên vội-vã Tây-Y-hóa Đông-Y theo hiểu biết của khoa-học hiện-đại*, mà nên dùng khoa-học và kỹ-thuật tân-tiến để chứng-minh lý-luận Đông-Y cùng cơ-chế tác-dụng của các liệu-pháp và các dược-phương cổ-điển cũng như dân-gian còn hối-tàng của Đông-Y, cố-gắng làm cho Đông-Y bớt phần trừu-tượng, thô-sơ và chất-phát, trong khi vẫn bảo-tồn được tính chất tổng-hợp, thống-nhất, toàn-diện và biện-chứng của nền y-học cổ-truyền. Như vậy, chúng tôi nghĩ có lẽ không nên phủ nhận lý-luận Đông-Y để lấy bệnh-học Tây-Y thay thế vào, trong khi chỉ giữ phần trị-liệu cổ-điển. Đành rằng đây là một hình-thức Tây-Y-hóa Đông-Y tương-đối giản-dị, nhẹ-nhàng, nhưng nếu làm như vậy, vô-hình chung đã loại bỏ tất cả y-lý Đông-phương, mà chỉ giữ lại phần dược-lực của Đông-Y. Bởi những tính-chất của dược-vật, các quy-luật về phối-ngũ, cấm-kỵ, liều-lượng trong phương-tễ có liên-quan mật-thiết với những y-lý cơ-bản nhất là lý-luận âm dương ngũ hành : điều nầy thực dễ hiểu. Vì muốn dụng dược có hiệu-quả, trước hết đương-nhiên phải nắm vững tính-năng của dược-phẩm, tức là tác-dụng dược-lý của vị thuốc như tứ khí, ngũ vị, thăng giáng, phù trầm v.v... Có như thế mới quyết-định được bệnh ở đâu thì dùng thuốc thăng-phù ở đâu thì dùng thuốc trầm giáng, trường-hợp nào cần đến tác-dụng của từng ngũ vị tân toan cam khổ hàm. Ngoài ra, còn cần chú ý đến tác-dụng bổ tả của thuốc, cho nên khi xét các chứng bệnh, không những phải phân-tích hàn-nhiệt âm dương biểu lý mà còn cần lưu-tâm hư thực. Rồi lại phải dựa theo học-thuyết kinh lạc và học-thuyết tạng tượng để khảo sát vấn-đề quy kinh, nêu lên tác-dụng chủ-yếu của từng vị thuốc đối với mỗi tạng-phủ, kinh lạc.

Tất cả những điều rườm-rà vừa kể thực ra chỉ nhằm chứng-minh rằng đi theo lối tắt, dùng Tây-Y trình-bầy bệnh-danh, bệnh-lý của từng chứng-bệnh rồi dùng Đông-Y để điều-trị e rằng không phải là một điều hợp-lý. Trái lại, nên dùng mọi khoa-học và kỹ-thuật hiện-đại để chứng-minh lý-luận Đông-Y, xem phần nào đúng, phần nào sai — phần sai có thể nhiều hơn phần đúng ! — phương-pháp nào còn rườm-rà phức-tạp, lối bào-chế nào là hợp-lý, phép tẩm sao nào là huyền-bí v.v... Phải gắng cắt-nghĩa tại sao trần-bì phải để lâu, chất men gì tác-động ? Tại sao phải để nam-tinh vào túi mật, treo trước gió chỗ mát trong mấy năm trời để chế thuốc trị chứng

kinh-phong ? Tại sao lại có lối bào-chế ngộ-nghĩnh như điều-chế vị Nhân-trung-hoàng ? (1)

Nếu chứng-minh lý-luận Đông-Y bằng khoa-học hiện đại chưa được, cũng chưa nên vội phủ-nhận, và nhất là càng chưa nên vội công-kích !

Có cần nhắc lại ở đây là nhiều học-giả Tây-phương đã công-nhận tính-cách chính-xác và giá-trị của tứ chẩn bát cương trong Đông-Y : bác-sĩ E. H. Humes chẳng hạn, đã kể một trường-hợp ở Trường-sa, thủ-phủ tỉnh Hồ-nam : Humes cùng một đồng y-sĩ, xử-dụng những phương-pháp chẩn-đoán hoàn-toàn dị-biệt, đã cùng đi đến kết-luận là một bệnh-nhân mắc bệnh thận. (2)

Nguyên tắc thứ ba là cần *cố-gắng tổng-hợp Đông Tây Y*. nhằm đạt đến mục-tiêu tối-hậu là *thống-nhất Đông Tây Y, xây-dựng nền y-học nhân-loại, một nền y-học thuần nhất khoa-học* (3) Đây dĩ-nhiên là một công-trình vĩ-đại, đòi hỏi nhiều công-phu, một cá-nhân, một tổ-chức không thể nào làm nổi. Trái lại, Đông y-sĩ và Tây y-sĩ phải đoàn-kết, tương thân tương kính, không nghi ngờ nhau, không khinh-thường nhau mà phải bình-đẳng cộng-tác, tóm lại, phải có thái-độ đồng-nghiệp. Ngành nào có khía-cạnh chuyên-môn của ngành đó, ngành nào cũng có sở-trường, sở-đoản, chc nên cần gia-công bổ-túc cho nhau. Đối-tượng nghiên-cứu sẽ là các kinh-nghiệm cổ-truyền mà chúng ta được thừa kế, các dược-phương dược-tễ của dân-gian. Nghiên-cứu để hiểu rõ tác-dụng, quy-luật phục-dược, để so-sánh với các phương-pháp và vị thuốc của Tây-Y rồi mới đi đến hợp-nhất. Bởi tổng-hợp Đông Tây Y không thể được quan-niệm giản-đơn là cộng phương-pháp Đông-Y với phương-pháp Tây-Y mà phải biết tác-dụng công-dụng của từng liệu-pháp rồi lựa chọn liệu-pháp nào công-hiệu nhất, trị nhanh nhất, an-toàn nhất và rẻ tiền nhất. Cũng có thể kết-hợp Đông Tây Y một cách linh-động hơn, chẳng hạn điều-hòa cơ-thể khí-huyết bằng Đông-Y, xử-dụng trụ-sinh để diệt trùng bằng Tây-Y.

Như vậy, bên cạnh Viện Nghiên-Cứu Đông-Y mà nhiều người đã và đang đề-cập đến, chúng tôi thấy có lẽ nên xúc-tiến việc thành-lập các trại bệnh Đông-Y trong những bệnh-viện, bệnh-xá của chính-quyền. Những dược-liệu của dân-gian, rẻ tiền, dễ kiếm, đã được quần-chúng đồng-bào xử-dụng trong quá-trình đấu-tranh chống lại bệnh tật, sẽ được nền Tây-Y và Tây-Dược khảo-nghiệm đồng thời với những dược-liệu chính-thức của y-lý cổ-truyền, rồi đem áp-dụng trị-liệu cho bệnh-nhân ở các trại bệnh Đông-Y, để so-sánh kết-quả với các biện-pháp trị-liệu hiện-hành. Sâm Bố-chính (*Hibiscus sagittifolius* Kurs.) chắc phải có công-năng bổ-dưỡng cao nên mới được nhân-dân tin dùng qua bao thế-kỷ. Phải chăng vỏ cây mù u (*Calophyllum inophyllum* L.), ngoài các hoạt-chất đã được nền tân-dược trích-khai, còn chứa một dược-chất khác, có khả-năng chữa lành vị-viêm ?

Tóm lại, cần nghiên-cứu từng bệnh một, kết-hợp từ lý-luận đến thực-hành để rồi đề ra một phương-thức trị-liệu vừa khoa-học, vừa dân-tộc, vừa đại-chúng, sau khi đã khảo-cứu về lâm-sàng và thực-nghiệm, về dược-tính và công-dụng của từng vị thuốc.

---

(1) Bách-Khoa số 330, ngày 1-10-1970, trang 20.

(2) E. H. Humes. Doctors East and Doctors West. Baltimore 1966.

(3) Hoàng-văn-Đức. Thư riêng viết cho ác-giả loạt bài nầy,

Do đó, có nguyên-tắc thứ tư : cần nhắm vào thực trạng miền Nam, *đề cao dân-tộc-tính của y-học nước nhà*, và nếu có thể được, xử-dụng thuốc nam của dân-tộc. Tây y cũng như Đông-y hiện nay cùng đều có chung một khuyết-điểm : ngành thì chỉ dùng toàn thuốc Âu-Mỹ, ngành thì quá thiên về thuốc Trung-Hoa (thuốc bắc). Khuyết-điểm nầy đối với ngành Tây-Y chúng tôi thì đã quá hiển-nhiên, nhưng quí vị lương y lão-thành, do chỉ học-tập sách vở Hán-ngữ, nên trong quá-trình lý-pháp phương-dược, đã gần như trọn vẹn ngừng lại ở giai-đoạn dùng thuốc bắc mà không dày công nghiên-cứu để đi từ thuốc bắc đến nam, đến phương-pháp trị bệnh dân-gian, không phải là không phong-phú. Dường như câu «Nam dược trị Nam nhân» của Tuệ-Tĩnh thiền-sư, không ai trong chúng ta còn nhớ nữa !

Cũng dưới khía-cạnh cố-gắng tự lực tự cường nầy chúng ta cần phát-triển trồng thuốc nam và thuốc bắc di-thực, nhất là ở vùng cao-nguyên và đồng-bằng đang được tái-lập an-ninh. Đồng-bằng miền Nam, phì-nhiêu không kém bất cứ đồng-bằng nào của thế giới, khí-hậu lại ấm-áp, chắc sẽ là một vùng thổ-nghi thích-hợp với những loại đan-sâm, ngưu-tất-hoài, bố-chính sâm, địa-liền, ý-dĩ. cúc-hoa, hoè-hoa, ích-mẫu, bạc-hà, hoắc-hương. Còn có đất nào thích-hợp để trồng trạch-tả hơn là những đám ruộng bùn lầy ngập nước miền Tây ? Sinh-địa, huyền sâm, bạch-chỉ, xuyên-khung, vân-mộc hương, tô mộc, xa tiền hẳn sẽ sinh-sôi nầy-nở tươi-tốt trên những luống đất màu-mỡ với khí-hậu mát lạnh của Miền Trung-du và Cao-nguyên Trung phần. Đã có ai nghĩ đến trồng-tỉa thiên-môn dọc theo những vùng ven biển, mà riêng miền Nam ta đã có đến hơn nghìn cây-số chiều dài ?

Thử đi tìm một quốc-y chính-đạo

Phạm-vi y-học tương-lai nhất-định sẽ thuộc về Tây-y, Tây-y với muôn vàn phòng thí-nghiệm đặt-khắp cả thế-giới và ở cả ngoài địa-cầu. Đông-Y muốn canh-cải, muốn tiến-bộ thì chỉ có cách dựa vào Tây-Y, ngoài ra thực không còn đường nào khác. Đường hướng ấy, *đường-hướng hiện-đại-hóa Đông-Y dựa vào Tây-Y*, là một đường-hướng chung, đang được áp-dụng cho toàn thể Đông-Nam-Á, (tuy rằng theo nhiều phương-thức), và đáng lẽ phải được áp-dụng cho Việt-Nam chúng ta từ lâu. Nhưng một mặt thì chính quyền, quá bận-rộn với vấn-đề sinh-tử là vấn-đề chống Cộng, một mặt thì các tổ-chức đoàn-thể liên-hệ trong y-giới thiếu hẳn phần đoàn-kết tương-thân, nên cho đến nay, chúng ta vẫn chưa có một nền quốc-y thống-nhất.

Tuy nhiên, khi chúng tôi viết những giòng cuối cùng này, thì một tia hy-vọng đã le-lói nơi chân trời : vấn-đề nghiên-cứu Đông-Y đã thực-sự được giới trí-thức miền Nam nói chung, y-giới miền Nam nói riêng, lưu-tâm bàn-cãi, và bàn-cãi trong một tinh-thần tương-đối cởi-mở, xây-dựng. Việc giảng-dạy Đông-Y cho các sinh viên Y-Khoa không còn bị chống-đối một cách tuyệt-đối nữa. Một Viện Nghiên-Cứu Đông-Y đang được xúc-tiến thành-lập, dầu chỉ là do một hội tư. Dược-Khoa Đại-Học-Đường Sài-gòn, theo chỗ chúng tôi biết, đang nghiên-cứu giảng-dạy bộ-môn Đông-dược-học.

Con đường ngày mai mà Y-học Việt-nam nên theo đang được y-giới xứ này cố vạch. Hy-vọng rằng đấy sẽ là một con đường độc-đáo, khả-dĩ theo sát các tiến-bộ mới nhất của khoa học hiện-đại, trong khi vẫn giữ cá-tính của dân-tộc, của quốc-y.

TRẦN-VĂN-TÍCH

Thủ-đô 5-3-1971

● VÕ-QUANG-YẾN

Nhân giải Nobel hòa bình tặng thưởng một nhà khoa-học

Pha giống bắp lúa

Cách đây mấy năm, một nhà hóa học đã được tặng thưởng giải Nobel hòa bình: giáo sư Linus Pauling mà những hành động đã được các nhà chính trị biết đến rất nhiều. Năm 1970, lại một nhà khoa học khác đoạt giải Nobel hòa bình: nhà nông học Norman Ernest Borlaug. Trái lại với trường hợp giáo sư Pauling, bác sĩ Borlaug chỉ được các chuyên gia trong ngành biết tiếng, tuy công trình khảo cứu của ông đã rất là quan trọng. Thật vậy, nhờ những loại lúa mì mới mà ông đã gây ra được bên xứ Mec-xit, nhiều vùng đói khổ trên mặt đất đã có cơm ăn và nhiều nước khác rồi cũng sẽ được cứu vớt. Những loại lúa mì đặc biệt này không phải nhờ một phép lạ nào chế tạo ra mà là kết quả của một cuộc khảo cứu khoa học tinh tế, mục tiêu của một cuộc hành trình lâu hơn một phần tư thế kỷ nay.

Năm 1943, bác sĩ Borlaug cùng một nhóm khảo cứu viên thuộc viện Rockefeller được gởi qua xứ Mec-xit để kiếm cách làm tăng thực hiệu cuộc sản xuất lúa mì của nước này. Ở đây, nhiều chứng bệnh do nấm gây ra, đặc biệt là chứng «rét đen» ăn hại vào rễ hay phần dưới thân lúa làm cho cây bồ nằm xuống hay làm cho hạt lúa rụng hết. Mới đầu, tất cả các biện pháp cổ điển đều được đem dùng: hóa chất, phân bón, hợp lý hóa phương pháp trồng trọt,... nhưng chẳng đủ. Suy ra, cần phải khảo sát sâu xa hơn vào địa hạt di truyền, tìm kiếm và chế tạo một loại lúa mì có thể kháng cự lại các giống nấm kia. Công tác không phải dễ dàng vì mỗi chứng bệnh không phải do một cây nấm gây ra mà là nhiều giống khác nhau. Tranh đấu bên mặt di-truyền tức là tìm kiếm một loại lúa mì có thể chịu đựng một số lớn giống nấm.

Dựa theo định luật Mendel

Đằng khác, khi cây bồ nằm xuống, không những vì bị bệnh mà còn vì thân lúa quá cao và mảnh, có gió mưa mạnh thì dễ ngã gục, nhất là vào lúc lúa chín, thân cây lại càng nặng trĩu, khó lòng đứng thẳng như trước. Giải pháp cần kíp nhất là kiếm cách làm cho thân lúa ngắn lại. Phương pháp đã dùng là cho hóa-chất tác dụng để thân lúa đừng chóng lớn nhưng kết quả không được mỹ mãn. Về mặt này giải pháp di truyền cũng còn có vẻ hiệu nghiệm hơn, tuy phải nhiều năm nhiều tháng mới mong đạt được mục đích. Vì vậy, công tác cần yếu nhất của bác sĩ Bor-

laug và các nhà cộng sự là gây ra cho được một giống lúa mì thân thấp thích hợp với những điều kiện khí hậu của xứ Mec-xit, mà lại chịu đựng được mọi chứng bệnh.

Làm sao gây được giống lúa mì mới? Trả lời được câu hỏi này tức là đã tiến được bước lớn trong công cuộc tìm kiếm. Bác sĩ Borlaug lùng hỏi đủ mọi giống lúa trên thế giới rồi cho pha giống với nhau. Theo những định luật di truyền do Mendel thiết lập từ 1865, bắt đầu từ thời đại thứ nhì những đặc tính của mỗi giống đã được tách riêng theo phân số 3/1 và thấy được hay không tùy theo những đặc tính trầm, trội. Ví dụ đem pha giống một loại lúa thân cao với một loại lúa thân thấp. Qua thời đại thứ nhì, vì lúa thân cao có đặc tính trội nên có đến ba cây; trái lại vì đặc tính trầm nên chỉ thấy được có một cây lúa thân thấp. Lúa ở thời đại thứ ba phức tạp hơn: chỉ một cây lúa thân cao cho sản xuất toàn lúa thân cao, hai cây kia sanh ra vừa lúa thân cao vừa thân thấp. Nhưng trong thí nghiệm này chỉ có lúa thân thấp là đáng kể và bao nhiêu lúa sau này từ cây lúa thân thấp ở thời đại thứ nhì mà lại đều là thân thấp. Tuy vậy để cho chắc chắn, thường người ta phải đợi nhiều thời đại, có khi bảy, tám mới đạt được một giống lúa có tính chất ổn định. Ở Pháp, muốn một hạt giống được ghi vào «Mục lục chính thức về chủng loại và giống thứ» cần phải đạt đến thời đại thứ mười. Đây chỉ là mới nhìn về mặt độ cao của thân lúa. Trong công cuộc tìm kiếm hạt giống tốt còn cần phải xem xét đến các phương tiện rễ, lá, hoa, hạt, lắm khi rất khó khảo sát.

Về mặt thực hành, những cách thức chính xác cũng cần được thực hiện. Lúa mì thuộc loại tự hôn, nghĩa là nhị đực và nhị cái đều ở trong một chiếc hoa. Nếu ở các loại cây khác, phấn hoa cần nhờ gió thổi hay sâu bọ chuyền đi từ hoa này qua hoa khác thì ở lúa mì cuộc thụ thai diễn ra dễ dàng ngay ở mỗi cây lúa. Nhưng cũng vì vậy mà lúa vẫn luôn hoàn toàn giống nhau từ thời đại này qua thời đại khác. Muốn pha giống phải đợi đúng lúc lấy phấn hoa ở nhị đực đi. Hoa chỉ còn có nhị cái cần phải được bao bọc kỹ càng để cho phấn hoa ở ngoài khỏi lọt vào. Sau đấy, chỉ còn việc cho vào phấn hoa muốn pha, đợi đến lúc hạt thành hình mới mở bao ra cho hạt tiếp tục chín ngoài trời.

Đấy là nguyên tắc sơ lược công tác của nhóm khảo cứu của bác sĩ Borlaug. Mười năm sau những bước đầu mò mẫm, họ đã tạo ra được nhiều loại lúa mới, không thật thấp nhưng cũng đã chịu đựng được nhiều chứng bệnh và giúp nước Mec-xit tăng sản xuất lúa mì lên 50%. Công tác đã đạt kết quả khả quan nhưng cuộc khảo cứu vẫn được tiếp tục.

Kinh nghiệm các nhà nông nghiệp cho biết độ cao của lúa rất là quan trọng. Biết bao người đã cho bón phân rất nhiều, rất tốt để làm tăng năng suất, nhưng rồi đến lúc lúa chín, thân lúa ngã sụp xuống cả, thành thử mất hết lợi tức. Vì vậy, sau tính chất

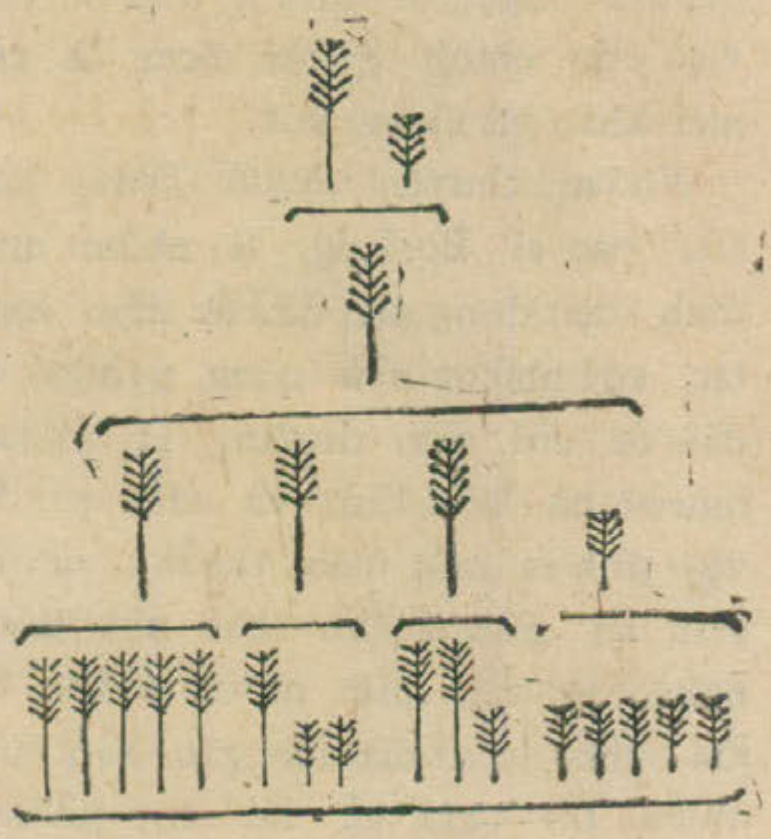

Hai loại lúa nguyên thủy :
một thân cao, một thân thấp

Thời đại thứ nhất :
chỉ có lúa thân cao
(đặc tính trội)

Thời đại thứ nhì :
Cứ 3 cây lúa thân cao thì
có một cây lúa thân thấp

Thời đại thứ ba :
chỉ có cây lúa thân thấp ở thời đại thứ nhì là sản xuất toàn lúa thân thấp

Định luật Mendel áp dụng vào một ví dụ.

kháng cự lại các giống nấm, vấn đề tìm loại lúa thấp lại được đặt ra.

Từ lúa mì qua bắp

Cũng may là vào khoảng 1953, bác sĩ Borlaug nhận được một loại lúa mì lùn, một giống hạt lai từ loại lúa mì Nhật Norin 10 pha ra. Loại lúa mì nầy không thích hợp với điều kiện khí hậu ở Mec-xit, nhưng bác sĩ Borlaug cho pha với các loại lúa mì đã đạt được tại chỗ. Kết quả thật quá sức mong muốn. Năm 1962, nước Mec-xit lại tăng thêm 50% nữa mức sản xuất lúa mì. Thành thử năm 1943, xứ Mec-xit chỉ sản xuất có được một nửa số lúa mì cần dùng mà qua năm 1970, mặc dầu dân số tăng gấp đôi, nước nầy tăng khẩu phần trung bình lên đến 40%, đồng thời xuất cảng số lúa mì còn thừa ! Như vậy, nước Mec-xit đã dẹp xong được nạn đói. Và đấy là điểm khởi đầu của cuộc cách mạng xanh.

Đầu óc của cuộc cách mạng này là « Trung tâm quốc tế tu bổ bắp và lúa mì» tức là cơ quan do bác sĩ Borlaug điều khiển với sự viện trợ của Viện Rockefeller và chính phủ nước Mec-xit. Sau Mec-xit, cuộc cách mạng đang bắt đầu tràn qua các quốc gia khác ở Nam Mỹ : Cô-lom-bi, U-ru-guay, Ac-gen-tin, ở Bắc Phi : Ma-roc, Tu-ni-si, ở Cận đông : Thổ-nhĩ-kỳ, Li-băn và ở Á châu : Ấn-độ, Pa-ki-tan. Những giống lúa gây ra được bên Mec-xit, ngoài những tính chất năng suất lớn, mau chín, chịu đựng được nhiều chứng bệnh, lại còn thích hợp với khí hậu các miền nhiệt-đới, bất chấp ngày dài hay ngắn nên cũng dễ hiểu chúng đã mọc dễ ở các nước vừa kể.

Ấn-độ chẳng hạn năm 1965 đã nhập cảng 250 tấn các hạt giống này, hai năm 1966 và 1967 : 18.000 tấn và qua năm 1968 có đến 2 triệu hec-ta dành riêng để trồng lúa mì lùn. Hiện nay nói chung Á châu và Phi

châu trồng lúa mì lùn nhiều nhất : 8 triệu hec-ta, và khắp thế giới khoảng 10 triệu hec-ta nằm trong lãnh vực các giống lúa của bác sĩ Borlaug

Nhưng như tên Trung tâm đã chỉ, công tác của các khảo cứu viên không chỉ giới hạn về lúa mì. Bắp và lúa cũng đã được học hỏi. Bắp không phải là một cây tự hôn nên công cuộc pha giống có phần khác. Nếu không đụng chạm gì tới thì trong một vườn bắp, phấn hoa bay lượn tứ tung, tự do pha giống, có khi cho ra cây tốt cũng như lắm lúc sinh ra cây xấu. Vậy công việc đầu tiên là nhân tạo gây ra những giống thật ổn định qua nhiều thời đại. Sau đấy, từ các bắp này mới pha giống cho thành những loại lai tốt. Thật ra, cuộc khảo cứu về bắp không phải chỉ được thực hiện ở Trung tâm của bác sĩ Borlaug Ở Hoa kỳ, từ 1950 đến 1968, người ta đã tăng được gấp đôi thực hiện từ 25 qua 50 tạ mỗi hec-ta. Ở Pháp, thực hiện từ 13, 6 tạ đã lên đến 53 tạ!

Lúa thì cũng thuộc loại tự hôn nên kỹ thuật pha giống tương tự như với lúa mì Ở Phi-luật-tân nhiều giống lúa lùn đã được đem trồng, thực hiệu và phẩm chất vượt hẳn lúa thường.

Xây dựng nền hòa-bình

Nhưng có giống tốt không đủ. Thật ra, muốn đạt được kết quả tốt còn cần phải lo cả về mặt phân bón và kỹ thuật trồng trọt. Ngoài ra, ở các nước chậm tiến, ở các nước chưa quen với các phương pháp mới mẻ, thúc đẩy các nhà nông nghiệp dùng giống mới, mua thêm phân hay thay đổi phương pháp trồng trọt không phải là chuyện dễ, nhưng đấy là công việc của chính quyền hơn là của nhà khảo cứu khoa học.

Những chuyên viên ở Trung tâm của bác sĩ Borlaug, vì nhắm mục đích hiệu dụng nên đã bắt đầu cộng tác với những nhà nông nghiệp có đầu óc cởi mở, thường là những người có kiến thức và giàu có. Vì vậy sinh ra một mâu thuẫn : người giàu lại giàu thêm, còn nhà nông nghèo thì vẫn giữ mức mình, có khi nghèo lại vì nếu lúa gạo sản xuất nhiều thì giá cả lại sụt xuống. Mong rằng đây chỉ là bước đầu lẻ loi, rồi đây kế hoạch các nước châm tiến sẽ được thiết lập làm sao để nâng mức sống của toàn dân.

Sau cùng, cũng nên biết thêm Trung tâm của bác sĩ Borlaug còn chăm lo đến một phương diện khá quan trọng của ngũ cốc là phẩm chất của lúa gạo. Thật vậy, ăn nhiều chưa đủ, còn cần phải ăn bổ. Trung bình cơ thể con người mỗi ngày cần cho mỗi ki-lô một gam protein, chứa đựng đủ thứ axit-amin mà cơ thể không tự tổng hợp được. Nếu ngũ cốc chứa nhiều protein, chúng thường thiếu một axit-amin cốt yếu là chất lysin. Ở các nước dư dả, có thịt cá đủ ăn thì không thành vấn đề, nhưng ở những vùng chỉ dùng thực vật trong các bữa ăn thì axit-amin, là một điểm thiếu quan trọng. Vì vậy, rất cần gây ra cho được giống chứa đựng nhiều axit-amin. Ở Pháp, hai loại bắp mới đã được pha ra, Opaque II và Floury II, đặc biệt chứa đựng rất nhiều lysin. Người ta đang muốn đạt thành tích này với lúa mì.

Có khi một kết quả lại đạt được một cách bất thường. Đấy là giống lúa mì Sonora 64 do bác sĩ Borlaug pha ra được bên Mec-xit và đem trồng ở vùng Uttar Pradesh bên Ấn-độ. Thực hiệu thật tốt, 100 tạ mỗi hec-ta, đã làm phấn khởi dân vùng ấy, nhưng rủi thay hạt lúa màu đỏ nên ít người thích ăn. Các chuyên viên liền đem chiếu quang tuyến hạt giống để gây ra một giống lúa mì ít đỏ hơn. Kết quả: số lượng protein trước kia chỉ có 14%, bây giờ lên đến 16, 5%, chứa đựng 4% lysin so với 2% trước kia. Bên cạnh lúa Ấn-độ cổ truyền chỉ đạt đến 7% protein thì đây là một kết quả vô cùng mỹ mãn. Các khảo cứu viên của Trung tâm đang kiếm cách ngẫu biến lúa theo phương pháp nầy.

Hội đồng phát giải Nobel hòa bình năm 1970 đã thưởng một công tác nâng cao đời sống, một công trình chống nạn đói, tất nhiên đã thưởng một công tác xây dựng hòa bình. Vì vậy một nhà nông học như bác sĩ Borlaug được thưởng giải nầy là một khích lệ lớn cho những người làm khảo cứu khoa học và cũng là một vinh dự cho những người phát giải.

VÕ QUANG YẾN

BNP

A votre service

tous les services de la

BANQUE

NATIONALE

DE PARIS

● NGUYỄN-HIẾN-LÊ

ĐẤT HÀ-TIÊN
với họ Mạc và họ Lâm

(tiếp theo BK số 340)

Mục đích thứ nhì là nối lại sự nghiệp văn học của Mạc Thiên Tích đã bị gián đoạn trong một thế kỉ rưỡi.

Một thanh niên sanh trong một gia đình có truyền thống văn học, tại một nơi danh thắng một thời nổi tiếng là «văn hiến quốc», từ hồi nhỏ mắt được trông thấy làn nước Đông Hồ, ngọn núi Tô Châu, chân được dạo những chốn còn lưu lại những di tích tiền nhân, như Kim Dự, Bình San, Tiêu Tự, Giang Thành, tai được nghe những chuyện hồi thịnh thời Mạc Thiên Tích, cùng những văn thơ Hán và Nôm của nhóm Chiêu Anh Các; một thanh niên được gặp những hoàn cảnh may mắn đó mà lại anh tuấn, mới mười bốn, mười lăm tuổi, đã được khen là thơ có khẩu khí, rồi hai mươi hai tuổi, danh vang ra tới đất Bắc, nhờ một bài có giọng lãng mạn như Từ Trầm Á (bài Linh Phượng) và một bài cổ kính mà tươi đẹp như văn Lục Triều (bài phú Đông Hồ); một thanh niên như vậy nhất định là yêu quê hương của mình tha thiết, tự hào về nó nữa và hoài bão cái chí làm vẻ vang cho quê hương, nếu không nối nghiệp được tiền nhân, thì ít nhất cũng làm cho người trong nước nhớ rằng: «nơi hải ngoại xa xôi này không phải không có văn chương». (lời Đông Hồ).

Ông nhũn nhặn, kín đáo, không thổ lộ tâm sự, chí hướng với bạn, nhưng trong một lúc xúc động mạnh, viết thư cho tôi, ông đã thú rằng: «làm con, tôi đã để cho bác tôi nỗi khổ tâm vì tôi nghĩ rằng tôi «quá» thông minh». Vậy ông đã tự tín lắm, nhận được giá trị của mình ngay từ thiếu thời, và điều tôi đoán rằng ông có lúc muốn lập nên một sự nghiệp về văn học như Mạc Thiên Tích, điều đó chắc không xa sự thực.

Thời đại của ông không phải là thời đại Mạc Thiên Tích, Hà Tiên không còn là một tiểu quốc mà chỉ là một thị trấn nhỏ; mà địa vị một giáo viên sơ học dưới thời Pháp thuộc lại càng không thể so sánh được với địa một vị hầu dưới triều Chúa Nguyễn (Thiên Tích được phong là Tông Đức Hầu); cho nên sự nghiệp của ông khác hẳn của Thiên Tích.

Không thể lập được một Chiêu Anh Các nữa, thì ông rán dựng Trí Đức học xá, cũng là một nghĩa thục như nghĩa thục của Chiêu Anh Các; chưa có đủ tư cách kết nạp các anh tài trong nước để thành lập một tao-

đàn thì ông đào tạo lấy một số môn-sinh cho giỏi về Việt ngữ, hiểu được thơ văn, nhất là thơ văn cổ; rồi ông lại khuếch trương thêm, mở lớp hàm thụ đầu tiên dạy viết văn ở Việt Nam, và lần này ảnh hưởng của ông lan ra khắp lục tỉnh, nhiều người yêu văn chương ở Hà Tiên, ở Biên Hòa..., nghe tiếng gọi «hồn Đại Việt» của ông mà cùng với ông trau giồi «giọng Hàn Thuyên».

Không có Đại Thành Điện, Khúc Văn lâu... như Tông Đức Hầu thì ông có Vạn quyện thư lâu, Quỳnh lâm thư thất, Vương giả hương đình... tuy chẳng lộng lẫy, nhưng sách quí tranh quí và nét bút của cổ nhân và của chính ông thì chất treo đầy tường, mà hương trầm, hương mai, hương lan, hương huệ thường tỏa ra ngào ngạt mỗi khi bạn văn tới. Phải nhận rằng về phương diện đó, ông đúng là bậc «vương giả» trong giới tao nhân Việt Nam. Cho nên 1961, khi viên thư kí Hàn lâm viện Ấn Độ, K.E. Kripalani, qua Saigon để tìm những kỉ niệm về thi hào Tagore, thì nha văn hóa bối rối không biết tiếp vị quí khách đó ở đâu cho trang nhã, có vẻ «văn hóa một chút, phải xin «mượn» Yiễm Yiễm thư trang vậy.

Những hoạt động cùng cái phong cách đó của họ Lâm có thể chỉ là ngẫu nhiên ám hợp với những hoạt động cùng phong cách họ Mạc, nghĩa là xuất phát từ phần tiềm thức, những dù vậy chăng nữa tôi nghĩ cũng cần phải ghi lại cho văn học sử.

Tôi không rõ môn sinh của Đông Hồ, tại Trí Đức học xá và trong các lớp hàm thụ, trước sau được bao nhiêu người; một số có khiếu văn chương, nhưng rồi chẳng viết lách gì cả và rốt cuộc chỉ còn một mình nữ sĩ Mộng Tuyết, sau thành bạn văn và bạn trăm năm của ông là không phụ công lao của ông. Bà viết ít hơn ông, nhưng văn thơ đều có một giọng như ông, cũng trang trọng, du dương tô chuốt, tế nhị, có phần đa cảm hơn, và khi miêu tả cảnh vật, như một khóm cây, một con ong, một cành hoa... nhận xét có phần sắc bén hơn ông.

Ai đọc văn thơ của bà nhận thấy ngay rằng bà chịu ảnh hưởng của ông rất đậm; mà văn thơ của hai ông bà có một dịa vị riêng biệt ở trong Nam có thể nói là thuộc về một phái riêng, phái Hà Tiên.

Phái Hà Tiên này ngoài hai ông bà chỉ còn vài ba nhà nữa, có thể kể: Trúc Hà, có họ hàng với Đông Hồ, cũng quê ở Hà Tiên, hơi có tiếng tăm, chết trước năm 1954, và ông Trọng Toàn; nhưng sự nghiệp không kém gì phái Chiêu Anh các hồi xưa.

Không kể rất nhiều bài dài ngắn đăng rải rác trên các tạp chí, nguyệt san, tuần báo, hiện nay chưa in thành sách, Đông Hồ đã lưu lại cho chúng ta được mười lăm tác phẩm, trong số đó có sáu bảy tập thơ.

Nữ sĩ Mộng Tuyết cũng đã đăng lát đát ít bài thơ, dịch thơ, tùy bút, hồi kí, đã xuất bản một lịch sử tiểu thuyết: *Nàng Ái cơ trong chậu úp*, một tập tùy bút: *Dưới mái trăng non* và có một tập văn cảo: *Hà Tiên tạp thuyết*. Bà vẫn còn sáng tác và chắc sẽ cống hiến cho quốc dân vài tập nữa.

Đã có người nhận định về phần mà người ta gọi là «văn chương thuần túy» (tức thơ, tùy bút, thi thoại...) trong sự nghiệp của Đông Hồ ; trong bài này tôi chỉ giới thiệu những trứ tác của hai ông bà liên quan tới Hà Tiên, để độc giả nhận thấy rõ hai ông bà đã đền đáp cho nơi chôn nhau cắt rốn được những gì. Phần đó là phần hai ông bà quan tâm tới trong suốt đời, mà cũng rất quan trọng, nhưng từ trước tới nay, ít ai để ý tới.

Ở trên, tôi đã dẫn một đoạn Đông Hồ tả Hà Tiên, và độc giả đã thấy lòng yêu quê hương của ông ra sao : ông cho Hà Tiên gồm được đủ các thắng cảnh trong nước, không khác gì một nước Việt Nam thu nhỏ lại, cho thêm phần xinh xinh mà dễ thưởng ngoạn.

Ngay từ khi mới nhập tịch làng văn. Đông Hồ đã giới thiệu quê hương với độc giả Nam Phong :

Năm 1926 ông viết thiên *Hà Tiên Mạc thị sử* (Nam Phong số 107) theo một bản chữ Nôm của Trần Đình Quang hồi đầu thế kỉ.

Ba năm sau, ông can đảm nhận rằng «vì sở học của ông còn kém mà không tìm được bản chánh Gia phả họ Mạc», nên thiên đó «còn khiếm khuyết, sai suyễn rất nhiều, không thể để lầm cho người đời sau được», và ông viết lại, Nam Phong số 143, (năm 1929) đăng lại.

Lần này ông dùng bản Hán văn *Mạc thị gia phả* của Vũ Thế Dinh, tự là Thận Vi, viết năm 1818. Tài liệu này, cho tới nay vẫn được coi là tài liệu chính, đầy đủ hơn cả; tuy nhiên có nhiều chỗ cần phải xét lại, nhất là về địa danh, niên đại. Đông Hồ không dịch nguyên văn, chỉ dùng để vtết lại, chia ra chương tiết, sau khi «tham khảo thêm ở các sách Nam sử và ngoại truyện», tăng bổ những chỗ thiếu sót, cải chính những chỗ sai lầm.

Năm 1948, ông sửa chữa lại một chút, cho in lại trong cuốn *Danh nhân nước nhà* của Đào văn Hợi.

Sau khi lên Saigon rồi, ông kiếm thêm được nhiều tài liệu khác trong các bộ sử Việt, như bộ *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, cuốn *Un Chinois des Mers du Sud, le fondateur de Hà Tiên*, Journal asiatique 1952 của Gaspardone, bản dịch và chú thích rất kĩ lưỡng cuốn *Mạc thị gia phả* đã kể trên, của Trần Kinh Hòa, Văn Hóa Á Châu số 7, tháng 10 năm 1958, ông thấy cần phải sửa lại lần nữa tập *Hà Tiên Mạc thi sử*, nhưng chưa kịp làm thì đã qui tiên. Ông thực là kiên nhẫn và thận trọng. Mặc dầu chưa sửa lại, tập đó hiện nay vẫn còn dùng được.

— Năm 1927 nhân dịp đi chấm thi ở Phú Quốc, ông được thăm gần hết các cảnh đẹp trên đảo, về viết một thiên du ký rất đầy đủ về đảo, đăng trên Nam Phong số 124 (1927) nhan đề là *Thăm đảo Phú Quốc*. Ông nhận xét, ghi chép tỉ mỉ, mà văn du ký của ông tươi đẹp, nên tới na , chúng ta đọc lại vẫn còn thấy thú, vẫn có thể in lại được.

— Trong khoảng mấy năm sau, ông cho đăng trên Nam Phong nhiều thơ văn tả cảnh Hà Tiên như *Bơi thuyền*

chơi Đông Hồ, Đông Hồ cảnh sớm, Lên chơi núi Đại Tô Châu, Chơi Tô Châu, Cảnh trăng trên Đông Hồ..., đáng để ý hơn cả là :

Bài kí chơi Châu Nham (N.P. số 154 năm 1930). Núi Châu Nham tức núi Đá dựng, cách chợ Hà Tiên sáu bảy cây số, cảnh hoang tịch mà đẹp hơn Thạch Động.

Và bài *Phú Đông Hồ*, rất nổi tiếng (N.P. số 145 năm 1929, sau sửa chữa một chút đăng lại trong 158 năm 1931).

— Non ba chục năm sau, hai ông bà cho ra chung một tập nhan đề là *Hà Tiên thập cảnh* và *Đường vào Hà Tiên*. (Xuất bản Bốn Phương 1960). Tập này mỏng nhỏ, chỉ bằng tay, 73 trang, giúp độc giả biết rõ ràng về mười thắng cảnh Hà Tiên. Về mỗi cảnh, Đông Hồ dẫn một bài thơ Nôm, thất ngôn Đường luật của Mạc Thiên Tích, rồi giảng giải, tả cảnh, kể tích xưa cho ta hiểu rõ thêm. Cuối tập có mươi trang tả bốn năm con đường đưa vào Hà Tiên. Tác phẩm viết kĩ lưỡng và có ích cho khách du lịch Hà Tiên.

Trong mấy chục năm đó, Đông Hồ vẫn tiếp tục khảo cứu thêm về Hà Tiên, thu thập tất cả những sách báo Việt văn, Hán văn, Pháp văn viết về Hà Tiên, được trên mười tập không kể những sách cổ như *Phủ biên tạp lục, Kiến văn tiểu lục, Gia Định thông chí v.v...*

Tôi đã thấy ông ghi chú kỉ lưỡng từng tài liệu một, bó lại thành một bó lớn chắc một phần dùng để dạy học và trước khi mất ông hoàn thành được cuốn *Văn học Hà Tiên*, mà nhà Quỳnh Lâm mới cho xuất bản đầu năm 1970.

— Cuốn này dày trên ba trăm trang khổ lớn, có nhiều hình đẹp, gồm những bài giảng của ông ở Đại học Văn khoa Saigon. Ta nhận thấy công trình khảo cứu công phu, cách trình bày sáng sủa của ông — giọng ông ở đây là một giọng giáo sư kiêm một nghệ sĩ. Ông thận trọng trong phần chú giải, nhất là trong những bài dịch thơ chữ Hán của Mạc Thiên Tích. Ông dịch sát mà giữ đúng cả thể lẫn vần trong nguyên tác, như bài *Lộc trĩ thôn cư*, nguyên tác là thất ngôn, đường luật, dùng các vần *tinh, thinh, thanh, linh, đình* thì ông cũng dịch ra thất ngôn, đường luật và dùng những vần *mình, tranh, xanh, thanh, thinh*.

Ông đã trình bày cặn kẽ chẳng riêng mười bài thơ Nôm thất ngôn đường luật, mà trọn tập ngâm khúc Nôm và mười bài Hán thất ngôn Đường luật của Mạc Thiên Tích, về mười cảnh Hà Tiên.

Về phần giới thiệu Hà Tiên, nhóm Chiêu Anh Các, tiểu sử Mạc Thiên Tích, tài liệu cũng dồi dào, tôi ngờ rằng sau này khó có ai viết hơn ông được.

— Đó công của Đông Hồ đối với Hà Tiên như vậy. Mà sự đóng góp của nữ sĩ Mộng Tuyết cũng rất đặc biệt. Bà chỉ có một tập truyện *Nàng Ái Cơ trong chậu úp*, (Xuất bản Bốn Phương 1961) và vài bài ngắn như *Đường vào Hà Tiên* (đã dẫn ở trên), những đoạn hồi ký về Hà Tiên trong tập *Dưới mái trăng non* (Mặc Lâm xuất bản — 1969), nhưng cuốn *Nàng*

Ái Cơ cũng đủ cho người đời nhắc nhở tới rồi.

Công việc của Mộng Tuyết bổ túc công việc của Đông Hồ. Đông Hồ cho ta biết lịch sử Hà Tiên, đời sống và sự nghiệp các nhân vật Hà Tiên ; Mộng Tuyết cho ta thở trong các không khí cổ của Hà Tiên, sống với các nhân vật Hà Tiên.

Truyện có thực, còn lưu lại di tích, tức chùa Phù Dung ở Hà Tiên, mà Đại Nam nhất thống chí chép là chùa Phù Cừ, (chính là Phù Cừ mà người sau không hiểu nghĩa, đổi ra là Phù Dung).

Nhân vật chính, Dì Tự, một ái cơ của Mạc Thiên Tích, đã đẹp mà lại hay chữ, khiến cho bà chính thất họ Nguyễn, lập mưu hãm hại, nhốt vào một cái chậu úp, cho ngộp mà chết, may được Thiên Tích ngẫu nhiên cứu được, rồi chán chườnn thế sự, bà xin phép chồng cho đi tu, và Thiên Tích cất cho bà ngôi chùa Phù Cừ đó để bà lánh đời.

Truyện chỉ có vậy, tác giả đã tưởng tượng thêm để viết thành một lịch sử tiểu thuyết dài non hai trăm trang, làm sống lại một thịnh thời ở Hà Tiên với những hội hoa đăng, hội thơ, cảnh duyệt binh, cảnh Tết đoan ngọ... Tuy là tưởng tượng nhưng vẫn dựa vào sử, theo sát tài liệu lịch sử, giữ đúng niên đại trong sử. Tác giả đã khảo cứu công phu, dựng truyện chặt chẽ, mà văn thì đẽo gọt, nên thơ, đối với một tiểu thuyết, có lẽ đẽo gọt quá, theo quan niệm hiện thời. Từ đầu thế kỷ đến nay, ít có cuốn trong loại đó có thể so sánh được : tiểu thuyết của Lan Khai chỉ là truyện tình mượn cái tên «lịch sử» ; còn tiểu thuyết của Nguyễn Triệu Luật. ngoài cuốn *Bốn con yêu và ba ông Đồ*, chỉ là những lịch sử ký sự muốn cái tên «tiểu thuyết». Đúng với tên lịch sử ký sự tiểu thuyết thì chỉ có *Nàng Ái Cơ trong chậu úp* Tiếc thay, tác phẩm được ít người hoan nghênh có lẽ chỉ vì xuất hiện không đúng lúc.

Tuy là của Mộng Tuyết, nhưng tôi chắc công của Đông Hồ cũng đáng kể, chẳng phải chỉ trong việc đề tựa và trình bày (có mấy bức tranh do ông vẻ) mà cả trong việc thu thập tài liệu, xây dựng câu chuyện nữa.

Vậy ông đã đáp ơn quê hương của ông một cách thật xứng đáng. Hiện nay chúng ta biết được chút gì về Hà Tiên hầu hết là nhờ ông cả.

oOo

Thật cũng lạ ! hai họ Mạc và Lâm đều gốc gác ở Hoa Nam : Mạc ở Quảng Đông, Lâm ở Phúc Kiến ; cùng qua Nam Việt một thời, cũng yêu ngay quê hương thứ hai của mình, rồi coi quê hương đó là quê hương thứ nhứt, cũng tận tụy phục vụ cho tiếng mẹ đẻ ; mà họ Mạc đến đời thứ bảy chỉ có hai người con gái, còn họ Lâm thì đến đời thứ tám cũng chỉ có hai người con gái (Đông Hồ là người con trai duy nhất đời thứ bảy, sanh được hai con trai mà đều không nuôi được).

Hiện nay ngoài nữ sĩ Mộng Tuyết ra, còn có nhà văn, nhà thơ nào gốc gác ở Hà Tiên nữa không ? Và bao giờ Hà Tiên mới lại có được một họ làm rạng danh Hà Tiên như họ Lâm ? Nếu có thì thời đại đã thay đổi, Hà Tiên sẽ không còn là nơi hẻo lánh nữa, văn học Việt Nam đã có tính cách thống nhất và hòa đồng mà sự nghiệp của người sau tất sẽ khác sự nghiệp của người trước. Và chúng ta có thể nói rằng lịch sử văn học Hà Tiên sẽ vĩnh viễn gắn liền với họ Mạc và họ Lâm : họ Mạc làm cho Hà Tiên thành một «văn hiến quốc», họ Lâm làm sống lại văn hiến quốc đó ; họ Mạc mở đường, họ Lâm nối nghiệp ; người sau sẽ chuyển qua một hướng khác chứ không tiếp tục nữa.

Saigon 1-3-1971

HIỆU THUỐC THƠM
VIRGINIA NỔI TIẾNG
NHỜ...

ĐẦU LỌC

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nối : 25.861

NHÀ IN - XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette) màu đẹp, bền, không phai.

Giới tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

● ĐỖ-TRỌNG-HUỀ

Văn-hóa và văn-chương

Thưa Quí vị, (*)

Hôm nay tôi lấy làm hân hạnh được TINH VIỆT VĂN ĐOÀN trao phó cho cái nhiệm-vụ khó-khăn là bầu chuyện quí vị về vấn-đề Văn-hóa và Văn-chương Công việc đầu tiên của tôi là phải tìm hiểu ý-nghĩa hai danh-từ đó, nhưng cũng trên diễn-đàn này và cũng trong khuôn-khổ các buổi nói chuyện «Để xây-dựng văn-hóa mới» do TINH-VIỆT VĂN-ĐOÀN tổ-chức, cách đây hơn một năm một năm, ngày 13-7-1969 bác-sĩ Nguyễn-văn-Thọ đã trình-bày cho chúng ta biết Văn hóa là gì. Tiếp theo là linh-mục Nguyễn-văn-Thính, trong một buổi thuyết-trình khác, cũng đã khảo-sát ý-nghĩa của hai chữ Văn-hóa và Văn-minh. Vì vậy để khỏi mất thì giờ quý báu của quí vị, tôi chỉ xin định-nghĩa Văn-hóa một cách thật ngắn, gọn.

Danh-từ Văn-hóa có ba nghĩa : một nghĩa hẹp, một nghĩa trung và một nghĩa rộng. Theo nghĩa hẹp, Văn-hóa dùng để chỉ chung văn-chương và nghệ-thuật. Đó là nghĩa phổ-thông mà thế-tục thường hiểu. Văn-hóa ở đây đồng nghĩa với văn-nghệ. Chỉ có thơ văn, âm-nhạc, hội-họa, điêu-khắc, điện-ảnh, kịch-trường, kiến-trúc v.v... mới là những công-trình văn-hóa.

Theo nghĩa thứ hai, văn-hóa dùng để chỉ cái phần sinh-hoạt của loài người trong lãnh-vực tinh-thần hay mang mầu sắc cá-nhân. Văn-hóa ở đây đối lập với văn-minh là danh-từ dùng để chỉ cái phần sinh-hoạt của loài người trong lãnh-vực vật-chất hay mang tính-cách cộng-đồng. Tôn-giáo, đạo-đức, văn-chương, nghệ-thuật, khoa-học, thuộc về văn-hóa. Kỹ-thuật, luật-pháp, lễ-nghi, phong-tục thuộc về văn-minh.

Theo nghĩa rộng cũng là nghĩa cuối cùng, văn-hóa dùng để chỉ chung sinh-hoạt của loài người bao gồm luôn cả lãnh-vực tinh-thần lẫn lãnh-vực vật-chất, cả lãnh-vực cá nhân lẫn lãnh-vực cộng-đồng. Đó là nghĩa mà ngày nay đa số các nhà sử-học, các nhà xã-hội-học, các nhà nhân-chủng-học gán cho văn-hóa. Ở đây văn-hóa với văn-minh là một. Văn-hóa chính là nếp sống của một xã-hội, của một dân-tộc. Và từ canh-nông, kỹ-nghệ, phong-tục, luật-pháp cho đến khoa-học, văn-chương, nghệ-thuật, đạo-đức, tôn-giáo, tất cả đều là những bộ môn văn-hóa.

Nghĩa rộng của văn-hóa càng ngày càng được nhiều người chấp-nhận. Văn-hóa được coi là biểu-thị của tinh-thần và lý-trí con người, đối lập với những gì thuần túy cầm thú. Con người văn-minh hiện tại vẫn còn là cầm-thú : chúng ta phải ăn, phải uống,

---

(*) *Nguyên văn bài diễn-văn đọc tại trường Quốc-gia Âm-nhạc ngày 28-2-1971 do Tinh-Việt Văn đoàn tổ chức, nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập Văn-đoàn này.*

phải ngủ, phải chống chọi với thiên nhiên và đồng loại. Chúng ta rất giống cầm-thú — nhất là các cầm-thú thượng-đẳng — giống trong cách cấu-tạo cơ-thể, trong những bộ-phận chính-yếu, trong các cơ năng hô-hấp và tuần-hoàn. Những đặc-điểm sinh-vật đó đều có tính-cách di-truyền, dù chúng ta mọi rợ tột bực hay văn-minh tột bực. Trái lại, phong-tục, tập-quán, kỹ-thuật, khoa học, văn-chương, nghệ-thuật, tôn-giáo, đạo đức không thể coi là những đặc-điểm sinh-vật của loài người. Những công-trình này có thể lưu truyền cho thế-hệ sau bằng cách bắt chước hay huấn luyện. Xin đan cử một vài thí dụ : đói, chúng ta vồ lấy thịt mà nhai, khát chúng ta vục đầu xuống nước mà uống, đó là những hành vi bản năng, những hành-vi cầm-thú, mà một đứa trẻ lên ba không cần tập tành cũng làm được. Nhưng cũng đói mà chúng ta từ tốn nhường-nhịn mời mọc nhau, không vồ bằng tay mà ăn bằng đũa bát hay thìa nĩa ; cũng khát mà chúng ta chậm rải đun một ấm nước sôi, pha một bình trà, vừa nhấm nháp từng tách nhỏ vừa ngắm những giọt sương sớm còn đọng trên bông cúc ngoài hiên : đó là những hành-vi văn-hóa mà chúng ta phải học tập mới làm được. Cũng có khi đói chết mà chúng ta không ăn, khát chết mà chúng ta không uống như Cao-Bá-Quát viết trong « Tài-tử đa cùng phú » :

« Đói rau rừng thấy thóc Chu mà trả, đá Thủ-Dương chơm-chởm, xanh mắt Di nằm tốt ngáy o-o,

«Khát nước sông trông giòng đục không vơ, phao Vị-Thủy lênh-đênh, bạc đầu Lã ngồi dai ho lụ khụ ».

Đó là những hành-vi văn-hóa mà sau khi học tập khó-nhọc số người làm được có thể đếm trên đầu ngón tay.

Vậy thì rõ ràng là ngày nay nhân-loại có hai di-sản. Một di-sản tự nó đến với chúng ta không cần chúng ta phải cố-gắng. Nó có tính-cách chắc-chắn và trong hàng ngàn năm vẫn y nguyên, bất biến, hoặc có biến-đổi thì cũng rất nhỏ nhoi. Di-sản thứ hai có tính-cách bấp-bênh mà mỗi người chúng ta phải cố-gắng lãnh-hội tùy theo hoàn-cảnh riêng của mình. Nó vừa vĩ-đại vừa mong manh, vì có thể gia-tăng vô cùng tận mà cũng có thể hạ thấp một cách khủng-khiếp như lịch-sử nhân-loại đã từng chứng minh. Cái di-sản thứ hai này mang tên là Văn-hóa.

Thưa Quý vị,

Tôi vừa trình-bày sơ-lược cùng quý vị ba nghĩa hẹp, trung và rộng của danh-từ Văn-hóa. Nhưng hiểu theo bất cứ nghĩa nào, Văn-hóa cũng bao gồm văn-chương. Hai chữ văn-chương đối với mọi người đã quá quen thuộc và ý-nghĩa của nó cũng đã quá rõ ràng. Tất cả các học-giả, các nhà văn, các nhà từ-điển, từ Tây sang Đông, đều định-nghĩa văn-chương là toàn-thể những công-trình sáng-tác bằng văn xuôi hay văn vần của một dân-tộc, một thời-đại. Nếu tìm đến tận nguồn-gốc ta sẽ thấy « Văn » có nghĩa là vẻ đẹp, « chương » là vẻ sáng. Từ đó « Văn » mới biến nghĩa thành « lời văn » và chương thành « bài văn ». Sách Thuyết-văn định-nghĩa : « Phàm đặt chữ viết ra thành câu, thành bài như thi, ca, từ, phú, văn vần, văn xuôi đều gọi là Văn-

chương ». Phan-Kế-Bính trong bài tựa sách Việt-Hán văn-khảo giải-thích rõ hơn : « Văn là gì ? Văn là vẻ đẹp. Chương là gì ? Chương là vẻ sáng. Lời của người ta rực-rỡ, bóng bẩy tựa như có vẻ đẹp, vẻ sáng cho nên gọi là văn-chương. Người ta ai là không có tính-tình, có tư-tưởng. Đem tính-tình ấy, tư-tưởng ấy diễn ra thành câu nói, tả ra thành đoạn-văn, gọi là văn-chương ». (1)

Như trên đã nói, văn-chương là một bộ-môn văn-hóa, dù văn-hóa được hiểu theo bất cứ nghĩa nào. Không phải chỉ là một bộ-môn văn-hóa, văn-chương còn là bộ-môn tiêu-biểu nhất của văn-hóa. Thật vậy, theo nghĩa hẹp văn-hóa là văn-chương và nghệ-thuật, nghĩa là văn-hóa nhằm thể-hiện cái đẹp. Để thể-hiện cái đẹp ấy, âm-nhạc dùng âm-thanh, hội-họa dùng mầu sắc, điêu-khắc dùng hình-thể, còn văn-chương dùng lời nói và chữ viết. Nhưng nếu âm-thanh, không phát biểu được mầu sắc, mầu sắc không phát biểu được hình-thể, hình-thể không phát-biểu được âm-thanh, thì ngôn-ngữ và văn tự có thể thay thế được cả âm-thanh, mầu-sắc lẫn hình-thể. Đọc những đoạn văn tả cảnh, tả người của Flaubert, Maupassant, của Dostoievski, Tolstoi, của Hemingway, Steinbeck, chúng ta như trông thấy mầu sắc, như sờ thấy hình-thể. Đọc thơ Nguyễn-Du chúng ta như nghe thấy Kiều gẩy đàn ba lần, mỗi lần một khác. Hơn thế nữa, văn-chương còn khám phá ra những mầu sắc, những âm-thanh, những hình-thể không tìm thấy trong âm-nhạc, hội-họa, và điêu-khắc. Với « Thu thanh phú » của Âu-Dương-Tu chúng ta lắng nghe « tiếng mùa thu ». Với vua Thành Thái chúng ta thấy đám mây bay trên đỉnh núi Nùng nhuốm « mầu kim cổ » (2). Với Xuân-Diệu chúng ta nghe thấy « rét mướt luồn trong gió ». Với Đoàn-Phú-Tứ chúng ta thấy :

« Mầu thời gian không xanh,
Mầu thời gian tím ngát ;
Hương thời gian không nồng,
Hương thời gian thanh thanh ! »

Cho nên trong văn-chương không phải chỉ có họa như người xưa thường nói mà có cả âm nhạc, điêu-khắc, vũ, kịch. Văn-chương có thể coi như một ngành nghệ-thuật toàn-diện.

Hiểu theo nghĩa rộng hơn, văn-hóa dùng để chỉ cái phần sinh-hoạt của loài người trong lãnh-vực tinh-thần hay mang mầu sắc cá nhân. Nhưng còn gì tiêu-biểu cho tinh-thần hơn là tư-tưởng và tình-cảm ? Còn gì mang nhiều mầu sắc cá-nhân hơn là tư-tưởng và tình-cảm của mỗi người ? Mà tư-tưởng và tình-cảm chính là chất-liệu của văn-

---

(1) *Việt-Hán văn-khảo trang 9.*

(2) *Nùng-lĩnh phù vân kim cổ sắc,*
Nhị-hà lưu thủy khấp ca thanh.
Cầm hồ đoạt sáo nhân an tại,
Ứng vị giang sơn tẩy bất bình ?
(Thăng-Long hoài cổ)

dịch nghĩa :

Đám mây nổi trên núi Nùng nhuốm màu kim cổ
Giòng nước sông Nhĩ-Hà chảy nghe vẳng tiếng khóc, tiếng ca
Người đoạt giáo bắt giặc nay ở đâu,
Sao không vì giang sơn mà rửa nỗi bất bình ?

Có người cho rằng bài thơ này không phải của vua Thành Thái mà là của Phạm-Trọng-Mưu.

chương. Trong cuốn Trung-quốc văn-học sử khái-yếu, Hồ-Hoài-Thám viết : « Những tình cảm chứa chất trong lòng người sau lúc đã theo phương-pháp nghệ-thuật-hóa hay là phương-pháp tự-nhiên-hóa mà biểu-hiện ra tức là văn-học » (1). Giới-thuyết này bị nhiều nhà lý-luận văn-học bài bác vì lẽ các nhà văn cổ kim không phải chỉ toàn mô tả tình cảm. Và ngày nay người ta đi tới chỗ đồng ý với nhau rằng thực chất của văn-chương không phải chỉ là tình cảm mà còn là tư-tưởng nữa, đúng như lời Phan-Kế-Bính đã dẫn ở trên ; « Người ta ai là không có tính tình, có tư-tưởng ? Đem tính tình ấy, tư-tưởng ấy diễn ra thành câu nói, tả ra thành đoạn văn gọi là văn-chương ».

Hiểu theo nghĩa rộng nhất, văn-hóa chỉ chung sinh-hoạt của loài người đối lập với sinh-hoạt của cầm thú. Nhưng nghĩ cho cùng, cái gì phân biệt nếp sống con người với nếp sống cầm thú ? Đó là sự tiến-bộ. Từ nếp sống của con kiến trên đất Văn-Lang thời Hùng-Vương tới nếp sống của con kiến trên đất Việt-Nam thời đệ-nhị Cộng-Hòa có lẽ không có gì thay đổi. Con ong dưới đời Bà Trưng với con ong dưới đời Tự-Đức vẫn xây tổ theo cùng một hình kỷ-hà. Trong khi đó, nơi trú mưa tránh nắng của con người đã từ những hang hốc thiên-nhiên đổi sang những nhà sàn, nhà đất, nhà gỗ, nhà gạch, rồi nhà bê-tông, nhà sắt, nhà thủy-tinh. Về quần áo, trong thời-đại hoang-sơ chúng ta không hơn gì cầm thú. Rồi chúng ta lột da thú che thân. Rồi chúng ta dệt vải để thay da thú. Riêng cái chiều dài của y-phục phụ-nữ cũng tiến-bộ không ngừng, ở Âu-châu có khi nó dài quá gót chân, đến nỗi lúc đi phải có người nâng gấu. Gần đây nó lại leo thang tới trên đầu gối. Trong tương-lai không biết nó còn tiếp-tục leo thang hay là sẽ tụt thang ? Vì thì giờ có hạn nên tôi chỉ nêu vài thí dụ điển hình nhất. Nhưng trong mọi hình-thức sinh-hoạt của con người chúng ta đều thấy một sự tiến-bộ không ngừng. Và một câu hỏi được nêu ra : nhờ đâu mà sinh-hoạt của loài người có thể tiến-bộ chớ không mãi mãi đứng im một chỗ như sinh-hoạt cầm thú ?

Con người sở dĩ tiến-bộ được, chủ-yếu là nhờ có óc sáng-tạo. Cầm-thú bằng lòng với những gì có sẵn trong thiên-nhiên. Chim muông có sâu ăn sâu, có lúa ăn lúa. Trâu bò gặp đất nằm đất, gặp ổ rơm nằm ổ rơm. Con người không bằng lòng với những cái có sẵn. Con người tự mình tạo ra những gì mình muốn. Rồi những cái mình đã tạo ra đó nếu không còn thích hợp, con người lại tạo ra những cái mới khác. Cứ như vậy mà tiến tới không mỏi, không ngừng.

Cho tới nay, những cái mới mà con người đã tự mình tạo ra cho mình có thể chia làm 4 loại :

1) Những dụng-cụ máy-móc để làm cho đời sống càng ngày càng thêm tiện nghi. Đó là sinh-hoạt kỹ-thuật theo đuổi mục-đích thực-dụng cũng gọi là Ích.

2) Những lý-thuyết giải-thích thiên-nhiên để khám phá những bí-mật dầy-đặc của vũ-trụ bao quanh chúng ta. Đó

(1) *Đặng-Thái-Mai, Văn-học khái-luận trang 16.*

là sinh-hoạt khoa-học, đuổi theo sự thật cũng gọi là Chân.

3 — Những quan - niệm phân - biệt thiện ác, để qui-định những tương-quan giữa người với người, giữa người với tập-thể. Đó là sinh-hoạt đạo-đức đuổi theo điều tốt cũng gọi là Thiện.

4 — Những công-trình để làm cho đời sống càng ngày càng đẹp hơn. Đó là sinh-hoạt văn-nghệ(văn-chương và nghệ-thuật) nhằm thể hiện cái đẹp cũng gọi là Mỹ.

Ích Chân, Thiện và Mỹ là bốn hướng tiến của sinh-hoạt loài người. Và tuy cùng là một công việc tạo ra những cái gì mới, con người đã dùng những từ-ngữ khác nhau tùy theo từng lãnh-vực. Ở lãnh-vực kỹ-thuật chúng ta dùng từ-ngữ phát-minh hay sáng-chế. Ở lãnh-vực khoa-học và đạo-đức chúng ta dùng từ-ngữ khám-phá hay phát-kiến. Ở lãnh-vực văn-nghệ ngày nay từ Đông sang Tây chúng ta đều dùng từ-ngữ sáng-tạo.

Chỉ một chữ sáng - tạo này đủ nói lên lòng quí trọng đặc-biệt của chúng ta đối với những tác-phẩm văn-chương và nghệ-thuật. Bởi vì chữ sáng-tạo dành riêng cho hành vi của Tạo-hóa hay Thượng-đế, theo quan-niệm của một số tôn-giáo lớn, từ hư-vô đã dựng lập nên vũ trụ và muôn loài. Khi đem từ ngữ sáng-tạo áp-dụng cho công việc của văn-nhân nghệ-sĩ chúng ta đã mặc nhiên coi hai giới này là những đấng tạo-hóa nho nhỏ, trong khi các khoa-học-gia, kỹ thuật-gia và đạo-đức gia không bao giờ được hưởng cái vinh-dự lớn lao ấy.

Nhưng có thật các văn-nghệ sĩ, đã sáng tạo trong các tác phẩm của họ ? Nếu sáng-tạo phải hiểu là dựng nên từ hư vô thì chắc-chắn văn-nghệ sĩ không sáng-tạo : họ không đoạt được quyền Tạo-hóa. Sáng - tạo ở đây chỉ có nghĩa là từ những chất-liệu cũ làm ra một cái gì mới, từ những vật-liệu chết dựng nên một cái gì sống động. Nhiều người tưởng rằng văn chương nghệ-thuật chỉ bắt chước thiên-nhiên, sao chép cuộc đời. Tả sao cho đúng, vẽ sao cho giống, khắc nặn sao cho hệt những gì mình trông thấy, nghe thấy, sờ thấy, cảm thấy. Không phải riêng đám thế nhân mới nghĩ lầm như vậy : đó cũng là chủ-trương của một số văn-nhân nghệ-sĩ nổi tiếng như Platon, Pascal, Leonardo di Vinci, Alberti, Rodin. Nếu quả thật văn-nghệ chỉ là bắt chước và sao chép — dù là bắt chước và sao chép một cách rất tinh-tế, rất thông-minh — thì giá-trị mỹ-thuật của bao nhiêu thư-viện, bao nhiêu viện bảo-tàng, bao nhiêu đền đài cung điện trên thế-giới có thể rút xuống còn chừng một phần ngàn hoặc ít hơn nữa. Không, cốt yếu của văn-nghệ là xây-dựng một cái gì hoàn-toàn mới từ những chất-liệu vay mượn của vũ-trụ và cuộc đời. Thật là ngu-độn nếu bảo rằng trong truyện Kiều, Nguyễn-Du đã chỉ sao chép Thanh-Tâm Tài-Nhân, hay trong bức danh họa « La grande Odalisque », Ingres đã chỉ bắt chước người mẫu. Nhưng xây-dựng một cái gì hoàn-toàn mới chưa đủ : cái hoàn-toàn mới đó còn phải sống động, nghĩa là phải có « hồn ». Đọc xong bài thơ « The Raven » (= Con quạ) của Edgar Poe, chúng ta bàng hoàng như vừa trải qua một cơn nửa tỉnh nửa mơ, vừa

kinh dị vừa não nùng. Ngắm kỹ bức tranh La Grande Odalisque chúng ta rung động vì cái cảm xúc mãnh-liệt của Ingres lúc cầm bút vẽ người mẫu. Hai câu thơ trong bài Tỳ-bà-hành của Bạch-Cư-Dị :

Thuyền mấy lá đông tây lạnh ngắt,
Một vừng trăng trong vắt lòng sông(1)

không phải hay vì mô tả đúng hệt cảnh đêm trăng trên bến Tầm Dương mà hay vì đã thổi được vào cảnh vật ấy một cái hồn : cái hồn hoang vắng, ngậm ngùi, nhậy cảm của thi nhân chỉ chờ vẳng lên một điệu đàn là lập tức.

Lệ ai chan chứa hơn người,
Giang-châu Tư-mã đượm mùi áo xanh. (2)

Hơn 500 năm sau khi Lê-thái-Tổ quét sạch giặc Minh, thu hồi độc lập, ngày nay mỗi khi đọc lại bài Bình-Ngô đại cáo của Nguyễn-Trãi :

« Múa đầu gậy ngọn cờ phất phới,
ngóng vân nghê bốn cõi đan-hồ,
Mở tiệc quân chán rượu ngọt ngào,
khắp tướng sĩ một lòng phụ-tử.
...Đánh Tây-kinh phá ta thế giặc, lấy Đông-đô thu lại cõi xưa,
Dưới Ninh-kiều máu chảy thành sông, bên Tụy-động xác phơi đầu nội.
...Bắt tướng giặc mang về, nó đà vẫy đuôi phục tội,
Thể lòng trời bất sát, ta cũng mở lượng hiếu sinh.
Mã-kỳ, Phương-Chính cấp cho năm chiếc thuyền, ra đến bể chưa thôi trống ngực,
Vương Thông, Mã Anh phát cho vài ngàn cỗ ngựa, về đến Tầu vẫn còn đổ mồ hôi.
Giang sơn từ đây mở mặt, xã tắc từ đây vững nền,
Nhật nguyệt hối mà lại minh, càn khôn bĩ mà lại thái.
Nền vạn thế xây bền chăn-chắn,
Thẹn ngàn thu rửa sạch làu lâu.. »(3)

Không những chúng ta như thấy trước mắt những cảnh tượng giao tranh ác liệt mà còn sống lại cái không khí đoàn-kết kiêu-dũng, của tổ-tiên khi tiến quân giết giặc, còn sống lại cả cái tâm hồn hào sảng nhân-ái của tiền-nhân trước viễn-tượng một kỷ-nguyên độc-lập, thái-bình, đến nỗi thật khó mà ngăn được cảm khái dâng lên rào rạt, nghẹn-ngào. Gần chúng ta hơn là hai câu thơ của Xuân-Diệu.

Hôm nay tôi đã chết trong người
Xưa hẹn ngàn năm yên mến tôi.

Hai câu này không phải hay vì sao chép đúng hệt cuộc đời. Ngoài đời, chúng ta phải chết trên giường bệnh, trong nhà thương, trong quan tài chứ không có ai lại chết trong người khác trừ phi còn là một bào thai. Và khi đã chết là vĩnh-viễn im lặng, không còn than van được nữa. Cái hay ở đây là cách phát-biểu tình-cảm cũng như cách ngắt câu đều hoàn-toàn mới lạ đối với thế-hệ người Việt vừa chính-thức giã-từ Hán-học được chừng hai ba chục năm. Và tình cảm thì xôn xao, thiết tha đến độ những người chưa từng

---

(1) *Bản dịch của Phan-Huy-Vịnh, Việt-nam ca trù biên khảo của Đỗ-Bằng-Đoàn và Đỗ-Trọng-Huề trang 570.*

(2) *Bản dịch của Phan-huy-Vịnh, sách đã dẫn.*

(3) *Bản dịch của Trần-trọng-Kim, Việt-Nam sử-lược trang 230.*

đau khổ vì yêu đọc lên cũng thấy như quyện vào da thịt.

Chính vì đã đem lại sự sống cho mầu sắc, cho âm thanh, cho hình thể, cho giấy trắng mực đen, chính vì đã thổi được một cái hồn vào trong những vật-liệu vô sinh đó, mà công trình của văn-nghệ sĩ được gọi là sáng-tạo, khả-dĩ sánh với công trình của Tạo-hóa. Kỹ-thuật cũng phát minh những máy móc mới, khoa học cũng khám phá những định luật mới, đạo-đức cũng phát-kiến những nguyên-tắc mới : tất cả những thứ đó mới chỉ là những sự-vật chết, những công-thức trừu-tượng, những ý-tưởng khái-quát, không có sức sống, không có hồn, cho nên không gọi là sáng-tạo.

Tuy văn-chương và nghệ-thuật cùng sáng tạo, nhưng sức sáng-tạo của văn-chương hùng mạnh, bao-quát hơn sức sáng-tạo của nghệ-thuật về cả hai phương-diện : không gian và thời-gian Một họa-phẩm thường chỉ vẽ một phong cảnh, năm bảy nhân-vật nhưng trong bộ tiểu-thuyết Chiến-tranh và Hòa-bình, Tolstoi đã sáng-tạo cả một thế-giới với hàng ngàn nhân-vật, hàng ngàn cảnh - tượng. Nếu bức tranh « Thanh minh thượng hà đồ » của một nhà danh-họa đời Nam-Tống được coi như vĩ-đại nhất trong các họa-phẩm của nhân-loại vì có tới gần một ngàn nhân-vật — nhiều nhân-vật nhỏ quá phải lấy kính hiển vi soi mới thấy — thì xin hỏi đã có ai đủ can-đảm ngồi đếm xem pho Đông Chu liệt-quốc có bao nhiêu nhân-vật ? Nếu một bản nhạc đại hòa tấu symphonie của Beethoven gây ra nơi chúng ta một cảm xúc kéo dài hay nhiều cảm xúc liên tục thì thời-gian sống của những cảm-xúc ấy cũng không thể sánh với Chiến-tranh và Hòa-bình bao trùm cả một đời người, càng không thể sánh với Tam-quốc-chí bao trùm tới hai ba thế hệ. Không những thế, cứu cánh của văn-chương cũngkhông cố-định,không nương theo một chiều hướng duy-nhất như cứu-cánh của nghệ-thuật. Nghệ thuật chỉ nhằm thể hiện cái Đẹp, ngoài ra không còn gì nữa hết. Văn-chương không thế. Từ cái Đẹp, văn-chương có thể lấn sang cái Chân của khoa học, hoặc tràn sang cái Thiện của đạo-đức. Do đó mà có những tác-phẩm văn-chương chỉ để tiêu sầu, giải muộn, ngâm nga những lúc trăng khuya gió sớm, tửu hậu trà dư như truyện Ngàn lẻ một đêm, thơ của Verlaine. Có những tác phẩm giúp cho người đọc nhận thức được những đau khổ vô tận, những bất công chồng chất của kiếp người như thơ của Đỗ-Phủ, Cung oán ngâm khúc của Nguyễn-gia-Thiều, tiểu thuyết Maxime Gorki, Giờ thứ hai mươi lăm của Virgil Gheorghiu. Có những tác phẩm soi sáng tận ngững miền âm u, sâu thẳm nhưng cuồn cuộn sóng ngầm của tâm hồn như kịch của Shakespeare, tiểu thuyết của Stefan Zweig. Lại có những tác phẩm vạch rõ cho chúng ta biết đâu là thiện, đâu là ác, đem các thái độ và hành vi của con người ra mà phê phán về giá trị. Bài Hịch tướng-sĩ của Trần-hưng-Đạo thổ-lộ tâm-sự của một bực đại-tướng cầm trong tay cả vận-mệnh quốc gia :

Nghĩ đến sự dày vò xấu hổ,
Ngày quên ăn đêm ngũ không an,

Vỗ mình thốn thức canh tàn.
Chạnh đau khúc dạ, chảy tràn giọt châu.

Ăn gan ấy mới hầu thỏa dạ,
Uống huyết kia mới hả giận này.
Vì dù gan nát óc lầy,
Cho rằng da ngựa bọc thây cũng đành (1)

chính là tiếng nói của lương tâm của một người công dân mà tổ quốc đang quằn-quại dưới gót giầy xâm-lược.

Đời Trần-Dụ-Tông (1358-1369), Chu văn-An thấy chính sự đổ nát bèn dâng sớ xin chém đầu bảy người quyền thần. Tới khi Hồ-quý-Ly cướp ngôi nhà Trần, nhà Minh lấy cớ phù Trần diệt Hồ đem quân sang thôn tính nước ta, Lê-cảnh-Tuân viết một bức thư dài tới vạn lời kể rõ tội quân Minh bội lời ước cũ. Hai tác-phẩm văn-chương bất hủ đó chính là hai bài nghị-luận đạo đức có sức sống mãnh-liệt đến độ về sau sứ-thần Lê-Trung phải than :

« Thất trảm chi sớ nghĩa động càn khôn,
Vạn ngôn chi thư trung quán nhật nguyệt ».

nghĩa là : bài sớ xin chém bảy người nghĩ khí động đến trời đất ; bức thư vạn lời lòng trung thấu suốt mặt trời mặt trăng :

Đừng từ cái đẹp mà có thể tùy nghi hướng về cái thật hay cái tốt, đó là thái độ tự do chân chính của tâm-hồn. Bởi vì tự-do không phải là hành động hỗn-loạn mà là khả-năng... lựa chọn giữa nhiều cứu cánh nhưng vẫn không rời lập-trường cố hữu là lập-trường của con người có lý-trí. Lịch-sử văn-chương thế-giới đã minh-chứng một cách hùng-hồn cái tinh-thần tự-do bất diệt ấy. Không nói đâu xa; hãy thử nhìn vào văn-học nước nhà từ đầu thế kỷ tới nay, chúng ta cũng thấy Chân, Thiện, Mỹ lần lượt thay thế nhau ở vị-trí đối tượng của văn-chương. Từ đầu thế kỷ tới khoảng 1930, để chống lại những nguy-cơ bên ngoài thì đe dọa cả vận-mệnh của dân-tộc bên trong thì những lũng-đoạn các tâm-hồn cá nhân, các nhà văn cố-gắng thể hiện cái Thiện trong tác-phẩm của họ : văn chương trong thời-kỳ này là văn-chương đạo-đức và văn-chương cách-mạng. Trong những năm 1930-1945 các nhà văn say mê đuổi theo cái Mỹ, vượt lên trên hay tạm quên cảnh sống gông cùm nô dịch để tìm ý nghĩa cho cuộc đời : đó là giai-đoạn văn-chương lãng-mạn. Và từ sau đệ-nhị thế-chiến tới nay, bàng hoàng ngơ ngác trước những tai họa hãi-hùng dồn dập đổ lên đầu đất nước thân yêu, các nhà văn quay ra đánh những dấu hỏi thật đậm thật lớn vào các biến-cố, vào phản ứng của mỗi người trước các biến-cố đó : văn-chương trong thời-kỳ này hăm hở đi tìm sự thật, cái sự thật đã bị che dấu bởi các ý-thức hệ, bởi các danh từ rất kêu đẹp nhưng lại rất mơ hồ hoặc đã hoàn-toàn biến nghĩa.

Ngay trong lãnh-vực Thiện, sự tự-do lựa chọn của nhà văn cũng phong phú vô cùng. Toàn bộ tác-phẩm của Nietzsche nói lên thái-độ tàn-nhẫn lạnh-lùng : « Hãy đạp những người đã quị xuống cho ngã hẳn ». Toàn bộ tác-phẩm của Nguyễn-Du, Dickens, André Maurois nói lên thái-độ nhân-từ : « Hãy sót

(1) *Bản dịch của Phan-kế-Bính, Việt hán văn khảo trang 74.*

thương những người đã qui xuống». Toàn bộ tác-phẩm của Gorki nói lên thái-độ quật cường : « Hãy vùng dậy hỡi những người đã qui xuống ! ». Và pho Nam-hoa-kinh của Trang-Tử nói lên thái-độ triết-nhân : « Có đứng lên, thì phải có qui xuống. Hãy vượt lên trên cả hai tình trạng đó ! »

Vì văn chương thể-hiện được cái quyền tự-do thiêng liêng của tinh-thần — tự-do lựa chọn giữa Chân-Thiện-Mỹ — cho nên đã nảy sinh những cuộc tranh-luận hào hứng chung quanh vấn-đề nghệ-thuật vị nghệ-thuật hay nghệ-thuật vị nhân sinh, nghệ-thuật phải dính thân hay nghệ-thuật phải không dính thân, khiến cho tư-tưởng nhân loại càng thêm giầu-thịnh.

Tất cả những điểm vừa trình-bày thiết tưởng đủ minh chứng cho nhận-định mà chúng tôi đã đưa ra : Văn-hóa là hình-thái sinh-hoạt tiêu-biểu của loài người và, trong các bộ-môn văn-hóa văn-chương lại là bộ-môn tiêu-biểu nhất. Lấy tình-cảm và tư-tưởng làm chất-liệu, văn-chương phản ảnh cái tâm-hồn riêng tư của mỗi tác-giả : đó là lý-do đưa tới lời khẳng-định quen thuộc « Văn là người ». Nhưng phát triển trên cơ-sở văn-hóa chung của từng xã-hội trong từng giai đoạn lịch-sử, văn-chương lại phản ảnh trung thực cả xã-hội ấy trong giai đoạn lịch-sử ấy. Người ta bảo : « Nhà văn là chứng nhân của thời-đại ». Vì thế Văn-chương Anh không thể lẫn với văn-chương Tầu đã đành, mà ở riêng nước Tầu chẳng hạn, văn-chương đời Hán cũng không thể lầm với văn-chương đời Đường, văn-chương đời Đường không thể lầm với văn chương đời Tống. Ở Pháp cũng vậy, văn-chương thời Phục-hưng khác hẳn văn-chương cổ-điển, văn-chương cổ-điển lại khác văn-chương lãng-mạn.

(Còn tiếp 1 kỳ)

ĐỖ TRỌNG HUỀ

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C_D_PP_B2_B6_B12

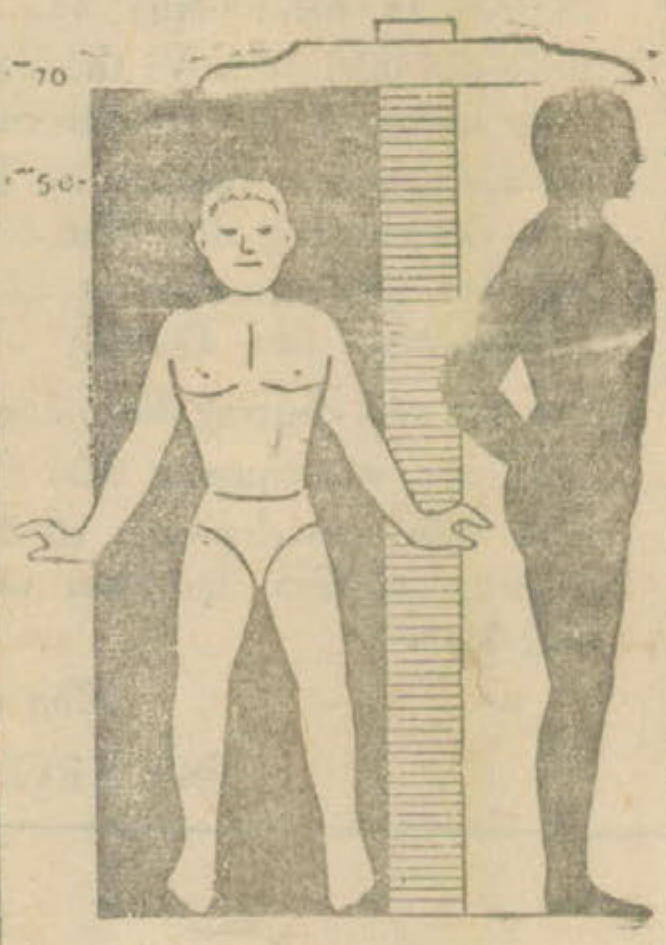

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN ! CỨNG RĂNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON _ VỪA BỔ.

SỐ KN : 78 MBYT/QCPD

BÁCH KHOA ĐÓNG TẬP

- Một bộ Bách Khoa đóng bìa carton, bọc simili-cuir, thành các tập 6 số và 12 số, từ 1957 đến 1970, gồm 42 tập (thiếu các số 1, 9, 12, 28, 70, 81), giá nhất định 10.200$. Giao báo tại tòa soạn 160 Phan-đình-Phùng Saigon.
- Bách Khoa năm 1970 đóng tập : 2 tập 12 số. Giá 1.200$.

HAI GIỜ VỚI G. S. NGUYỄN-VĂN-TRUNG
ĐÀM THOẠI VỀ :

Trí thức khuynh tả, Công giáo cấp tiến, Ủy ban Vận động cải thiện chế độ lao tù, và Tự do Báo chí...

BÁCH KHOA : *Trong những năm vừa qua anh đã viết báo viết sách và phát biểu ý kiến nhiều về các vấn đề văn học, chính trị, giáo dục v. v.. và căn cứ vào những lời phát biểu của anh, những sách báo anh viết. người ta đã gọi anh là «trí thức khuynh tả», là «công giáo cấp tiến »... Vậy anh có khuynh tả và cấp tiến không và những người khuynh tả và cấp tiến có đứng trong một tổ chức nào không?*

NGUYỄN VĂN TRUNG : Trước hết từ ngữ « khuynh tả » và « cấp tiến » vốn là những từ ngữ nhập cảng, đàng khác có một liên quan giữa trí thức khuynh tả và công giáo cấp tiến. Người trí thức khuynh tả mà có tôn giáo thường trở thành cấp tiến trong tôn giáo của mình, và người công giáo cấp tiến chẳng hạn thường đương nhiên phải khuynh tả về chính trị. Ví dụ trường hợp Mounier ở Pháp, người ta gán cho ông là công giáo cấp tiến và khuynh tả trên phương diện chính trị. Nhưng Sartre, không theo tôn giáo nào, chỉ là trí thức khuynh tả mà thôi.

Xét tổng quát thì như vậy, nhưng đi sâu hơn vào nội dung ta thấy người trí thức khuynh tả thường bầy tỏ một thái độ bất mãn với hiện tại và muốn vươn tới một cái gì anh cho là đúng hơn, hợp lý hơn trong tương lai, mà do suy nghĩ, do phân tách anh đã nhìn thấy được. Những suy nghĩ và nhận định đó có thể dẫn tới những thái độ quá khích, nghĩa là cứng rắn, không thực tế, quá trọng nguyên tắc, quá lý tưởng. Tả khuynh theo nghĩa đó là thứ tả khuynh mà Lénine đã phê bình hồi xưa đối với các phần tử trong đảng đã không trọng thực tế trong khi tranh đấu.

Xét về lập trường, lập trường của người khuynh tả cũng tùy thuộc vào một hoàn cảnh xã hội. Thí dụ trong xã hội Tây phương hiện tại, lập trường của người khuynh tả là chống chủ nghĩa tư bản và chủ trương xã hội chủ nghĩa. Những người nào không có lập trường về xã hội chủ nghĩa không thể gọi là tả khuynh được.

Tất nhiên xã hội chủ nghĩa có nhiều xu hướng khác nhau, từ không Cộng sản đến Cộng sản, nhưng những người chủ trương xã hội chủ nghĩa, dù chống đối nhau về phương thức thực hiện xã hội chủ nghĩa, đều có một điểm chung căn bản về kinh tế là chủ trương phải tập thể-hóa các phương tiện sản xuất.

Về công giáo cấp tiến, danh từ này xuất hiện ở Pháp và Âu châu độ ba bốn chục năm nay. Như tôi đã nói,

người công giáo bị gọi là cấp tiến về phương diện chính trị, thường có lập trường khuynh tả, và về phương diện tôn giáo, họ không coi những hình thức biểu lộ bề ngoài của đời sống tôn giáo (cách thức đọc kinh, xem lễ, giữ đạo) hoặc những cơ chế xã hội, những tập quán tư tưởng của Giáo-hội như có tính cách vĩnh cửu, bất khả xâm phạm vì thực ra những hình thức biểu lộ đó bắt nguồn từ những hoàn cảnh lịch sử do đó họ đòi hỏi phải cải tổ những hình thức biểu lộ những quan niệm sống đạo khi chúng không còn thích nghi với con người hiện đại. Những người bị gọi là công giáo cấp tiến phân biệt đức tin (tín lý) với những cách biểu lộ của đức tin đó. Đức tin thì không thay đổi nhưng những cách biểu lộ của đức tin có thể thay đổi tùy theo hoàn cảnh, thời đại. Người công giáo bảo thủ đã đồng hóa đức tin với những cách thể biểu lộ của đức tin, nên cho rằng nếu đụng đến những hình thức biểu lộ đức tin tức là đụng đến chính đức tin. Ngược lại người công giáo bị gọi là cấp tiến cho rằng những hình thức biểu lộ đức tin như một cách đọc kinh, một lối giữ đạo v.v... có thể thay đổi tùy thời đại, địa phương, hoàn cảnh v. v... Đó là lý do tại sao những người nghĩ như trên đã bị những người bảo thủ kết án là cấp tiến là rối đạo vì đã dám chỉ trích đụng đến những quan niệm sống đạo được coi *là* tín lý, giáo điều.

Trong hoàn cảnh hiện tại, người công giáo bị gọi là cấp tiến còn coi sự dấn thân của người công giáo trong lãnh vực trần thế, nghĩa là việc tranh đấu xã hội, chính trị chống những chế độ độc tài, những cơ cấu áp bức, bóc lột, bất công như một đòi hỏi bắt nguồn từ đức tin và hơn nữa chính sự dấn thân đó mới là lối sống đạo đích thực và cốt yếu.

Những quan điểm trên, cách đây ba bốn chục năm, còn là điều mới mẻ đối với công giáo Tây phương và bị chống đối tùm lum cả về phía giáo quyền lẫn phía giáo dân. Nhưng dần dần, giờ đây, những vấn đề nêu trên đã trở thành quá thường trong quần chúng và trở thành gần như là lập trường chính thức của Giáo-hội sau Công đồng Vatican II. Gần đây những phần tử tiến bộ còn nghĩ cả đến việc xây dựng một nền thần học cách mạng trong việc dấn thân vào tranh đấu chính trị xã hội, cụ thể là tìm cách biện hộ đến cả việc dùng những phương tiện vẫn bị lên án từ trước đến nay là tranh đấu bạo động, như một số linh mục tại Châu Mỹ la tinh đã và đang làm.

BÁCH KHOA: *Đó là ở Tây phương còn trí thức khuynh tả và công giáo cấp tiến ở Việt Nam thì sao?*

NGUYỄN VĂN TRUNG: Ở Việt-nam, theo chỗ tôi nghĩ, đối với nhà cầm quyền Pháp, có lẽ những người trí thức có xu hướng mác-xít hay xu hướng Cộng sản cách đây mấy chục năm cũng là những người khuynh tả, nhưng những người trí thức được gán là khuynh tả hiện nay ở miền Nam đối với một số người Cộng sản hẹp hòi có thể lại bị nhìn như những thứ phản động tinh vi. Do đó mà nói «khuynh tả» hay «khuynh hữu» thực ra chỉ là một nhận xét, một phê phán ít nhiều

chủ quan của người phát biểu. Riêng người bị gán cho là « khuynh tả » lại cho rằng mình đã suy nghĩ, chủ trương hành động đúng, hợp lý và có thể thành thực một cách cũng chủ quan cho là mình đã nắm giữ được chân lý rồi nên thái độ của mình vượt lên trên cả tả hữu...

Do đó mà «tả» hay «hữu» bao giờ cũng chỉ là những cái mũ của người này chụp cho người kia, còn chính người được chụp mũ không ai muốn tự nhận mình là «khuynh tả» hay «khuynh hữu».

«Công giáo cấp tiến» cũng là từ ngữ được gán cho một số người, như từ ngữ «trí thức khuynh tả».

Người được gán cho là «công giáo cấp tiến» cũng cho mình chỉ là người công giáo đích thực và những đòi hỏi của mình cũng chính là đòi hỏi của đạo mình mà thôi. Còn mình bị gán theo cái chủ quan của người khác là gì cũng không cần phải cải chính và biện hộ vì con đường mình đi là chính đạo rồi.

Ở Việt nam hiện nay những người được gán cho là trí thức khuynh tả hay cấp tiến phần lớn là những người Thiên-Chúa giáo. Những người này hầu hết đã có dịp tiếp xúc với xã hội Tây phương nhiều năm, có khi đã hòa mình vào những cuộc tranh đấu ở các nơi họ du học. Mặt khác, những du học sinh VN thì rất nhiều, nhưng phần đông họ đều học ở những trường khoa học hay kỹ thuật, chỉ có một số nhỏ các người Thiên-Chúa giáo là theo học Triết hay Văn khoa là những ngành trực tiếp đưa vào suy tưởng. Bởi vậy có thể nói trong nhiều năm nay, các tu sĩ, các giáo sư Thiên-Chúa giáo đã nắm giữ hầu hết những môn giảng dạy về tư tưởng tại Đại học Văn khoa ở miền Nam. Nguyên do chỉ vì những sinh viên và tu sĩ Thiên-Chúa giáo đã du học rất nhiều trước đây, nhất là vào khoảng từ năm 1950 trở đi, còn các tu sĩ Phật giáo thì chỉ mới du học độ chừng 7, 8 năm trở lại đây thôi. Do đó mà những trí thức công giáo cấp tiến hay khuynh tả phần đông đều là những người Thiên Chúa giáo đã du học, đã quan sát và phân tách suy nghĩ về xã hội Tây phương cũng như về xã hội VN, và sau cùng đã có một thái độ chung trước một số vấn đề và một số sự việc chính trị cũng như tôn giáo tại VietNam...

Tuy nhiên trong thực tế, vẫn phải nhận có sự khác biệt về thái độ và những từ ngữ «cấp tiến, bảo thủ, khuynh tả, khuynh hữu» vẫn là những phạm trù xã hội để chụp mũ hay xếp loại những thái độ khác biệt, mà những người bị chụp mũ, xếp loại, không thể tránh được. Xét về phương diện xã-hội học, thái độ « bảo thủ, cấp tiến, tả, hữu » là một hiện tượng có thể giải thích được bằng những nguyên nhân tâm lý, lịch sử, giáo dục, chính trị v.v... Do đó, vấn đề là tìm hiểu tại sao, những điều kiện, hoàn cảnh nào đã làm cho một người *trở thành* cấp tiến hay bảo thủ, vì không ai sinh ra *là* cấp tiến, bảo thủ, như *là* đàn ông, đàn bà ; vì «cấp tiến, bảo thủ» không thuộc bản tính tự nhiên của con người. Một nền giáo dục, một môi trường chính trị, một hoàn cảnh xã hội nào đó đưa đến thái độ cấp tiến hay bảo thủ...

Trong hoàn cảnh Việt Nam, phần đông những nhà văn, nhà báo đều rất

«tả» về phương diện xã hội, vì họ thuộc tầng lớp tiểu-tư-sản trí thức, không có cơ sở vật chất vững chãi, nên luôn luôn bất mãn trước những áp bức, chênh lệch xã hội và dễ thiện cảm với những chủ trương cách mạng quá khích, ít ra là bằng lời nói. Trong ý nghĩa đó mới hiểu tại sao có lẽ không có nhà văn, nhà báo Việt nam nào bảo thủ về xã hội, và những người như Chu Tử cũng tự nhận là «cực tả» không cộng sản.

BÁCH KHOA : *Vậy những người này có đứng trong cùng một tổ chức nào không ?*

NGUYỄN VĂN TRUNG : Phải công nhận rằng có một sự mâu thuẫn trong thái độ của người trí thức khuynh tả hay cấp tiến ở chỗ anh ta phản đối những gì là bất công, là không hợp lý, và đòi hỏi thực hiện cái mà anh cho là chân lý nhưng anh lại thường không có óc thực tế và những khả năng thực hiện như một chính trị gia. Một nhà chính trị bao giờ cũng nhằm mục tiêu chính quyền để làm phương tiện thực hiện lý tưởng, ý đồ chính trị của mình. Còn một trí thức cấp tiến lại cho mục tiêu đó là không trong sạch, nên sau cùng anh chỉ có thể lên tiếng để bày tỏ thái độ của mình. Do đó mà hầu như những trí thức khuynh tả, cấp tiến, chỉ gặp nhau trên khuynh hướng, thái độ khi bày tỏ một lập trường chung mà thôi. Và sự bày tỏ đó cũng là do động cơ trí thức hay luân lý. Những người này rút cuộc chỉ viết sách, viết báo và cũng chỉ đứng chung ở một cơ sở xuất bản hay báo chí nào đó.

BÁCH KHOA : *Thái độ của những người trí thức cấp tiến trong công giáo có bao giờ bị chính dư luận công-giáo ngộ nhận hay lên án không ?*

NGUYỄN VĂN TRUNG : Những người trí thức công giáo cấp tiến thường bị một số những tu sĩ, những người công giáo khác ngộ nhận chỉ trích, lên án, nhưng chúng tôi vẫn chịu đựng sự hiểu lầm, sự lên án đó vì biết rằng người hiểu lầm mình, trừ một số rất ít vì quyền lợi hoặc tị hiềm, còn đa số những tu sĩ, những giáo dân tốt lành, nhưng chưa có dịp và hoàn cảnh thuận tiện để hiểu những động cơ, hoặc những lý do, mục đích, việc làm của chúng tôi. Phần nhiều các vị đó chỉ nghe người ta nói, nghe đồn rồi nghĩ về chúng tôi theo những tin đồn đó, và dĩ nhiên là những lời đồn hầu hết chỉ là xuyên tạc hoặc ngộ nhận. Tuy nhiên, với những vị có thiện-chí đó, hễ có dịp tiếp xúc và được chúng tôi trình bày rõ ràng thành thực, nhiều thắc mắc, ngộ nhận được dễ dàng giải đáp.

Nhiều lúc chúng tôi tự hỏi tội gì gây hiểu lầm rồi bị oán ghét trong khi ở địa vị của chúng tôi, chúng tôi có nhiều điều kiện, khả năng hơn nhiều người công giáo tầm thường khác để tạo danh lợi, bằng cách làm ra vẻ ngoan đạo, sốt sắng giúp đỡ, chạy việc cho các đẳng, để được các đẳng tin, thương và tiến cử... Chúng tôi chẳng những không sốt sắng giúp đỡ làm ra vẻ ngoan đạo bề ngoài mà còn phê bình, chỉ trích lung tung nên bị hiểu lầm, chống đối, oán ghét.

Sở dĩ chúng tôi chấp nhận sự hiểu lầm, chống đối vì đây là một lựa chọn tự do và có ý thức : chúng tôi

biết rõ và tự do nhận lấy bổn phận của người gây thức tỉnh, phác họa những con đường Giáo-hội sẽ phải đi tới và bổn phận làm chứng về đạo trong những giới ngoài công giáo, đặc biệt giới trí thức không những xa lạ mà còn đố kỵ với đạo. Đối với giới này, chúng tôi buộc phải dùng một ngôn-ngữ khác với ngôn-ngữ trên tòa giảng, ngôn-ngữ trong giới công-giáo với nhau. Thực ra, xử dụng được một ngôn ngữ nói về đạo cho những người ngoài đạo của mình không phải dễ ; bằng có là nhiều linh-mục bị gọi là cấp-tiến cũng chưa thoát khỏi ngôn ngữ nhà đạo khi viết cho người ngoài đọc, nghĩa là dùng một luận điệu và những từ-ngữ như thể nói với người đồng đạo cùng chung một đức tin.

Chẳng hạn khi tôi viết một bài trên Bách-Khoa vào cuối năm 1963 nói là : « Piô XII » thì lập tức bị các người công-giáo thóa mạ là phạm thượng vì sao lại nói trống không như vậy trong khi đáng lẽ phải gọi là : « Đức Thánh Cha Pio XII »... Dĩ nhiên ngôn-ngữ trên có thể làm phiền những người công giáo chỉ biết và nhìn nhận có một lối nói về đạo. Đó là điều không thể tránh được và chính vì thế chúng tôi không lấy làm buồn khi bị hiểu lầm, kết án, nhất là khi giáo dân, linh mục, hiểu lầm thường chân thật, tốt lành và rất dễ thay đổi ý kiến khi có hoàn cảnh thuận tiện.

Tuy nhiên, ngoài người công giáo lại nhìn công giáo qua những người cấp tiến, và khi họ có cảm tình với người cấp tiến họ cũng có cảm tình luôn với công giáo...

Những người ngoài công giáo thấy người công giáo cấp tiến dám phê phán đạo của mình mà hàng Giáo phẩm Công giáo không ngăn cản — mặc dầu có bị nhiều ngộ nhận, vu khống, kết án — thì họ càng mến phục sự rộng rãi của hàng Giáo phẩm Công giáo V.N. và coi sự kiện phê phán đạo mình của những người công giáo bị gọi là cấp tiến trên như một vinh-dự cho đạo Công-giáo, vì chỉ một tôn giáo trưởng thành, tự tin, mới chấp nhận sự kiện đó.

Cũng do đó, nhiều người bên Phật-giáo đã nghĩ rằng những người trí thức công giáo bi gọi là cấp tiến chẳng qua chỉ là những người công giáo đã phục vụ một cách sáng suốt đạo của họ mà thôi.

BÁCH KHOA : *Trong Bách-Khoa số Tết năm nay, Tạ-Chí Đại-Trường khi viết về « Nhóm công giáo cấp tiến mới nổi ở V.N. » có nói : « Bộ mặt của công giáo VN hơn 100 năm nay đã gắn liền mãi với bom đạn ngoại bang rồi. Bây giờ hàng Giáo phẩm tưởng đã tìm ra được một bộ mặt khác, hiền hòa hơn, giúp cho người công giáo vẫn nắm được quyền bính — có kèm sự thủ đắc tài sản to lớn do sự viện trợ đổ vào — mà không phải chia sớt uy tín dưới mắt dân chúng đối với một tập thể chống đối nào hết, trong cũng như ngoài. Tất nhiên không nên nhũ nhận sự thành thật ở riêng những người công giáo cấp tiến, nhưng nhìn trong chiều hướng chung của đoàn thể tôn giáo họ, nhóm của họ cũng đã được sử dụng ngoài ý định của họ ».*

Anh nghĩ sao về nhận xét của Tạ-

Chí Đại-Trường đối với « công giáo cấp tiến » ?

NGUYỄN VĂN TRUNG : Câu của Tạ Chí Đại Trường phản ảnh một dư luận chung đã có từ lâu của những người ngoài công giáo ; một số sinh viên và bạn hữu bên Phật giáo chúng tôi quen biết cũng nghĩ và nói như vậy. Nhưng có lẽ đây là lần đầu một người đã viết thẳng thắn ý nghĩ đó lên mặt báo. Như tôi đã nói, dù chúng tôi — những người trí thức công giáo bị gọi là cấp tiến — có bị một số dư luận công giáo phủ nhận và kết án thế nào chăng nữa thì những người ngoài công giáo chỉ nhìn chúng tôi như những người công giáo, — và còn cho rằng chính chúng tôi mới là những người công giáo đã phục vụ đạo mình một cách đắc lực, hiệu nghiệm. Những người bên Phật giáo, người ngoài công giáo, còn cho rằng, về phương diện chính trị những lập trường, khuynh hướng và thái độ mà một số anh em chúng tôi đã bày tỏ cũng là đường lối của Vatican hay ít ra là chủ trương của hàng Giáo-phẩm Việt Nam. Và như thế, cấp tiến bảo thủ, Sống Đạo, Thắng Tiến, Cha Lãm, Cha Lan... chống nhau chẳng qua chỉ là một sự phân công Đường lối Công giáo xưa nay vẫn là đi với chánh quyền đương thời, nhưng họ lại biết nhìn xa, chuẩn bị cho cả những chính quyền tương lai nữa. Do đó chống Cộng hăng nhất cũng là công giáo, và thân Cộng, chống Mỹ, cũng là công giáo. Nói là một sự phân công, chẳng hạn người ta vẫn cho là Nhà dòng Chúa Cứu-thế ở đường Kỳ-đồng vừa là một ổ Cần lao, chống Cộng, thân chính quyền vừa là một ổ đối lập, thiên tả. Một điều không thể có được bên Phật giáo như thể Ấn Quang và Quốc-tự vẫn chống nhau mà vẫn ở chung một chùa.

Nói cho cùng, đối với người ngoài công-giáo thì những người công-giáo cấp tiến là nhưng người đã cứu vãn Giáo-hội, cả về phương diện tôn giáo lẫn phương diện chính trị, cho thoát khỏi tình trạng bế tắc, sa lầy bằng những cải tiến xã hội canh tân bên trong Giáo hội đưa đạo vào dân tộc (như tôi đã viết từ 15 năm nay) và hiện-đại-hóa tôn giáo v v... Trong lúc đó thì dư luận của một số người công giáo lại cho chúng tôi là bọn phản đạo, phá đạo, rối đạo v.v...

BÁCH KHOA : *Vậy các anh có phải là một « bộ mặt thứ hai của công giáo VN » hoặc các anh có « được xử dụng ngoài ý định » như Tạ Chí Đại Trường đã viết không ?*

NGUYỄN VĂN TRUNG : Về điểm này tôi là người trong cuộc, tôi có thể xác nhận điểm sau đây. Nếu hiểu sự phân công như thể hàng Giáo phẩm ngồi với cả Tả, Hữu rồi chia việc, anh này, nhóm này làm cái này, anh kia, nhóm kia làm cái kia, thì thực ra không có ; vì nếu Công giáo tổ chức chặt chẽ tinh vi đến thế thì đã không phạm nhiều lỗi lầm nặng nề hay bỏ quên nhiều công cuộc trọng đại có thể làm, phải làm vì thiếu nhất trí, nhìn xa, trông rộng... Nhưng nếu hiểu thái độ của hàng Giáo-phẩm đối với chúng tôi như là thái độ nhìn nhận chúng tôi có quyền suy nghĩ, lên tiếng, viết lách, hành động những gì mà lương

tâm chúng tôi coi là lợi cho Đạo, cho đất nước, đôi khi, nhìn dưới con mắt thiện cảm. khuyến khích nữa, thì quả thực là có thái độ như trên.

Chẳng hạn. tôi vừa nhận được thư riêng đầy khích lệ của một Giám-mục trong đó ngài nói nước ta mới chỉ được một nhóm Cấp-tiến ; giá được phần đông cấp tiến thì làm gì còn rách nát như ngày nay.

BÁCH KHOA : *Những người trí thức cấp tiến các anh có phải chỉ là một thiểu số so với khối giáo dân đông đảo Thiên Chúa giáo chống đối các anh ?*

NGUYỄN VĂN TRUNG : Đúng vậy. nhưng những người thực sự ra mặt chống đối chúng tôi lại còn là một số ít hơn chúng tôi nữa ; còn đa số giáo dân không theo phe nào và chỉ tuân theo hàng Giáo phẩm. Một ngày nào đó khi thái độ, lập trường, đường lối chúng tôi bày tỏ hôm nay được chính thức chấp nhận. hoặc trở thành hợp thời thì các giáo dân cũng sẽ chấp nhận và vì thế vấn đề đa số, thiểu số không nên đặt ra như một tiêu chuẩn thẩm định giá trị.

Tuy nhiên «đa số» vẫn được lợi dụng như một chiêu bài để làm áp lực. Chẳng hạn, hễ Đức Tổng Giám-mục Saigon nói gì, làm gì, không phù hợp với quan điểm chính trị của họ (như vụ đến thăm Đại-tướng Dương-văn-Minh ; cử đại-diện dự lễ cầu cho hòa-bình do Ấn-Quang tổ chức, họ dùng áp lực buộc Ngài phải thanh minh, đính chính, với sự thêm bớt cố ý xuyên tạc của họ để làm cho những việc làm trên mất ý nghĩa tốt đẹp mà những người ngoài công giáo mong đợi.

Riêng đối với những thủ-đoạn xuyên-tạc, bôi nhọ, bằng một ngôn ngữ hạ cấp, đao búa, mà một số người « bảo thủ », quá khích thường dùng trên mặt báo của họ, chúng tôi đôi lúc bực mình nhưng rồi cũng bỏ qua không chấp vì một đằng muốn giữ thái độ trí thức đến cùng đằng khác vì có sự thông cảm của hàng Giáo-phẩm, sự lên án thái độ xuyên tạc, bôi nhọ lem nhem mà giáo quyền biểu đồng tình trong khi chúng tôi cũng có thể dùng áp lực buộc hàng Giáo-phẩm lên án *công khai* thái độ xuyên tạc. bôi nhọ hay đòi đính chính những hiểu lầm, ngộ nhận.

Tuy nhiên chịu đựng đến một mức độ nào đó thôi, và với những người trẻ hơn chúng tôi như nhóm sinh-viên công-giáo tranh đấu, chắc họ không nhẫn nhục như chúng tôi đâu. Tuyệt thực, xuống đường, bạo động, làm áp lực để đòi cái nọ cái kia, họ sẵn sàng...

Điểm sau cùng tôi muốn nói là có một sự khác biệt căn-bản về động-cơ, hành động của người bị gọi là cấp tiến và người gọi người khác là cấp tiến.

Cấp tiến, chủ yếu là một thái độ trí thức. Chẳng hạn tôi biết nhiều và tận gốc những chuyện nội bộ Công giáo, tôi lại biết suy nghĩ, phân tách và muốn cho Đạo tiến bộ, do đó phản-ứng của tôi là nói lên, viết ra những bản tường-trình gửi hàng Giáo-phẩm hoặc bài báo, sách vở với một thái-độ phê phán dựa vào phân tách lý luận. Tuyệt nhiên không phải vì bất mãn mà phê phán, vì tôi chẳng bị áp bức, gò bó gì trong những tổ chức Giáo-hội (về tinh thần cũng như về vật chất). Do đó, nói, trình cho hàng Giáo phẩm,

nghe thì hay không nghe thì thôi, hoặc viết lách phê-phán mãi lúc nào chán nản thì thôi.

Nhưng chính những người tố cáo chúng tôi là cấp tiến mới thực sự là quá khích, vì có vấn-đề quyền lợi chi phối những phản-ứng của họ.

Chẳng hạn cái gì hợp với quyền lợi của họ, thì đó là tôn-giáo không phải chính trị, và khi họ tranh đấu, là tranh đấu cho tôn-giáo, không phải cho chính-trị.

Như trong vụ tranh chấp xảy ra trong Liên-đoàn Sinh-viên Công-giáo vừa qua, nhóm sinh-viên của Linh-mục Tiến lớn tiếng hô Công-giáo tiến-hành không làm chính-trị và tố cáo người khác lợi-dụng Công-giáo tiến-hành để làm chính-trị. Nhưng trong buổi lễ ra mắt, họ tuyên bố ủng hộ cuộc hành-quân sang Lào, mời nhiều nhân vật thân chính-quyền tham dự, được TiVi nhà nước truyền hình trịnh-trọng. Đối với họ, như thế không phải là chính trị vì chỉ chống chính quyền mới là làm chính trị, lợi dụng chính trị. Nhưng đối với một chính quyền mà họ không thân như hồi 1963-64, thì chống chính quyền lại không phải là làm chính trị, lợi dụng chính trị, mà là tranh đấu cho tôn giáo mà thôi. Cũng như khi mấy người đó đòi phân biệt Tôn giáo và Chính trị (hay Chính trị và Học đường) họ chỉ đòi phân biệt khi không còn ưu thế chính trị để lợi dụng được sự lẫn lộn Tôn giáo và Chính trị, vì ưu thế chính trị đã sang tay một tôn giáo khác mà họ không ưa. Còn khi đang có ưu thế chính trị, đâu họ có đòi phân biệt.

Những người này, một ngày kia khi quyền lợi của họ bị va chạm, cũng sẽ không ngần ngại dùng những ngôn-ngữ hạ-cấp để bôi nhọ, đả kích hàng Giáo phẩm như hiện nay họ dùng với chúng tôi, kể cả với các linh mục.

Về điểm này, tôi kể một trường hợp tôi biết rõ là vụ Hội đồng Giám mục quyết định trao lại các Chủng viện cho các cha Thừa-sai cai quản hồi 1960. Hiện tôi còn giữ nhiều thư ngỏ, bài điều-trần, gửi cho vị Khâm sứ, các Giám mục, giáo-dân bằng tiếng Pháp, Việt, do các tu-sĩ viết. Tôi không ngạc nhiên trước ngôn ngữ xúc phạm đến mức độ văng tục, chửi bới vị Khâm-sứ, và một Giám-mục V.N. bị coi là thủ-phạm trong một số tài liệu trên. Tôi đã tham dự tích cực vào vụ chống đối quyết định trên, nhưng chỉ với thái độ phân tích, nhận định, khuyến cáo. Còn những người mất nhà, mất chỗ dạy học, chỗ học... dĩ nhiên đã phản-ứng một cách thật quyết-liệt, quá khích kể cả bạo động nếu cần đối với hàng Giáo phẩm và giáo sĩ ngoại quốc mà họ oán ghét.

BÁCH KHOA : *Cám ơn anh đã nói chuyện khá đầy đủ về « trí thức khuynh tả » và « công giáo cấp tiến ». Bây giờ xin anh cho biết một việc khác nữa. Từ trước đến nay anh viết nhiều nhưng chưa từng chính thức đứng trong phong trào tranh đ u nào, ngày nay tại sao anh nhận làm Chủ tịch trong Ủy ban vận động cải thiện chế đạo lao tù ?*

NGUYEN VĂN TRUNG : Chắc anh còn nhớ mùa hè năm ngoái một số sinh viên nam nữ bị bắt bớ tra tấn đến thương tật và sau đó chính quyền trả tự do cho họ, có hứa là sẽ trừng phạt những

người tra tấn và cải thiện chế độ giam giữ can nhân. Nhưng từ bấy đến nay chính quyền cũng chẳng làm gì để trừng phạt và cải thiện cả. Do đó mà sinh viên họ tiếp tục tranh đấu và muốn cho có hiệu quả hơn, họ mở rộng Ủy ban tranh đấu mời các nhân sĩ, các luật gia, tu-sĩ các tôn giáo tham gia... Tôi không thể không đáp lại lời kêu gọi tham gia khi tôi được gặp các sinh viên đã bị thương tật vì tra tấn, bị giam trong chuồng cọp Côn Sơn là học trò cũ trở về, được nghe những chuyện do chính các nạn nhân đó thuật lại. Sau đó Ủy ban vận động gồm gần 100 người bầu tôi làm Chủ tịch Chủ tịch đoàn.

Tôi nhận tham gia tổ chức này trước hết vì lý do nhân đạo. Sau nữa, từ trước tới nay tôi chỉ lấy sự viết sách, viết báo để bày tỏ lập trường, thái độ của mình. Tôi quan niệm như vậy là dấn thân, nhưng nhiều anh em sinh viên vẫn mong muốn tôi tích cực hơn nữa ; cho nên việc tôi nhận làm Chủ tịch Ủy ban vận động cải thiện chế độ lao tù là một hành động dấn thân sâu hơn.

Tuy nhiên thực ra, nếu tôi đóng góp gì được vào tổ chức này thì điều đáng kể có lẽ vẫn là những nỗ lực suy nghĩ phân tách, viết lách mà thôi và đó là khả năng chuyên môn của tôi.

BÁCH KHOA : *Anh nghĩ sao về « Vụ án Đối Diện » đã làm sôi nổi dư luận báo chí trong mấy tuần nay ?*

NGUYEN VĂN TRUNG : Về vụ tòa án phạt tiền và phạt tù linh mục Chân Tín chủ nhiệm tờ Đối Diện tôi đã viết một bài trong mục « Quan điểm chính trị » trên Nhật báo Tin Sáng cuối tháng 2 vừa qua. Một chính khách đã tuyên bố là báo chí miền Nam V.N. tự do nhất thế giới. Theo tôi thì về phương diện tự do bới móc, bôi nhọ — kể cả đời tư — thì quả đúng là báo chí miền Nam V.N. tự do nhất. Nhà cầm quyền đã dung dưỡng tình trạng trên vì muốn lợi dụng thứ tự do đó để dằn mặt hạ thủ những đối lập ở ngoài chính quyền hoặc cả những người trong chính quyền với nhau nữa. Thứ tự do hỗn loạn đó, những người làm báo chân chính không muốn hưởng. Với người làm báo chân chính thì vẫn chưa có tự do báo chí hiểu như một tự do chính trị. Tự do chính trị trong tự do báo chí là tự do được thông tin và bày tỏ một lập trường chính trị khác với lập trường chính thức của nhà nước về những vấn đề căn bản. Cho đến nay, quan điểm của nhà nước về những vấn đề căn bản đó vẫn là những cấm kỵ : không được nói tới hoặc nói tới, phải nói theo quan điểm của nhà nước, chẳng hạn vấn đề liên hiệp, trung lập.

Đó là tính cách chuyên chính của chế độ. Chính vì sự chuyên chính trên mà báo chí bắt buộc dồn hầu hết bài vở vào những mục tiêu không phải thông tin, từ những mục tiêu giải trí tạm chấp nhận được như đăng tiểu thuyết, truyện kiếm hiệp, hoặc khai thác những truyện kỳ thú (như vụ Martine Bokassa) đến những mục tiêu không thể chấp nhận được như khai thác những truyện mê tín, dị đoan, khiêu dâm hoặc đả kích, làm săng-ta chính trị, thương mại... Do đó, có thể nói, miền Nam V.N. chưa có một nền báo chí đích thực vì báo chí chưa được tự do chính trị thực sự.

BÁCH KHOA

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỐI

Giám đốc sáng lập : NHẤT-HẠNH

Lô O số 121 Chung-cư Minh-Mạng

Saigon 10

SÁCH IN NĂM 1970

— *Phong Trào Duy Tân*	Nguyễn-văn-Xuân
— *Xứ Trầm-Hương*	Quách-Tấn
— *Heidegger trước sự phá sản của Tư-Tưởng Tây-Phương*	Lê-Tôn-Nghiêm
— *Lúa Sạ Miền Nam* (thơ)	Kiên-Giang
— *Cầm Ca Việt-Nam*	Toan-Ánh
— *Hải Đảo Thần Tiên*	Đặng-Trần-Huân (*dịch*)
— *Đạo Phật Ngày Nay Mai* (còn rất ít)	Nhất-Hạnh
— *Sử ký của Tư-Mã-Thiên* (còn rất ít)	Giản-Chi và Nguyễn-Hiến-Lê
— *Nhánh Rong Phiêu Bạt*	Võ-Hồng
— *Chứng Đạo Ca của Huyền Giác*	Trúc-Thiên (*giới thiệu*)

SÁCH IN NĂM 1971

— *Tiếng Phèng La*	Xuân-Tùng
— *Đoạn Đường Chiến Binh*	Thế-Uyên
— *Lịch-sử Triết Học Tây Phương I*	Lê-Tôn-Nghiêm

Nhà sách «bỏ túi» (tại nhà xuất bản Lá-Bối) mở cửa vào đầu tháng 3-1971, bán sách của các nhà Xuất-Bản: An-Tiêm, Ca Dao, Cảo Thơm, Hồng-Hà, Nguyễn Hiến-Lê, Thanh-Tân, Thái-Độ, Trình Bày, Tu-Thư Vạn-Hạnh, Sáng-Tạo, Võ-Tánh, Lá Bối v.v...

Truyện của LÊ-VĂN-TRUNG

NHƯ CHIẾC THUYỀN TRÔI

Tôi quyết định không về và cũng không ở lại Qui Nhơn làm gì. Tôi sửa soạn ăn thêm một cái Tết tha hương. Thật là buồn, làm sao có thể biết rõ ràng quê hương tôi để bây giờ cứ nghĩ tôi là kẻ tha hương. Tôi không có một nơi để nhớ về, không có một khoảng thời trẻ thơ để hồi tưởng. Cha tôi lênh đênh như một chiếc thuyền trên những bến bờ vô ọng. Và tôi nằm trong chiếc thuyền đó. Ai cũng có một quá khứ, ai cũng có một thời xanh nồng tuổi trẻ đã qua. Tôi bỗng vụt lớn lên, rơi hẳn từ khoảng không mù mịt. Tôi không có khoảng thời gian tuổi trẻ, tôi chỉ thấy tôi đang già nua. Tôi đã nghe Nguyệt kể về tuổi thơ của nàng và tôi thèm.

Cái gì xuôi tôi buồn bả thế này và khiến tôi không về, dù nơi đó còn có ba và hai em tôi, dù nơi đó còn có những ngọn đồi thấp thoai thoải chập chùng mà đến mùa này bông mua nở tím cả khu mộ má tôi. Cái gì xuôi tôi không ở lại đây dù thân tình vây bọc: chị tôi, mấy đứa cháu ngoan và hồn nhiên. Nhưng tôi biết rằng dù tôi có về, ở lại hay đi thì nơi nào cũng chẳng phải là quê hương tôi. Nhiều lúc tôi nghĩ phải tạo cho mình một khung trời nào đó có dĩ vãng êm đềm của tôi, như bao người khác; có mẹ tôi đốt đèn dạy tôi những mẫu tự đầu tiên, có những tối mẹ buông màn cho tôi ngủ và trong mơ tôi thấy mẹ biến thành bà tiên đã cho tôi chiếc đũa thần để tôi gõ vào nỗi ước mơ hiền lành của tôi. Ôi, nhưng tôi không thể tưởng tượng để dối mình như vậy được, tôi sẽ rơi vào nỗi thất vọng cay chua.

Tôi sống và luôn luôn như chọn những quán trọ tạm thời, nên việc ở, về hay đi cũng chỉ là dấu mốc cho một chặng đường. Cũng như người ta đi tìm một thứ hạnh phúc. Khi đuổi bắt đối tượng người ta loay hoay chạy từ chỗ này qua chỗ khác, và khi đối tượng đó nằm trong tay thì ôi thôi! không phải là thứ hạnh phúc mà người ta muốn tìm. Cũng như người con gái mười ba tuổi dễ yêu, dễ chán, dễ quên, dễ tạo cho mình những khung trời khác, những giấc mơ khác vì tuổi còn con và đời còn dài. Tôi cũng là người muốn đổi thay và tạo ảo tưởng cho mình. Nhưng tôi dễ chán mà khó quên. Thành phố này, con đường này, khu giải trí này đã trở nên quen thuộc đến nhàm chán và tôi muốn bỏ đi, có dịp bỏ đi để hứa hẹn ngày trở lại xem như một đổi thay dù nó chẳng đổi thay chút nào.

*
* *

Và tôi đã đi. Hồng đón tôi ở trạm xe ca. Hai đứa bạn sau bốn năm trời

gặp nhau mừng rỡ. Hồng kêu một chiếc taxi. Chúng tôi ngồi băng sau nhìn nhau cười. Phố đã lên đèn, tôi đưa tay xem đồng hồ, gần tám giờ rồi. Đêm nay tôi sẽ đón giao thừa ở thành phố xa lạ này. Lòng tôi bỗng dưng nôn nao kỳ lạ Phải chăng chút đời thanh xuân còn sót lại, và chiều nay hé nở trong tôi. Không. Đó chỉ là trạng thái khấp khởi của một lần đổi thay. Trạng thái của một người vừa nhận được những sinh hoạt mới, những hình ảnh lạ đã đập vào nhãn quan và chạy luồn trong cơ thể khiến mạch máu dồn dập và trái tim nhịp sai lạc, hết vẻ bình thường. Gió hắt hơi mát của cơn mưa buổi chiều còn sót lại. Tôi ngửa người thoải mái trong lòng xe mơ màng nghĩ về chiếc thuyền của cha tôi trên mặt nước mông mênh. Đời con rồi cũng thế. Phải không. Một chiếc thuyền và một mặt nước vô bờ.

Nhà Hồng ở trong con hẽm của khu Lò gốm vùng Chợ lớn. Hồng đưa tôi lên gác. Bây giờ tôi mới có dịp nhìn kỹ lại Hồng. Cái vẻ mặt non và cái đầu tóc quăn ngày nào vẫn còn, nhưng hắn có vẻ ốm quá. Tôi hỏi ra mới biết hắn nhịn ăn cho sụt cân và được hoãn thêm một thời gian vì lý do sức khoẻ. Ôi cái thời đại chúng ta. Có những căn bịnh mà y dược văn-minh-đến-mặt-trăng rồi vẫn không sao trị được. Mấy năm rồi tôi đóng cái vai hướng dẫn tinh thần thần với đám học trò ngỗ ngáo cũng chẳng qua là tránh «cầm súng làm người yêu nước». Đó cũng là cái bịnh. Tôi mỉm cười và thầm cám ơn căn bịnh đã nuôi tôi còn sống đến hôm nay. Hay ít ra cũng còn đủ tay chân mặt mày. Mỗi người đều có một lý do để sống Nếu có một đổi thay nào bên kia cõi chết thì tôi cũng tìm một cái chết êm ái cho tâm hồn mình. Tôi không muốn mình đi về bên kia thế giới với thân thể tàn tật Tôi sẵn sàng chấp nhận cái chết nhưng là cái-chết-phải-có-của-đời-người. Không sống được nữa thì chết. Tôi không chấp nhận được cái chết khi tôi còn đủ sức để sống. Người ta thường ca ngợi «chết cho lý tưởng» thì tại sao không để tôi chết cho cái lý tưởng của tôi? Tôi mỉm cười cho ý nghĩ của mình và đứng dậy kéo Hồng xuống phố.

Hồng lấy chiếc xe máy dầu và hai đứa đèo nhau đi. Chúng tôi quyết định rong ngoài phố cho đến giờ giao thừa. Phố có vẻ thưa người hơn buổi chiều tôi vừa đến. Giờ này chắc ai cũng lo sửa soạn cúng ông bà và đón một năm mới hi vọng hơn năm qua. Tôi không đoán hiểu hết được họ hi vọng gì, nhưng tôi biết rõ ràng trong lòng mọi người là hi vọng ăn một cái Tết thanh bình, không ước mơ xa hơn, sự hòa bình vĩnh viễn trên đất nước này. Một vài chiếc taxi lướt qua, vài chiếc xích lô đạp vội vàng như muốn bắt kịp giây phút bình yên dễ tan dễ vỡ của đêm tạm ngừng tiếng súng : 24 giờ hưu chiến. Cứ an lòng mà đi. Tôi tự nhủ thầm. Long rong cho hết phố phường. Một đêm hòa bình của đất nước. Bỏ đi uổng lắm. Những dãy phố cao nghệu, đèn sáng rực muôn màu. Những con đường rậm bóng cây. Tự dưng tôi thấy những hàng thép gai quanh những

cộng sự cũng có vẻ yên lành. Đi cho hết mấy phố Saigon. Biết đâu ngày mai không còn như thế nữa. Bỗng từng tràng tiếng nổ vang lên. Tôi đánh thót sau xe. Hồng quay lại cười.

— Pháo giao thừa đó. Yên lòng đi.

Từng tràng pháo liên tiếp nổ theo sáng lòe hai bên phố. Xác pháo tung lên đỏ ối như những bông phượng cuối mùa rụng đầy sân trường. Thì ra mọi người vẫn còn yên vui. Sao tôi sớm bi quan thế! Tôi bảo Hồng chạy chầm chậm. Đêm còn dài mà. Những tiếng cười chen với tiếng pháo vang vang trên một tầng lầu cao Pháo nổ đầy khắp các ngã đường và ở đâu cũng có vẻ rộn ràng. Thì ra chúng ta còn sống trong một phút thanh bình.

⁂

Hồng đẩy xe vào nhà. Chúng tôi ngồi trên mấy cái ghế kê gần bên thang gác. Hồng lấy chai rượu ngâm thuốc bắc rót ra hai cái ly nhỏ đặt trên cái thùng kê gần nơi đó dùng làm cái bàn. Hắn nhìn tôi, cười:

— Bây giờ mình say chớ. Rượu hãc hạng đó. Để tao đi lấy dưa chua.

Hồng vừa nói vừa đi ra phía sau đem ra một bình đựng củ hành củ cải. Tôi với tay bốc một củ hành nhai nhai và ngụm một ngụm rượu.

— Rượu ngon à. Khá lắm.

Hai đứa tôi chén tạc chén thù gần nửa chai rượu. Giọng Hồng có vẻ khề khà:

— Mày không lấy vợ cho rồi mày. Có nghề có nghiệp lo vợ con đi là vừa. Tụi tao...

— Tụi mày làm sao? Vợ con cái con khỉ. Tao lo cái thân tao còn chưa kham.

Hồng ngồi ngay dậy.

— Chả lẽ tụi mình ở giá suốt đời hả mày?

— Không cả đời cũng vài chục năm nữa.

Hồng cười nhỏ trong miệng:

— Mấy năm rồi mày có về ngoài đó không?

Tôi không trả lời Hồng mà nhìn lên tấm ảnh được lồng khung kỹ lưỡng treo trên vách:

— Mày còn yêu Mai dữ thế à?

Hồng chồm dậy:

— Ai nói với mày đó?

Tôi chỉ tấm hình, Hồng nhìn theo, thở dài:

— Tao tưởng quên được. Nhưng không mày à. Có một điều là tao quyết không về ngoài đó nữa.

Tôi uống thêm một tí rượu:

— Mày về cũng thừa rồi. Mai đã có con.

Hồng bưng ly rượu nốc cạn và rót thêm. Tôi đã thấy choáng váng và không uống nữa.

Hồng hỏi tôi:

— Mày có định đi Cần Thơ không?

Thăm Nguyệt? Tôi chưa hề nghĩ từ khi còn ở Qui Nhơn sẽ vào đây đi Cần Thơ thăm Nguyệt. Còn gì nữa mà tìm kiếm nhau. Sáu bảy năm trời rồi. Tôi tưởng tình yêu đã chết hay cố giết chết đi, ít ra nơi Nguyệt,

Nàng hẳn đã quên tôi và đang sống bình yên, có thể bên người chồng có chút ít địa vị, danh giá hơn tôi. Tôi còn tìm kiếm làm gì chỉ phá vỡ hạnh phúc của nàng — nếu thực ở đời có một thứ gọi là hạnh phúc — Tôi đã vô tình gây ra đổ vỡ bây giờ tôi phải gánh chịu. Không thể chia xẻ nỗi khổ của mình cho một người mình yêu. Tôi đã vì chút lòng tự ái : một người nghèo, vô nghề nghiệp, không tương lai. Bác nàng đã nói với nàng về tôi hai như thế. Nàng thì nói mãi về một quá khứ vàng son. Tôi làm gì có được một dĩ vãng êm đềm đó. Tôi đã tự ý lách mình vào lớp vỏ khô cứng sần sùi nghèo nàn của mình. Và nàng đã hận thù tôi phản bội. « Phải thế không ? Nguyệt ? ». Tôi thầm gọi trong trí và bảo Hồng :

— Không. Tao vào đây chơi với mày rồi phải lo về dạy chứ. Vả lại. .

— Sao ?

— Thì mày đủ can đảm về ngoài đó không ?

— Tao khác.

— Ừ thì mày khác nhưng tao cũng có cái lý do của tao chứ. Mày bắt tao đi sao được.

Hồng cười méo xệch :

— Thì ai bắt mày. Cái thằng. Thôi uống đi, uống nữa đi, uống cho say.

Hồng rót và tôi nốc cạn liên tiếp mấy ly. Hồng vỗ vai tôi cười khà khà :

— Khá, khá lắm, ha ha! Tửu lượng cao đấy.

Tôi phải uống cho say để ngủ đêm này, để khỏi phải suy nghĩ gì hết. Tôi cầm phần rượu còn lại trong chai uống cạn và ngửa người ra ghế mệt nhoài.

— Uống nữa nhé, để tao lấy chai khác.

Nhưng chai rượu lấy ra để nguyên trên bàn, không đứa nào uống được nữa. Hồng ngửa cổ ra sau ghế lim dim một lát đã nghe tiếng ngáy khò khè. Tôi bò lên gác gieo mình xuống chiếc giường bố, rã rời.

Tôi mở mắt tỉnh dậy tưởng trời sáng. Bên dưới ngọn đèn vẫn sáng trưng và Hồng gục đầu ngủ trên thùng gỗ. Tôi đưa tay xem đồng hồ. Mới 5 giờ. Giờ thứ năm của một năm mới bắt đầu. Tôi lại già thêm 5 tiếng đồng hồ nữa và gần thêm cõi chết một đoạn đường. Tôi không biết tôi mong ước gì, dự tính gì. Tiếng pháo vẫn còn đì đẹt nhặt thưa xa xa. Tôi trở dậy xuống ngồi trên chiếc ghế cũ. Bình dưa chua vẫn còn mở nắp và một ly rượu uống dở. Tôi mở nút chai rót thêm đầy ly. Chất rượu làm mát cổ họng đang khô và lòng tôi tỉnh lại. Đời con rồi cũng thế. Phải không. Một chiếc thuyền trên mặt nước vô vọng. Tôi lục lọi trong ký ức còn tiềm tàng chăng những hình ảnh tôi đã quên vùi. Một vòm trời xanh. Một phiến mây hồng. Một chiều trên đồng cỏ. Một tối trong gian phòng ấm cúng. Một khuôn mặt dịu hiền cúi xuống. Không. Tuyệt nhiên không có gì cả. Tôi chỉ thấy mơ hồ một khoảng mờ mịt. Tôi đã bị cắt đứt mất dĩ vãng. Tôi bị xô bồ vào hiện tại và phải đối kháng với từng nỗi không may. « Rồi con cũng chỉ là một chiếc thuyền lênh đênh

trên những bến bờ vô vọng. Hiện tại cũng chỉ là cái bến trong muôn ngàn cái bến của một trường giang bất tận. Tình yêu có níu giữ chúng ta được không? Hỡi Nguyệt. Sáu bảy năm rồi nó vẫn không chết dù tôi cố giết. Tôi đào huyệt chôn lấp, nó vẫn bùng dậy. Nhưng sao nó đày đọa thế này? Hay tình yêu cũng chỉ là cái bến ảo tưởng ta ghé đến trong ngàn nỗi đắng cay.

Tôi bỗng nghĩ sáng mai tôi phải xuống Cần Thơ. Anh phải tìm gặp em, Nguyệt ạ. Bảy tám năm trời rồi, không thể kéo dài thêm được nữa. Những giọt nước cuối cùng trên phi trường Đà Nẵng của Nguyệt năm nào bây giờ lại nhỏ vào tôi niềm xao xuyến khôn cùng, nhỏ vào tôi từng giọt đắng cay mà giờ đây tôi thấy quí giá, trong và đẹp. Như những giọt sương. Tôi phải gặp em, ít ra cũng cho em hiểu rằng buổi chiều trên phi trường năm xưa là giờ sinh nhật vĩnh cửu của tình yêu chúng ta. Em đâu nhìn thấy được buổi chiều đó, phải không? Em đã ra đi với chút ít giận hờn dù lòng thắt lại. Em đã ngộ nhận. Anh đã im lặng. Và như thế kéo dài mãi cho đến ngày nay. Tôi hận tôi sao không nén một chút tự ái, gạt một ít ương ngạnh, ngày nào.

*
* *

Tôi quyết định ngày mùng ba đi Cần Thơ và không cho Hồng hay biết. Sáng sớm hôm đó tôi đi và để lại cho Hồng mấy chữ. Tôi định tìm cho Nguyệt một món quà nhưng không biết mua thứ gì. Cuối cùng tôi nghĩ đến cái vòng cẩm thạch đã cẩn thận mang theo từ khi còn ở Đà nẵng. Thứ vòng bằng đá vân được làm ở Non Nước. Tôi đã giữ nó như một kỷ vật. Tôi đã mua từ lâu, hồi còn học nhất cấp trong một chuyến đi chơi với bạn bè, tôi định gởi tặng Nguyệt nhưng không biết vì sao tôi còn giữ đến bây giờ.

*
* *

Tôi ra khỏi quán, tìm một chiếc xích lô, nhưng không có, chỉ toàn loại xe lôi giống như loại xe chạy ở Bồng Sơn. Tôi ngồi trên xe và về ngã nhà Nguyệt. Tôi dừng trước căn nhà xa lạ và bỗng dưng tôi muốn bỏ quay đi. Nhưng một người con gái đã tiến ra tận cửa nhìn tôi tò mò:

— Xin lỗi ông hỏi ai?

Tôi hỏi Nguyệt và cô gái trả lời tôi biết là Nhụy, em Nguyệt.

— Chị Nguyệt không còn ở đây, mời ông vào nhà.

Tôi định cám ơn quay đi, nhưng Nhụy đã quay vào trong.

— Má, ông này hỏi thăm chị Nguyệt.

Tôi tần ngần bước vào nhà cúi chào người đàn bà, bà mời tôi ngồi ghế và bảo Nhụy:

— Pha trà uống con.

Trong lúc Nhụy đi pha trà, tôi giới thiệu tôi là bạn Nguyệt ở Saigon xuống nhân tiện ghé thăm. Bà hỏi tôi phải người Trung không, làm tôi giật mình. Có lẽ nào bà lại biết tôi. Bà tiếp:

— Nguyệt đã ở riêng rồi. Nó mới dẫn con nó đi coi hát bóng về có ghé đây. Mẹ con nó vừa ra khỏi đó.

Nguyệt đã có chồng. Thế là hết. Tôi thấy chẳng buồn chẳng vui. Cuộc

đời rồi mỗi người có một cảnh, phân định từ hồi nào, bởi một bàn tay vô hình nào. Chúng ta chỉ chấp nhận dù trong ngàn nỗi xót xa. Nguyệt đã yên vui. Tôi chẳng còn lý do gì để tìm kiếm nữa.

Khi Nhụy bưng nước lên tôi đứng dậy xin phép cáo từ và xin cái địa chỉ của Nguyệt, nhưng chắc là tôi không đủ can đảm đến thăm Nguyệt nữa, dù đến thăm như một người bạn thăm một người bạn.

Cầm cái địa chỉ Nguyệt trên tay tôi đi thẳng về khách sạn trong lòng thầm nhủ sáng mai phải về sớm. Giờ phút này tôi mới thấy tìm đến Nguyệt là vô lý. Thế là hết. Vĩnh viễn không bao giờ tôi tìm gặp nàng nữa.

***

Khi mở cửa phòng tôi kề tai người bồi phòng nói nhỏ. Hắn gật gật đầu và tôi dúi vào tay hắn tờ giấy năm chục. Tôi khép hờ cửa nằm chờ. Người con gái hiện ra ở khung cửa, tôi ra dấu nàng lách vào không quên khóa cửa lại. Tôi lấy diêm bật lửa đốt điếu thuốc nằm nhả khói lên trần nhà, lòng trống rỗng. Người con gái đã nằm gọn trên giường và mỉm cười với tôi. Tôi quay sang :

— Em tên gì ?

— Nguyệt.

Tôi như hốt hoảng và hỏi lại :

— Tên gì ?

— Nguyệt. Gì mà hết hồn vậy ?

Nguyệt. Tôi thầm gọi trong miệng và Nguyệt quàng tay qua vai tôi.

— Tại sao em tên Nguyệt ?

Thiếu nữ trố mắt nhìn tôi :

— Ơ hay.

Tôi bĩu môi :

— Mấy cô thì có hàng vạn tên, nhưng tại sao với tôi cô bảo là Nguyệt.

— Ờ thì em nhớ tên nào nói đại tên đó.

Tôi thấy nàng tội nghiệp :

— Anh yêu em, Nguyệt à.

Nguyệt đẩy tôi ra :

— Lãng xẹt.

Tôi lầm bầm :

— Ừ lãng xẹt nhỉ.

Nguyệt trườn lên nhìn vào mắt tôi.

— Anh chàng này thất tình hả.

— Ừ, thất tình em đó, Nguyệt.

Nguyệt choàng ngồi dậy :

— Cái gì đây anh.

Nguyệt mở cái hộp đựng chiếc vòng cẩm thạch của tôi ra.

— Chèn ơi, anh mua cho ai đây hả.

Tôi nhìn Nguyệt :

— Cho em đấy. Nguyệt à.

Nguyệt nheo mắt :

— Thôi đi cha.

Tôi cầm chiếc vòng đeo vào tay Nguyệt.

— Cho em thật mà.

Rồi kéo nàng nằm xuống.

Tiếng động dưới phố đã im. Có lẽ trời đang mưa nhe Tôi với tay tắt đèn và Nguyệt trườn lên ôm quấn lấy tôi như một con mèo. Tôi trôi trên vùng lặng câm. Đời con ngàn đời vẫn thế Như chiếc thuyền trôi. Như chiếc thuyền trôi...

LÊ VĂN TRUNG

Truyện 2 kỳ

● PHAN-DU

Trên tàu « Helgoland »

(tiếp theo BK số 340)

Khi mới đến phục-vụ ở xứ này, thú thực với chị là tôi thường tiếp nhận một cách rất dè dặt những lời ca-tụng, ngợi khen, những biểu-lộ thán-phục về công cuộc nhân-đạo của chúng ta, trong các buổi tiếp tân, hội hè, lễ-lạc qua các diễn-văn, diễn từ, thư tín. Tôi đã quá quen với lối tán thưởng có tính cách công-thức, xã-giao và chỉ tiếp nhận một cách chiếu lệ. Nhưng với bác-sĩ Huyền, tôi đã xúc-động nhiều, tôi đã cảm-kích thực sự. Qua con người và tình ý, qua phong-độ và lối xử sự của ông, theo với thời-gian tôi càng nhận rõ được cái dân-tộc này nặng về ơn nghĩa đến như thế nào và có những đức tính đáng yêu, đáng mến biết bao.

Nhưng đây phải là một khám-phá, chứ không thể là những gì khả-dĩ nhận chân được bằng cái nhìn hời-hợt của khách qua đường, bằng cái nhãn-quan méo mó vì óc trịch-thượng, vì thành-kiến và thiếu vô-tư của hạng người thường tự-hào một cách khờ-khạo về cái tư-thế gọi là văn-minh tiền-tiến. Rất may cho chúng tôi là đã gặp được những người bạn Việt-nam thành-thực như bác-sĩ Huyền. Họ đến với chúng tôi như những người bạn cùng đồng chí-hướng, lý-tưởng theo cái lẽ thanh-khí tương-ứng, tương-cầu, chứ không vì mục-đích chính-trị. Họ tin chắc chúng tôi là những ích hữu đáng tin cậy, đáng mở cửa lòng, nên với một tinh-thần cởi mở, thẳng-thắn, không chút quanh co, họ đưa chúng tôi đi sâu vào cõi tâm-tình, thâm nhập vào cái tình-tự của Dân-tộc họ.

Bác-sĩ Huyền là trong những người bạn đáng mến này. Nhưng riêng ở ông, cái đ ềm đặc-biệt mà tôi muốn nói, là chính cái mối thâm-giao nó khích-lệ sự cởi mở tâm tình, đã giúp tôi đi sâu vào tấn thảm-kịch nội-tâm, mà có thể những người Việt-nam trầm-lặng; từng thể-nghiệm chín-chắn và thấm-thía về cái phi-lý của những cuộc tranh-chấp bạo-lực đã gây nên bao cảnh nghiêng-ngửa, điêu-linh cho dân-tộc, và cùng ở lớp tuổi cũng như tư-thế của ông, đang phải âm-thầm ủ-ấp bên trong.

Con người hoạt-bát, bặt thiệp, vui tính, có một cặp mắt trong sáng hay cười-cợt, một gương mặt hiền-hòa, tươi mát, lúc nào cũng đượm vẻ an-dật, thích thảng, và thường gợi cho ta, những khi ở gần, cái cảm-giác dễ chịu như được ngắm nhìn mặt hồ phẳng lặng dưới bóng trăng thu, con người ấy mang cả một nội-tâm rối-bời, một cõi lòng chất chứa dập-dồn những ưu-tư, khắc-khoải bắt nguồn từ cái thảm-kịch lớn-lao của xứ sở.

Lubbe, anh y-tá hiếu-động, có cái vẻ bề ngoài rất hời-hợt, hầu như chẳng thích quan-tâm đến những gì khác hơn là nhiệm-vụ hàng ngày và cái thú chơi cờ, lại tỏ ra là người có óc nhận-xét rất tinh-tế. Một hôm, nhân lúc rảnh-rỗi, tôi cho chạy lại băng cổ-nhạc Việt-nam. Lubbe lóng nghe rồi hỏi :

— Của bác-sĩ Huyền gởi tặng ?

— Đúng đó. Anh có thích nghe loại nhạc này không ?

— Cũng hay hay, nhưng não-nuột quá. Quả là tiếng lòng của ông bác-sĩ.

Tôi ngạc-nhiên, nhìn Lubbe, giả hỏi :

— Sao anh lại nói vậy ? Ông ấy vui tính lắm mà. Có gì tỏ ra là con ugười đa sầu đâu.

— Phải, cứ nhìn bề ngoài thì đúng như vậy. Nhưng tôi biết.

— Anh biết cái gì, nói nghe.

Lubbe ngậm chặt tẩu thuốc lá, đương mắt nhìn tôi một lúc, rồi rút tẩu ra, gật gù :

— Tôi cảm thấy... hầu như sự hợp-tác thiết-tha, sốt sắng của ông với tổ-chức Hồng-thập-tự, những hoạt-động tích-cực, hăng say của ông là để xoa dịu. khuây-khỏa một cái gì... để quên lãng một cái gì... tôi muốn nói...

Như tìm không ra cách thế diễn đạt, Lubbe cúi đầu xuống, lấy tay vò vày mái tóc nâu mềm, theo cái thói quen cố-hữu của anh :

— Nữ bác-sĩ có để ý những lúc ông ta nói về tình-hình chiến cuộc. về tình-trạng nheo-nhóc, khốn đốn của đồng bào ông ta ở những vùng kém an-ninh, về sức tàn phá không ngừng của chiến tranh, à, những lúc đó, ông ta có những ánh mắt khác thường, kỳ lạ.

Tôi nhìn sửng Lubbe và không dấu nổi vẻ kinh-ngạc. Tôi tự hỏi là từ lâu tôi xem thường hắn, tôi coi hắn là hạng kém thông-minh, tế-nhị, nông cạn và hời-hợt. Lubbe nói tiếp :

— Có một hôm, tại phòng khách này, trong lúc ngồi chờ bác-sĩ Strauss, ông ta xem một tờ báo Mỹ. báo gì thì tôi quên mất. à, có thể là *Washington Post* hay *Times* gì đó. Tôi để ý, thấy tay ông ta run run, sắc mặt đỏ dần rồi tái hẳn lại, cái vầng trán cao rộng, phẳng-phiu ấy hằn lên nhiều nét nhăn đau đớn, rồi bỗng dưng, ông vất báo xuống mặt bàn, rời phòng khách, đi vội lên phía cửa thang tàu, như để được hít thở thoáng khí sau một cơn ngột-ngạt. Tôi nhìn vào tờ báo, đúng ở cái trang đầu ông vừa đọc. Và tôi hiểu ra ngay. Một bài đăng tải những lời tuyên-bố của một vài nghị-sĩ Hoa-kỳ về vấn-đề Việt-nam với cái giọng rất là... trịch-thượng. Rõ là ngôn-ngữ của bọn phú-hào ỷ-thị đồng-tiền.

Tôi mỉm cười, nhưng lại đưa tay phác vội một cử-chỉ khuyến-cáo :

— Lubbe à, anh nên dè-dặt về lối phát-ngôn. Ở cương-vị chúng ta cần phải tế-nhị, không nên đi quá sâu vào những vấn-đề như thế.

— Vâng, tôi hiểu. Tôi chỉ nói đây mà nghe thôi.

Những gì Lubbe vừa tiết-lộ, nhắc tôi nhớ lại những lời bác-sĩ Huyền đã nói với tôi nhân một dịp cởi mở tâm-tình :

— Cô Barbara à, đất nước của các bạn cũng bị phân-qua, nhưng lại may-mắn hơn xứ sở của chúng tôi nhiều. Bức tường ô-nhục chưa đến nỗi là một chướng-ngại khó thể san bằng và vượt qua như dòng sông Bến-hải. Bên xứ các bạn chỉ có một ngọn « *núi Hoang Tàn* » và một « *con đường Quỷ* », còn ở đây, với cuộc chiến-tranh dai-dẳng, ác-liệt này sẽ có không biết bao nhiêu là *con đường Quỷ* đưa tới bao nhiêu ngọn *núi Hoang-tàn*. Cái may của xứ sở các bạn là tuy có phân qua mà không có xâu-xé, có tranh-chấp mà chẳng có cảnh huynh-đệ tương-tàn...

Mái tóc hoa râm như trắng thêm ra và cái giọng trầm buồn vụt chuyển thành gay-gắt, hằn-học :

— Ở trên đất nước này, thay vì một cuộc tranh-đua biểu-dương chính-nghĩa bằng những nỗ-lực cải-thiện dân-sinh, phát-huy ưu-điểm của chế-độ đôi bên, cái gì đã xảy ra ? Một cuộc tranh-chấp cuồng loạn bằng bạo lực. Mà bạo-lực thì có bao giờ rồi. Thành-quả của bạo-lực chỉ là máu đổ ra để chất chồng thêm nợ máu.

Hoa một cánh tay vào khoảng không như để xua đuổi những mảnh bóng đen ám-ảnh tâm-tư, bác-sĩ nhìn tôi với cái dáng thanh-minh, phân-trần :

— Chúng tôi bị đẩy vào một cuộc chiến-tranh mà chúng tôi ghê tởm. Người chiến-sĩ của xứ tôi mang một tâm-trạng rất thê-thảm, não-nùng. Lùi bước là đào-ngũ, là cả một sự hèn nhát mà cái truyền-thống anh-dũng, bất-khuất của dân-tộc và cái thế phải tự-vệ của cộng-đồng không bao giờ cho phép họ được coi là con đàng đáng chọn, dù chỉ là những ý nghĩ thoáng qua trong óc. Nhưng tiến lên, là tiến lên với tất cả đau xót, băn-khoăn vì những chiến thắng không chút vinh-quang. Bởi lẽ địch-thủ có phải ai đâu xa lạ... Bởi lẽ, mỗi khi nhìn vào mặt địch-thủ vừa gục xuống trên trận-địa, người ta thấy cần phải ôm thây mà khóc bằng những giọt lệ cốt-nhục hơn là vui reo thắng lợi như khi hạ-sát được những tên ngoại-địch xâm-lăng.

Sắc-diện của ông lúc này có gì khiến tôi phải chú ý và cảm thấy xót-xa. Trên vầng trán cao rộng, mồ-hôi rớm toát và, cũng đúng như Lubbe vừa nói, cặp mắt hay cười cợt đột nhiên lóe ra những tia sáng khác thường, kỳ dị, như một thứ lửa bốc lên từ mối hận chất-chứa đáy lòng.

— Rồi lợi-dụng cái thế cần tự-vệ, phải tự-vệ ấy người ta lại muốn bắt chẹt chúng tôi, người ta nghĩ là có quyền... eo sách...

Tôi hiểu rõ những chuyện đó và tôi phải chịu là Lubbe khá tinh-ý, nhưng không muốn đi xa hơn, tôi nói lãng sang chuyện khác :

— Chỉ còn hai hôm nữa đã đến ngày đám cưới của Ngọc-Dung rồi. Chiều hôm qua, khi đến báo tin hoa Quỳnh nở, ông bác-sĩ còn ân-cần

khẩn-khoản chúng ta đến dự tiệc vui.

— Ngọc-Dung là cháu của bác-sĩ ?

— Cháu mà cũng như con. Ngọc-Dung mồ-côi cha mẹ từ thuở bé. Ông bác-sĩ thương yêu nuông chiều như con đẻ. Anh thấy Ngọc-Dung thế nào ?

— Ồ, tuyệt. Thông-minh, xinh-đẹp, duyên-dáng, và đáng mến nhất là cái vẻ hiền dịu, thùy mị của nàng. Một Bạch-tuyết. Nữ bác-sĩ có chú ý không ? Mỗi lúc nàng vào thăm các phòng bệnh thì y như bệnh-nhân ai nấy đều vui và khỏe hẳn ra. Chàng rể nào đấy quả thực là có điễm-phúc.

— Một họa-sĩ trẻ tuổi mà đã nổi danh. Rất phong-nhã. Xứng đôi lắm, Lubbe à. Mối tình giữa họ cũng đẹp như của cặp Roméo và Juliette, và may-mắn hơn là không vướng thù hận gia-đình. Tôi tin là đôi lứa sẽ hưởng tròn hạnh-phúc.

Bác-sĩ Glabre, nãy giờ ngồi im lặng lóng nghe câu chuyện giữa tôi và Lubbe, bỗng gật đầu nhìn tôi :

— Đó là chuyện đáng cầu mong cho cô bạn nhỏ của Barbara. Một thiếu-nữ đức-hạnh, hiền-thục và giàu cảm-xúc như nàng, sống giữa cái hội sống quá ư tàn-nhẫn, dập dồn thảm-họa của xứ sở này, cứ gợi cho tôi cái cảm-tưởng đau xót như phải nhìn một bóng thiên-thần lạc bước vào lòng hỏa-ngục. Sức nào mà những linh-hồn mỏng-manh như vậy chịu đựng nổi, nếu những thử-thách của nghịch-cảnh lại xảy đến trực-tiếp cho nàng.

Tôi cũng nghĩ như vậy. Chính tôi tôi từ lâu cũng thường băn-khoăn, ái-ngại như vậy mỗi lúc nghĩ đến Ngọc-Dung. Tấm linh-hồn bé-bỏng này là một cái gì mỏng-manh quá, yếu-ớt quá, dễ tan, dễ vỡ quá trước cái thế đe dọa không ngừng của cơn gió bụi lan rộng mịt-mờ trên đất nước với bao nhiêu thảm-kịch máu lệ.

Nhưng rồi, chị Marguerite à, chúng tôi đã lầm. Với cái nhãn-quan của con người Tây-phương chúng ta thực khó mà dò đoán nổi những gì tiềm ẩn bên trong và bên dưới những biểu-diện có vẻ như là nhu-nhẫn của người Đông-phương.

***

Tàu bệnh-viện vừa cập bến, tôi đã được thông-báo ngay về vụ pháo-kích xảy ra trong đêm. Có trên mười mấy quả hỏa-tiễn 122 ly được phóng vào thị-xã. Tại nhiều khu-vực, một số nhà cửa thường-dân bị cháy hoặc đổ nát. Trên mười người thiệt mạng và có tới ba chục người bị trọng thương.

Tôi càng kinh-hoàng hơn, khi được biết bác-sĩ Huyền cũng ở trong số nạn-nhân bị thương tích và ngôi biệt thự của ông ta bị sập gần một nửa. Tiếp đó, tôi nghe điếng lặng cả người khi có tin cho biết người chồng chưa cưới của Ngọc-Dung cũng bị trọng thương, thương-tích có thể hiểm nghèo cho tính-mệnh.

Tôi tìm ngay bác-sĩ Glabre, kể qua sự tình rồi rời tàu, xuống bến, lấy xe, tôi cho phóng nhanh về hướng biệt-thự bác-sĩ.

Tuy cầm vững tay lái, mắt chăm-

chú về phía trước để tránh những bất-trắc có thể xảy ra tai nạn, nhưng tâm-trí tôi thì lại rối bời cả lên, và tôi cảm nghe tim tôi quặn thắt, đau như cắt, khứa, trước những gì đang hiện ra xô-bồ trong trí-tưởng. Cả một cảnh-tượng não-lòng mà tôi sắp phải chứng-kiến. Một ông bạn già khả-kính, xứng bực cha, bực chú, đang lâm vào cảnh nhà tan, cửa nát, bị thương tích vào cái tuổi cao-niên, suy yếu. Một người bạn gái chí-thân vừa tiến tới ngưỡng cửa Hạnh-phúc, đã gặp phải một biến cố làm tan nát cả tấm mộng yêu đương dệt toàn hoa gấm, xóa nhòa tất cả những viễn tượng của một tương lai tươi sáng, huy hoàng. Còn có gì ngang trái đáng đau xót và tức tối hơn. Dù có giàu óc tưởng tượng đến đâu tôi vẫn thấy khó mà hình dung cho đúng mức vẻ đau thương, tan tác của những gương mặt thân yêu ấy. Và cũng khó mà ước lượng cho đúng mức nỗi thống khổ, tuyệt vọng đang hành hạ, dằn vật hai linh hồn vừa quỵ xuống vì sức quật ngã tàn nhẫn của tai họa bất kỳ. Hỡi ôi, tôi có đủ can đảm hay không để có thể nhìn thẳng vào cái cảnh trạng đoạn trường này, để có thể chứng kiến một tan nát, đổ vỡ thảm khốc, mà vẫn giữ được cho tâm hồn không bủn rủn, cho tim không ngất xỉu được chăng ? Tôi không vững tin ở tôi chút nào, và trong lúc càng nhấn mạnh chân ga thì lòng tôi lại thầm mong cho con đường dài thêm ra, thêm mãi.

Nhưng rồi bốn bánh xe cướp gió vẫn cuốn nhanh, cuốn vội những quãng đường tôi phải vượt qua. Biệt thự bác sĩ Huyền đây rồi ! Giữa khu vườn sầm uất, một cảnh hoang tàn, đổ nát đập mạnh vào mắt tôi. Một nửa ngôi nhà đổ sộ, chỉ còn lại những mảng tường so le, loang lổ, những trụ cột xiêu vẹo, chơ vơ, những đống vôi và gạch, ngói nát vụn lẫn lộn với những lớp kính vỡ, gỗ, sắt nám cháy, cong queo, ngổn ngang, lổng chổng, và, trong sân, xen lẫn giữa đám cây cối gãy đổ, lăn lóc vô số những đôn sứ, chậu hoa sứt mẻ, tan vỡ. Cạnh đấy, một chiếc Simca màu lục nhạt méo mó, bẹp rúm, nằm trùn mình như một con vật bị tử thương. Xa hơn đôi chút, xác chết của một con chó Berger, nằm giữa vũng máu đã khô đọng, chưa được đem chôn.

Một thanh niên — người nhà —, từ trong đám đông đang vây quanh cảnh đổ nát, bước ra tiến lại phía tôi, chào hỏi.

— Tôi đến thăm bác sĩ Huyền.

— Thưa nữ bác sĩ, ông nhà đi vắng.

Tôi tỏ vẻ ngơ ngác :

— Đi vắng ? Tôi được tin bác sĩ bị thương kia mà.

Nét mặt rầu rầu, thanh niên nhìn tôi, gật đầu :

— Thưa đúng như vậy. Bác sĩ bị thương vào lúc ba giờ khuya vì trúng mảnh hỏa tiễn. Khá nặng là ở cánh tay. Và một ngón tay bị đứt tiện

— Vậy bây giờ bác sĩ còn ở bệnh viện ?

— Thưa không. Được đưa vào bệnh viện ngay sau khi tai nạn xảy ra, nhưng sớm nay bác sĩ lại tiếp tục các hoạt động cứu trợ đúng như chương trình đã ấn định. Có thể chiều nay mới về.

Tôi khẽ kêu lên :

— Trời ơi, tại sao bác sĩ lại nôn nóng như vậy. Ở cái tuổi của bác sĩ, lại vừa...

Thanh niên mỉm cười :

— Tính bác sĩ xưa nay vẫn thế. Trừ phi liệt giường, liết chiếu, ông mới chịu ngưng hoạt động mà thôi.

Tôi ngỏ ý muốn gặp Ngọc Dung, thanh niên lễ phép hướng dẫn tôi vào nhà. Trong lúc ngồi chờ ở phòng ngoài tạm dùng làm phòng khách, tôi để ý đến những đồ vật chung quanh và nghe đau nhói cả tim. Nhiều thứ, từ lối bày biện đến màu sắc trông rất trang nhã, mỹ lệ, biểu thị những dáng nét hớn hở đón chờ một ngày vui tưng bừng. Rất nhiều tặng phẩm bọc giấy bóng hồng, giấy hoa có dính kim cương sáng loáng — có lẽ từ các nơi xa bay về — choán cả một chiếc sập gụ ở phía cuối phòng. Cả một quang cảnh sáng lạn, rực rỡ, đánh dấu sự chuẩn bị cho một cuộc hôn lễ linh đình, trọng thể, tỏa sáng với bao nhiêu màu sắc tươi vui ngay bên cạnh những dấu tích của một cuộc tàn phá dữ dằn, ác liệt, và sự tương phản tàn nhẫn này đang nói lên cái gì với tôi đây ? Một hạnh phúc đổ vỡ ? Một ngang trái về tình duyên ? Một trang tình sử đẫm lệ ?

Tôi đang rối bời với những cảm nghĩ buồn thương thì bỗng nghe cái giọng thanh ngọt, êm ái của Ngọc-Dung cất lên :

— Chị Barbara ! Chị đến thăm đúng vào lúc em đang mong chờ.

Từ khung cửa ăn thông vào phòng trong, Ngọc Dung chạy lại bên tôi, ngồi xuống ghế, nắm nhẹ cánh tay tôi rồi nhìn thẳng vào mặt với cặp mắt nhung mệt mỏi. Trông người nàng có vẻ dã-dượi, sắc mặt kém tươi đượm vẻ nghiêm buồn, mái tóc lệch có chiều rối loạn, nhưng trái với điều tôi dự-tưởng, trạng-thái biểu-hiện của nàng lúc này thực chẳng có gì đáng cho tôi phải ái-ngại, lo âu. Thay vì một Ngọc-Dung ủ-dột, rũ-rượi, gẫy gập như hoa sau cơn giông-tố, tôi được đối-diện với một Ngọc-Dung bình-tỉnh, chững-chàng. Nhìn kỹ gương mặt, đôi mắt, lóng nghe giọng nói, và qua thần-sắc nhìn chung, tôi đâm ra ngỡ-ngàng, vì hầu như biến-cố kinh-hoàng trong đêm qua, không gây được một tác-động chẳng lành nào đáng kể trên cái tâm-hồn mà tôi cứ nghĩ là yếu đuối, mảnh-mai, khó thể chịu đựng được những cơn sóng gió bất kỳ. Tôi ấp bàn tay nhỏ-nhắn, thanh quí của Ngọc-Dung trong hai bàn tay tôi :

— Tàu vừa cập bến, nghe được tin dữ chị liền tìm đến đây ngay.

Ngọc-Dung thở dài :

— Tai họa xảy đến đột ngột.. không biết sao mà nói. Thực là kinh-khủng. Nhưng rồi, nhờ ơn Trời, Phật, chúng em được thoát chết và quả thực là phép lạ, chị à.

Kể lại một cách tỉ-mỉ về những chi-tiết của tai họa xảy ra. Ngọc-Dung rùn cổ, rùng mình :

— Khiếp quá, em nghe như đã chết đi vừa được sống lại. Nếu không nhờ ơn trên che chở thì hôm nay làm sao còn được ngồi đây mà trò chuyện với chị. Chú em tuy trúng phải mảnh hỏa-tiễn, nhưng rồi cũng thoát được vòng tay Tử-thần. Phước nhà còn lớn, chị ơi.

— Thế còn...?

Hiểu ngay ý nghĩa câu hỏi của tôi, Ngọc-Dung chớp nhanh cặp mắt, đưa tay vuốt lại mái tóc, thỏ-thẻ :

— Anh Tùng của em ? Anh ấy bị trọng thương ngay tại nhà ở đường Hoàng-Diệu. Nhưng em cũng hết sức cảm tạ Trời, Phật vì anh ấy cũng thoátc hết. Em đã đến bệnh-viện. Bác-sĩ cho biết là không hại gì đến tính mệnh. Chỉ phải cưa một ống chân mà thôi.

«*Chỉ phải cưa một ống chân mà thôi*», Ngọc-Dung thốt ra câu này với một thái-độ thản-nhiên, bình-tĩnh và lạ hơn là cặp mắt nàng như sáng hẳn lên. Rồi hầu như đoán được những gì tôi muốn tìm hiểu nhưng không tiện hỏi dò, Ngọc-Dung nói tiếp :

— Đám cưới của em như thế là phải hoản lại... một thời-gian. Tuy đáng tiếc, nhưng trong trường-hợp này lại rất đáng mừng, vì trúng phải hỏa-tiễn mà còn sống được, dù phải trả bằng một cái giá hơi đắt, nhưng cũng là một sự may-mắn lớn cho chúng em, chị à.

Đám cưới *chỉ phải hoãn lại*. Mà chỉ hoãn lại,, có nghĩa là không có một thay đổi nào đáng tiếc cho mối hương-duyên, vì biến cố vừa qua. Có nghĩa là người bạn gái nhỏ của tôi sẵn-sàng chấp nhận cái chuyện bất-hạnh lớn-lao vừa mới xảy ra — cái bất hạnh thường làm tiêu-tan diễm-phúc của bao vị-hôn-phu lâm cảnh tật-nguyền, tàn phế — như một chuyện rất thường, một cái gì vô nghĩa. Cả một số-phận hẩm-hiu, thê-thảm như vậy lại được chấp-nhận với một tinh-thần tự-nguyện, một thái-độ bình-tĩnh, thản-nhiên như vậy thì, chị Marguerite à, chị thử nghĩ mà xem, làm sao tôi không kinh-ngạc, sửng-sốt, không cảm-phục đến cái độ đau xót, bàng-hoàng, khi tôi lại nhìn tới cái vẻ đào thơ, non dại, cái dáng thanh-tân, diễm lệ, cao-quí. yêu-kiều của một thiếu-nữ từng sinh ra, lớn lên trong cảnh vàng son, nhung lụa. Thực tôi khó mà giải-thích nổi cái «phi-thường» của sức quả-cảm, cương-nghị, của đức hy-sinh và cái thủy-chung mà tôi vừa bắt gặp ở người bạn gái thơ ngây có một tâm-hồn mẫn-cảm như Ngọc-Dung khả-ái của tôi.

Ngồi sát lại bên nàng, tôi đưa tay vuốt nhẹ mái tóc thề mướt diu, buông xõa quá vai, nổi bật trên nền áo màu mỡ gà óng-ánh, và nhìn vào mắt nàng, tôi nói :

— Ngọc-Dung à, em quả là một tâm-hồn cao-quí !

Tôi muốn nói nhiều hơn, tôi muốn nói rất nhiều về những xúc-động, cảm kích sâu sắc đang chuyền

dậy trong lòng, nhưng rồi tôi nghẹn-ngào, thinh lặng, vì tôi thấy bất lực trong cố gắng vận-dụng ngôn-từ để diễn đạt cho đúng sự thán-phục của tôi trước một cái gì quá ư cao cả.

***

Tàu bệnh-viện rời bến và đang lừ-đừ rẽ sóng lánh xa thành-phố. Trời vừa sẫm tối. Những ngọn điện chạy thành hàng dài đã bừng sáng trên ngọn Sơn-chà và xa xa, ở ven bể phía trước, hằng-hà sa số ánh đèn xuất-hiện như một rừng sao, kéo dài tợ hồ vô-tận. Cái cảnh hoa-đăng rực-rỡ này kết hợp với sức chiếu tỏa linh-lung, vằng-vặc của rất nhiều ngọn hỏa-châu vừa bừng nở ngay phía trên chóp núi Hải-vân, với tiếng gầm thét của trọng-pháo nghe rất gần gũi, với bóng trực-thăng lấp-lánh ánh đèn xanh, đỏ, tạo thành một cảnh sắc vừa hùng-tráng, ngoạn-mục, thơ-mộng, huyền-ảo lại vừa bi-thảm, não-nùng...

Những gì kích-động dữ-dội tâm-thần, tôi trong ngày, giờ đây như ắng dịu xuống giữa cái bao la, mênh-mông của trời. nước, cái mát-mẻ của gió bể mơn trớn thịt da. Nhưng cũng chính trong sự lắng dịu này, tôi lại càng nghĩ nhiều đến Ngọc-Dung, đến cái phản-ứng có vẻ khác thường của chú cháu nàng trước tai họa vừa xảy đến.

Chiều nay, ở đường Khải-định, tôi đã gặp bác-sĩ. Tôi xuống xe, ông cũng ngừng vội xe rồi tiến lại phía tôi. Nhìn cánh tay băng bó còn đeo vẻ ước ngực, và những vết băng ở ngón tay, trên mặt, trên cổ, tôi tỏ trái -ngại :

— Bác-sĩ quá hăng say với công việc. Ít ra phải nghỉ-ngơi, tĩnh-dưỡng đã chứ, vội gì...

Ông mỉm cười :

— Cảm ơn cô Barbara. Nhưng tôi có sao đâu. Những chuyện rủi-ro như thế này... có nghĩa lý gì.

Rồi với cái dáng nghĩ-ngợi, trầm buồn nhưng không kém cương-nghị, ông nhìn tôi, nói tiếp :

— Nghỉ ngơi à ? Nghỉ ngơi sao được, cô Barbara ! Chúng tôi đâu đã có quyền nghỉ ngơi trong trường-hợp chưa cần-thiết lắm, khi các bạn, từ phương xa tới phục-vụ cho đồng-bào đau khổ của chúng tôi, lại hoạt-động đêm ngày không tỏ ra mệt-mỏi.

Ông cười. Tiếng cười não-nuột làm sao. Và tôi thông-cảm tất cả sự chân-thành của lời nói, vì tôi sực nhớ đã hơn một lần, ông tâm-sự với bác-sĩ Strauss và tôi :

— Các bạn à, riêng về phần tôi, tôi muốn nâng cái sứ-mạng của chúng ta thành một cái đạo vì chính nó đã mang lại cho tôi một nguồn an-ủi lớn lao, một phương thế để tìm ra lẽ sống.

Và khi chia tay, ông lại vui-vẻ bảo tôi :

— Cô cứ yên-tâm. Những thương tích này không có nghĩa gì. Và cả những chuyện chẳng may vừa xảy đến cũng chẳng có gì đáng kể, so với những thảm họa khủng-khiếp mà dân-tộc tôi phải chịu đựng vì cuộc chiến-tranh này, từ trước đến nay. Chúng tôi đã quá quen với những thách-đố vượt sức của hoàn-cảnh. À, cô Barbara đã gặp Ngọc-Dung rồi chớ. Tôi rất sung-sướng,

vì ngay trong dịp này, nó đã tỏ ra xứng đáng là cháu của tôi.

Chính giữa cái khung-cảnh như tôi vừa mô tả ở trên, nhớ lại cuộc gặp-gỡ này, nhớ đến cái phong-độ và những lời lẽ của bác-sĩ Huyền, tôi vụt khám-phá được ý-nghĩa của cái mà tôi gọi là «phi-thường» ở cô bạn gái. Đó là một chất thép trui, một sức cường-kiện mà những con người Việt đã tiếp nhận được từ cái đại-hồn của một dân-tộc thừa sức thắng vượt không ngừng những thử thách trường kỳ của can qua, máu lửa.

— Trời ơi ! cái xứ sở này rồi nó sẽ ra sao ?

Câu hỏi này của bác-sĩ Strauss, tôi đã đã có thể giải-đáp Qua bác-sĩ Huyền và cái tình tự của ông, qua Ngọc-Dung, qua mối tình cao-thượng, chung thủy, qua cái can-đảm hiếm có của nàng, và nhất là qua những giọt lệ, những lời tâm-sự nàng đã tỏ bày với tôi, sau buổi thăm viếng bệnh-nhân trên tàu lần đầu tiên, tôi đã có một niềm tin vững chắc rằng: cái dân-tộc đang vùng vẫy một cách kiêu-hãnh, cang cường trong bể máu lửa, không những sẽ thắng vượt được nguy-cơ, vươn lên trên cả mọi cuộc tranh-chấp, mà còn vươn tới cái gì mà nhân-loại đang khát-vọng hiện nay, vươn tới Thương Yêu, Hòa-đồng, nhờ ở sự thể-nghiệm quá sâu xa, thấm-thía và quá lâu dài về những thống-khổ, điêu linh gây nên bởi cảnh tương tàn sắt máu.

PHAN DU

Thơ VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

Mười năm bóng hạc

Với giọng ngâm của nữ-sĩ Tôn-nữ Hỷ-Khương, mong rằng 18 vần sau đây tới được cố-thi-hào Ưng-Bình Thúc-Gia-thị, người mà tác giả không có duyên nhất kiến mặc dầu vẫn mến mộ thi-danh. — V.H.C.

Nghe tiếng thơ ai vượt cửa Hầu
Trời gieo biển ném những vàng châu.
Xem thơ, vàng đọng châu về đó,
Mà hỏi người... Ôi, hạc quạnh lầu !

Bóng hạc xa vời mây đỉnh Ngự
Đã nhòa gương nước bến Văn-Lâu.
Họa may trên lối về thiên cổ
Tiếng hạc tan vào tiếng hải âu
Còn mỗi hoàng hôn rơi rớt ngọc
Theo hơi sương xuống lá thuyền câu,
Khiến người mộ điệu khuây thương nhớ
Lệ thảm ngừng loang đợt sóng sầu...

Ôi, ngát mùi hương Vương-giả ấy
Ngoài vòng mưa gió, hận chi đâu !
Vẻ Tiên, lòng Phật, đời viên mãn,
Sân quế hòe không nhuốm biển dâu.
Tình Thúc. Gia như Thơ Thúc Gia
Đằm hai mái tuyết đối cao sâu ;
Hơn ai người đẹp ai danh tướng
Chẳng dám cùng Xuân hẹn bạc đầu...

Bạch-phát-thi-ông từ hạc lánh
Mười năm giá buốt mãi trăng thâu ;
Chỉ vì sông núi cơn mê loạn
Chừng cũng hơi Thơ hết nhiệm mầu.
Vòm lớn, Văn-tinh lần lượt rụng
Đìu hiu Bến-Nghé lạnh Hồ-Trâu !...

Gã say từ độ bằng tung cánh
Lăn lóc Giang-Nam rượu cạn bầu.
Trải mấy giao-thoa đời với mộng
Hứng phai ngày trắng nhạc đêm nâu.
Huế-Đô chợt ngóng về, riêng đợi
Bừng thức hồn Thơ biếc cỏ khâu...

Thiên-Mụ chùa xa chuông hãy rót
Cho tươi thắm lại cánh hoa nhầu !

Sài-đô ngày Phật
xuất-gia, năm Tân-Hợi

Ghi chú.— Tôn-nữ Hỷ-Khương là ái-nữ của Thúc-Giạ tiên sinh.

Thơ VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

Xuân chợt lòng thu

Trao về cõi Hư-nhiên, mong tới được thi-hữu Đông-Hồ mà chỉ còn 3 hôm nữa đã là ngày Đại-tường (ngày 8 tháng 2 Ta). ~.

Cách năm, ngày Tám tháng Hai xưa
Khóc bạn, lời thơ ai gió mưa...
Ải tối rừng xanh còn mộng đấy,
Đình Hương vườn Ức đã về chưa ?
Nét son Ấn-nguyệt mây mờ tỏ,
Giọng ngọc Đăng-đàn khói nhạt thưa.
Đêm vẫn Liêu-trai như ý bạn
Thì khuya nay hẳn sáng giàn dưa.

Hội Qua-đăng lại thừa ưa
Vần gieo biết mấy cho vừa hứng ngâm !

Chỉ e quan ải đen rầm
Thơ tan thành lệ ướt đầm rừng phong.

Sài-đô ngày 5 tháng 2, Tân-Hợi

Ghi chú.— Trong bài Mộng Lý-Bạch, nhà thơ Đỗ-Phủ đã có câu : Hồn lai phong lâm thanh, Hồn phản quan tái hắc. Nghĩa là : Hồn về xanh biếc rừng phong, Hồn đi quan ải mơ mòng tối đen. Úc-viên-thi-thoại và Đăng-đàn là 2 tập văn của Đông-Hồ. Đêm-vẫn-Liêu-trai là 1 bài thơ của Đ.H. Hội Qua-đăng là hội treo đèn trái dưa do Đ.H. thuật lại trong bài Chiêu-Anh-Các.

Thánh đọa

Thơ TRẦN-DZẠ-LỮ

Trên rừng mù mịt sương
Dõi mắt tìm phố cũ
Những hồn vải trên non
Cũng đau tình cố xứ

Qua đồi nắng không xanh
Nhớ thương làm tóc bạc
Vượn không thấy trên cành
Chỉ nghe tầm đạn lạc

Ngày nương nhau qua núi
Đêm thánh đọa trong hầm
Trăng bỏ ta căm căm
Giữa trời cao đất hiểm

Nhớ nhà thôi đứt ruột
Thương người tình cô thôn
Đời bắt ta xuôi ngược
Thôi cắn răng lên đường

Mây ơi xin một ngày
Chở hồn ta về xứ
Thăm mẹ già tóc bạc
Chống gậy mừng con trai.

Mây ơi xin một ngày
Chở ta về mái lá
Đứng nhìn áo người bay
Ngoài vườn thanh xuân nắng

Ta chỉ xin một ngày
Hồn thôi in dấu đạn
Biển rộng cánh tình bay
Cho đời thôi mắc cạn

(Hạ Lào tháng 2/71).

Đón đọc :

QUÊ HƯƠNG TAN RÃ

của CHINUA ACHEBE

NGUYỄN HIẾN-LÊ và HOÀI-KHANH *dịch*

Đây là bi kịch của một bộ lạc da đen chất phác bị một tụi thực dân da trắng qui quyệt lừa gạt, chà đạp, bóc lột, làm cho nòi giống chia rẽ, quê hương tan nát; bi kịch đó là bi kịch chung của các người da đen, da vàng thế kỉ trước và tuy nói là đã chấm dứt sau thế chiến vừa rồi, nhưng vẫn kéo dài dưới một hình thức mới mẻ hơn, thâm hiểm hơn.

«Xuất bản lần đầu ở Anh vào năm 1958, QUÊ HƯƠNG TAN RÃ là cuốn tiểu thuyết đầu tiên và nổi tiếng nhất của Chinua Achebe, một tác phẩm mẫu mực của văn học Phi châu hiện đại. Đây là câu chuyện của một người «hùng dũng», suốt đời sợ hãi và phẫn nộ, một cuốn tiểu thuyết tự sự mạnh mẽ và cảm động mà các phê bình gia đã so sánh với bi kịch cổ Hi Lạp».

(Fawcett World Library)

Tác phẩm *Quê hương tan rã* này viết bằng tiếng Anh, đã được dịch ra năm thứ tiếng: Pháp, Ý, Y Pha Nho, Nga và Đức và đã bán nửa triệu bản, được một số Quốc gia châu Phi dùng làm sách giáo khoa trong các trường dạy Anh ngữ.

Nhà CA-Dao mới phát hành

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTILÈNE D'EXTRÉME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 93.741 – 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE —AMMONIAQUE—CYCLOPROPANE — PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

BASTOS *Luxe*

巴士多金牌
貴地超名
大方等煙

Siêu đẳng thượng hảo hạng

ĐÃ PHÁT HÀNH :

15 GƯƠNG PHỤ NỮ

của MARIANNE MONESTIER
NGUYỄN HIẾN-LÊ lược dịch

«Tôi mong rằng đọc xong cuốn này, lòng tự tín của bạn gái sẽ tăng lên ; họ sẽ thấy nếu họ muốn thì cũng lập được những sự nghiệp lẫy lừng như đàn ông, mà nền văn minh tương lai sẽ không phải của riêng đàn ông xây dựng, vì họ không kém đàn ông về một phương diện nào hết.» (Trích lời tựa)

Trí-Đăng xuất bản và **Đồng Nai** phát hành

TUỔI TRẺ HƯ KHÔNG

5 / *Truyện dài* HOÀNG NGỌC TUẤN

Khi nghe tâm hồn căng cánh buồm xanh

Vào khoảng hơn 8 giờ sáng, nhà tôi lại rơi vào cảnh vắng vẻ như thường lệ. Mẹ tôi đến nhà một người quen từ sớm và dặn trước trưa nay sẽ ăn cơm ở nhà khách

Tôi đóng kín cửa phòng ngủ, và nóng nảy thu dọn vài bộ áo quần vào trong chiếc xắc tay nhỏ. Căn phòng riêng của tôi, với biết bao món đồ lặt vặt tưởng như không bao giờ vứt bỏ được, những cuốn sách nhét dưới gối và vương vãi trên giường nằm, tấm hình thật lớn treo ở vách tường. chụp cả gia đình tôi cách đây vài năm, những chiếc thuyền đẽo bằng gỗ xinh xắn và những vỏ ốc màu nâu láng bóng của Mỵ Cơ đem lại...

Bây giờ không phải là lúc dùng dằng tiếc nuối với những đồ vật ghi dấu kỹ niệm ấy. Tôi lục tung khắp cả ngăn hộc và cả căn phòng, rồi không có thì giờ dọn dẹp lại, tôi xách vội chiếc xắc tay bước thanh ra khỏi phòng. Cánh cửa đánh ầm sau lưng như muốn lôi kéo tôi quay đầu nhìn lại khung cảnh nhỏ nhắn thân mật đã vây quanh tôi từ nhiều năm nay.

Ra khỏi nhà, chiếc chìa khóa trong bàn tay tôi rung rung suýt rớt nhiều lần. Ổ khóa lách cách đóng lại, và chìa khóa để dưới tấm thảm trước nhà, một chỗ mà mẹ tôi và mấy đứa em đều biết mỗi khi thấy nhà đóng kín cửa.

Tôi đi nhanh, tránh con đường cái có nhiều người qua lại, nơi có thể bất thần gặp những người quen hay một đứa em nào đó của tôi nghỉ học về sớm Tôi mong tất cả chúng nó bây giờ đều ngồi trong lớp học, riêng thằng Lộc có thể đã «cúp cua» theo lũ bạn của nó chui vào trong rạp chớp bóng.

Tôi đi dọc theo bờ biển, những bước chân vội vã của tôi bị níu kéo nặng nề vì lớp cát lầy lội. Tôi vấp phải nhiều mãnh san hô, vỏ dừa và bàn chân bực mình đạp nghiến nát những trái thông khô rơi lấm tấm đầy trên cát.

Trời có nắng sớm, mồ hôi chảy xuống mặt từ hai bên tóc mai. Bờ cát sao thấy bao la quá và những bóng mát dịu dàng dưới những rặng dương liễu mờ xanh như mời gọi. Ngã lưng vào ẩn nấp trong bóng mát đó, mắt lim dim ngủ bên tiếng sóng rì rào... thật khoái biết bao, nhưng tôi biết nếu bước chân mình dừng lại, chỉ trong

một phút giây ngắn ngủi thôi là sẽ dừng lại suốt đời. Biển có màu xanh mát rượi êm đềm của nó, mái nhà có những tiện nghi dễ chịu của nó và đôi khi tôi cũng nhận thấy vẻ đẹp ấm cúng của những đêm đoàn tụ trong nhà nhìn trời mưa giông bão ngoài cửa sổ.

Phải một lần nghiến răng dứt bỏ những tình cảm quen thuộc đó. Và tôi nhất định chọn lần này. Cho dầu buổi sáng nay tôi còa có một cái hẹn khá đẹp với My Cơ, ba của nó đã bằng lòng hôm nay mang theo cả hai đứa tôi trên chiếc thuyền đánh cá, ra khơi để hít thở một ngày mặn nồng mùi vị của biển.

Hôm nay tốt trời, hứa hẹn một ngày đánh cá nhiều kết quả, với một đống cá chứa ắp, đầy khoang thuyền khi trở về bến.

Tôi vẫn đi nhanh hơn, như nghe thấy tiếng chuyển động tích tắc của chiếc đồng hồ. Nhưng trên cổ tay tôi đã không còn chiếc đồng hồ khá đắt tiền mua trong một dịp thi đỗ năm ngoái. Đêm qua tôi đã một mình ra phố, bán rẽ nó cho một tiệm đồng hồ để lấy vài ngàn bạc. Có một ít tiền trong túi vẫn thấy ấm bụng hơn, nhất là trong chuyến đi này, đến một nơi xa lạ chưa hề biết, không biết sẽ làm gì nơi đó và chưa chắc có một nơi ăn chốn ngủ nào cả.

Tôi rẽ lên đường cái, tránh con đường nhỏ dẫn đến chốn chài lưới, nơi có lẽ My Cơ đang nôn nóng đợi tôi. Đây là lần đầu tiên tôi thất hẹn với cô bé. Tôi cắm đầu băng qua đường, dáo dác tìm một chiếc xe «xích lô» nhưng không thấy chiếc nào cả. Đường sá cũng vắng người, thành phố nhỏ này, người ta có vẻ bắt đầu một ngày hơi muộn. Dọc theo dãy nhà đầy những quán rượu bảng hiệu xanh đỏ và những ổ điếm chứa bên trong, thỉnh thoảng có một vài ả giang hồ ngái ngủ bước ra, vừa ngáp dài vừa gọi những gánh bún bò hay gánh phở đi qua.

Tôi bỗng nhìn thấy một cái gì quen thuộc. Chiếc xe gắn máy tã tơi của Đình dựa trên vách tường của một ngõ hẽm. Thằng quái quỷ ấy chắc đang ở đâu đây, và tôi phải đi ngay để tránh giải thích dài dòng với hắn Nhưng không kịp nữa, Đình đã khật khưởng bước ra từ một phòng ngủ thuộc loại tồi. Hắn một tay bỏ trong túi quần, tay kia vuốt vuốt mái tóc rối bù. Hắn kêu lên một tiếng ngạc nhiên khi nhìn thấy tôi, khi đến gần hắn lại tỏ vẻ ngạc nhiên một lần nữa, đôi mắt mất ngủ đỏ ngầu cố giương lớn lên trông thật buồn cười.

— Làm cái gì đó? Đi đâu mà đem theo cả va-ly này?

Tôi vẫn bước đi, lấy từ túi áo hắn điếu thuốc lá gắn vào miệng. Hắn châm lửa, mắt vẫn đăm đăm nhìn tôi. Tôi nói lúng búng vì kẹt có điếu thuốc đang cháy giữa môi.

— Thì nói trước với mày rồi mà. Bây giờ tao đi.

Đình càu nhàu hay chưởi thề một câu gì đó, hắn ngáp thêm một cái nữa, hít một hơi thuốc lá. Và giờ thì hắn biết tôi không đùa. Hắn như định nói gì rồi lại thôi, hai bàn tay xoè ra như định phân bua khuyên

giải điều gì ghê gớm lắm nhưng rồi lại buông thỏng xuống. Cuối cùng Đình nói :

— Tao không ngăn mày được. Bởi vì... mày điên.

Tôi bật cười :

— Thôi, tao điên cũng được. Nhưng bây giờ mày có rãnh không... vừa mới ở đâu chui ra đó ?

Đính nhún vai. ngước đầu liếc cánh cửa của một phòng trên khách sạn. Hắn mĩm cười :

— Đêm qua tao đánh bạc trên đó. Thua sạch túi, nhưng lại may về chuyện khác. Mày biết tao ngủ đâu không ? Trên giường nệm tuyệt êm, với.. một con bán *bar* cũng êm không kém, lại không mất một đồng nào mới sướng chứ.

Tôi phải ngăn Đình lại để cắt đứt những câu thuộc loại « tả cảnh » say sưa như thường lệ của hắn. Nhưng hắn cố vớt thêm một câu :

— Đêm nay tao giới thiệu cô ả cho mày. Mày sẽ chết mệt với nó và không bày đặt đòi đi đâu nữa.

— Chẳng còn đêm nào gặp lại mày nữa. Không có mày tao cũng buồn, nhưng... thôi, mày chở tao đi nhanh ra bến xe đò, phải đến đó trước khi chuyến xe chót khởi hành.

Đình chêm tôi một câu :

— Và trước khi bà má mày bắt gặp đứa con yêu của bà đang khăn gói bỏ nhà ra đi. Lạc, mày nên...

Tôi hét lên :

— Đừng nhắc đến má tro, đừng nhắc đến ai hết nữa. Mày cứ đứng đó lãi nhãi đi, tao đi một mình.

Đình lắc đầu, hắn đẩy cọc cạch chiếc xe gắn máy ra đường, phủi bớt bụi bặm trên yên và đạp ga. Phải mất năm sáu lần làm tối sốt ruột muốn chết, chiếc xe thồ tả ấy mới nổ máy, rú từng hồi đinh tai và ống « bô » bề phun khói đầy tường. Tôi nhảy lên, ôm lấy hông Đình và chợt cảm thấy vui vẻ như bắt đầu dự một cuộc đua. Tôi vỗ vai hắn, la lên :

— Nhanh lên, tuấn mã... hãy đưa ta tới đích.

Đình rùn vai quay lại, giọng nói lè nhè :

— Mày chẳng bao giờ tới đích được cả đâu. Mày sẽ bị « rớt đài » nữa chừng. Tao tưởng tượng một

BUỔI THUYẾT TRÌNH VỀ :
« Xây dựng phương Đông »
(Việt-Nam và Đông-Nam-Á)
Diễn giả : Bác sĩ HOÀNG VĂN ĐỨC
do **PHONG TRÀO HƯNG GIÁO VĂN ĐÔNG** *tổ chức*
tại Đại Thính đường trường Taberd
hồi 16 giờ ngày Chủ-nhật 21-3-1971

buổi sáng nào đó, đến nhà mày và sẽ thấy mày ngồi đọc báo trong chiếc ghế bành. Rồi mày sẽ giải thích với tao bằng cả ngàn lý do.

— Yên chí. Mày có đến nhà tao và không bao giờ thấy tao còn ở đó nữa.

Đình phóng xe nhanh hơn, băng qua giữa phố chính và bến xe hiện ra trước mắt tôi với khung cảnh náo nhiệt của những hành khách đang ngồi tụ năm tụ bảy ngồi uống cà phê chờ giờ đi, và những người bán hàng rong qua lại rao ầm ĩ.

Trong khi tôi mua vé, Đình đứng bên cạnh nét mặt có vẻ buồn buồn, hắn thở dài nhìn khắp bến xe, như mường tượng thấy hắn đang ngồi trên một chiếc xe nào đó đang lăn bánh rời bỏ thành phố này. Đó là hình ảnh của hắn trước kia, và của tôi bây giờ.

Đình kéo tôi vào một tiệm cà phê. Còn 15 phút nữa xe mới bắt đầu chạy, người tài xế nói khoảng 6 giờ chiều sẽ đến Nha Trang. Tôi phải ngủ ở đó một đêm, sáng hôm sau sẽ có những chuyến xe chạy vào Saigon Đình bắt đầu chỉ về đường phố với xe cộ và những người chậm rãi qua lại. Ở đây không còn nhìn thấy biển, và núi mờ nhạt đàng sau những phố nhà. Dưới chân một ngọn núi nào đó ở ven biển, tôi đã cùng dạo chơi đùa nghịch, đã cùng đuổi bắt những con dã tràng, tìm kiếm vỏ ốc cùng với My Cơ. Giọng nói của Đình cắt ngang ý nghĩ tôi.

— Mày nhìn Qui Nhơn một lần cuối đi. Phố cũng bắt đầu vui đấy chứ.

— Tao nhìn thấy cả ngàn lần rồi. Ngày kia là sẽ nhìn thấy những cái khác.

Đình bóp nát bao thuốc lá rỗng không, hắn mua vài điếu thuốc lẽ, châm lửa hút.

— Tao tiếc đã đánh bài thua sạch túi rồi. Không đưa cho mày được đồng nào.

— Tao có một ít rồi.

Tôi bỗng nhớ ra một điều :

— À, trước kia mày vào Sàigòn, mày ở chỗ nào ?

Đình nhíu mày với một vẻ buồn rầu mơ màng như một người hồi tưởng đến quá khứ đen tối hay êm đẹp của hắn.

CHIA BUỒN

Đau đớn được tin : Trung-tướng **ĐỖ-CAO-TRÍ** *đã hy sinh vì tổ quốc*

Toàn thể học viên Khóa Kế-hoạch Phát triển tại Thái Lan thành thật chia buồn cùng bạn ĐỖ-CAO-THỌ *và cầu chúc linh hồn Cố Trung-tướng sớm siêu thoát.*

Đại diện : THÁI-CÔNG-TỤNG
BÙI-TIẾN-KHÔI

— Ở một gác trọ tồi tàn, nhưng khá rẻ tiền. Để tao viết cho mày cái địa chỉ. Trong những ngày đầu tiên, mày ở đó cũng tốt lắm, còn hơn ngủ trên ghế đá công viên hay trong bót cảnh sát.

Trong khi Đình hí hoách viết, tôi ngồi lặng yên. Tôi có chú ý đến những điều vớ vẩn, đến ngụm khói thuốc đang tỏa ra những sợi mơ hồ trắng đục, đến tách cà phê đen đã hết khói, đắng nghét trong miệng. Tôi phải làm như thế vì trong lúc này, hình ảnh của những cái ở lại trong thành phố này cứ chực đổ ùa vào đầu óc tôi. Bãi biển với My Cơ, mái nhà với gia đình đình, đường phố vui đêm đêm, trường học ồn ào nghịch ngợm với Đình. Tất cả những thứ ấy làm người tôi nôn nao khó chịu.

Đình nhét vào túi áo tôi miếng giấy nhỏ, hắn bỗng nói:

— Thôi, mày đã trót đi hãy đi cho hết, đi luôn đừng về nữa, đi cho đã đời... Mang tao theo trong mày, đi giùm tao, làm giùm tao, những điều tao chưa làm được. Đừng bỏ cuộc như Lạc, tao... mày nghe tao nói chứ !...

Tôi nắm chặt lấy bàn tay Đình. Tôi tiếc hắn không phải là một cô con gái đẹp để hôn lên má. Tôi chỉ siết chặt tay hắn.

— Chắc chắn như thế. Tao sẽ không bị « rớt đài » nữa chừng đâu mày đừng lo.

Đình mĩm cười khi nghe tôi nhắc lại một chữ hắn thường dùng. Hắn hăng hái nói :

— Vào đó, mày chơi cho hết mình, chơi « líp gió » cho tao. Thấy bọn con gái là cứ lăn xả vào, tụi nó chỉ cần mình ba hoa vài câu là xong hết. Mày nhát gái như thỏ đế bỏ tính đó đi, đừng có làm cái kiểu bạn bè vớ vẩn như với con nhỏ My-Cơ, mất thì giờ lắm... Nghe tao đi, vào trong đó, ráng lì lợm và đểu một chút.

— Tao sẽ nghe mày, nhưng mày

Đón đọc trong tháng 3 :

CHUYỆN TÌNH của Erich Segal (đã được quay thành phim, dịch ra 18 thứ tiếng, ấn bản lên tới hơn 300 triệu cuốn). Bản dịch tiếng Việt : Phan Thanh Lệ.

HẾT RỒI MÙA THU HÀ NỘI Thơ Nguyễn Đông Ngọc.

TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin :

Nhà văn DU-TỬ-LÊ *sẽ làm lễ thành hôn cùng cô* THỤY CHÂU *tại Saigon ngày 10 tháng 2 Tân Hợi (6-3-1971).*

Xin chân thành chúc tân lang và tân giai nhân trăm năm hạnh phúc.

LÊ NGỘ CHÂU, LÊ PHƯƠNG CHI, VÕ PHIẾN

đừng nghĩ gì bậy về My-Cơ, tao thương con bé đó như em tao.

Tôi như không nói chuyện với Đinh nữa. Tôi nhìn vào những hình ảnh mờ nhạt như mầu khói thuốc, và thấp thoáng trong cảnh tượng hư ảo đó, khuôn mặt của My Cơ chợt hiện ra đằm thắm như một bông hoa lạc lõng trên sa mạc.

— ...Tao sẽ trở về, mang theo loài dược thảo của thiên đường cho My Cơ, nó sẽ vứt bỏ chiếc nạng gỗ ; nó sẽ nhảy múa, sẽ biết cười...

Tiếng người « lơ » xe vang vang thúc dục hành khách lên xe. Tôi giật mình luống cuống đứng dậy. Tôi bỗng thấy còn biết bao nhiêu điều phải nói với Đinh, và chưa nói được điều gì hết. Hình như Đinh cũng cảm thấy thế, hắn lúng túng, tay lại vung vẩy bâng quơ nhưng rồi đành im lặng. Hắn cứ nắm chặt lấy tay tôi, mắt nhìn về đâu đâu, và bây giờ, thật khó mà nói cho hết được tâm hồn mình đang nhảy nhót nôn nao như một lò lửa.

— Thôi, tao đi.

— Ừ, mày đi đi.

Chỉ có thế, Đinh và tôi, cả hai đứa đều không nói được một câu chúc lành bình an nào cho nhau cả. Đối với một thằng bạn thân thiết như hắn, những câu nói đó thật giả tạo và thừa thãi.

« Mang tao theo trong mày, đi giùm tao ». Đó là những lời chân thật nhất của Đinh, và tôi sẽ ghi nhớ mãi.

(Còn tiếp)

HOÀNG NGỌC TUẤN

HỘP THƯ

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được những bài của quí bạn sau đây :

Lê thanh Xuân, Nguyệt hùng Nhân, Mặc sĩ Luân. Nguyễn mạc Nhân. Hoàng ngọc Đức, Hàn dã Thảo, Nguyễn hữu Hạnh, Phạm bá Tấn, Lưu Phương, Trương khánh Mân, Trần thuật Ngữ, Thị Độ Opt, Huy Phong, T. T. Thương Trà Giang, Trần tuấn Khoa, Hà Vũ Giang Châu, Lam Khanh, Mật Hạnh, Triết Chi, Đào thiên Vương, Nguyên Thủy, Nguyễn kinh Khoa, Nguyễn quốc Dũng, Huỳnh kim Sơn, Dạ Vũ Miên Trường, Đoan Ty, Đoàn Xanh, Vân Vương, Quang Ngọc, Hoàng đan Quế, Chu Nhã, Lê văn Lích, Chu vương Miện. Phan phụng Thạch, Nguyễn Tam Phù Sa, Kim Đan, Trình Ô Lâu, Hoài Anh. Hoàng Lộc; Nguyễn sa Mạc, Hoàng Đình Huy Quan, Cao ngọc Sáng, Thế Phương, Trầm mặc Duyên, Trần sơn Tịnh, Nguyễn thuận Đính, Thạch Cao Bạch Phát, Trầm kha đi Thái đào, Đỗ phan Xuân. Hoàng bảo Khanh, Lê hồng Thuyên Út, văn Thung, Nam Chữ, Lam Điền, Ngô Cang, Trần uyên Thao, Phan viên Thành.

***

Xin trân trọng cảm ơn quí bạn. Những bài nào đăng được, chúng tôi sẽ trả lời bằng thư riêng hoặc nhắn tin trên hai số báo tới.

— **Mang viên Long** : Đã nhận được thơ và truyện của anh sẽ trả lời anh bằng thư riêng. Chuyện anh Đ.T.T. kỳ nầy cho đi không kịp.

— **Trần hoài Thư** : Sẽ đăng « Chiếc nón Gò Găng » trên số tới và đăng các truyện khác của anh trên những số kế tiếp.

TIỂU LUẬN *của* **THẾ UYÊN**

Mời người già và người đạo đức giả đi chỗ khác chơi, để những người còn trẻ bàn cùng nhau vài vấn đề.

Thái Độ xuất bản, ấn bản đặc biệt **120đ.**

Tạp chí :

Nghiên cứu VĂN HỌC

★ *Nghiên cứu — Phê bình — Sáng tác — Sinh hoạt Văn-học*

● *Diễn đàn ngôn ngữ và tư tưởng Văn học*

★ *Nhận định thường xuyên vóc dáng hiện tình Văn-học*

● Chủ nhiệm : L. M. THANH-LÃNG

★ *Với sự cộng tác của* **Vũ-Hạnh, Nguyên-Sa, Nguyễn-văn-Trung, Nguyễn-thị-Hoàng...**

Số 1 : VĂN NGHỆ ĐEN

Số 1 : Phát hành 15-3-1971

PHÂN ƯU

Được tin :

THÂN PHỤ

Văn hữu Nguyễn Văn Thư, *Hội thẩm Tòa Thượng Thẩm Huế, đã thất lộc tại ngày Saigon 9-3-1971.*

Xin chân thành chia buồn cùng Ô. Nguyễn Văn Thư *và tang quyến và xin cầu chúc hương hồn Cụ tiêu diêu miền cực lạc.*

Lê Ngô Châu và các văn hữu cộng tác với Tạp chí Bách-Khoa

PHÂN ƯU

Được tin :

THÂN PHỤ

Nhà văn BÙI XUÂN UYÊN *đã thất lộc tại Saigon ngày 8-3 71.*

Xin chân thành chia buồn cùng ô. Bùi xuân Uyên và tang quyến và cầu chúc hương hồn Cụ tiêu diêu miền Cực lạc.

LÊ NGỘ CHÂU

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Tự vị Nôm** *của Vũ văn Kính và Nguyễn văn Khánh, tài liệu khảo cứu và học tập tại trường Đại học Văn khoa Saigon. Một công trình sưu tập và biên soạn công phu gồm khoảng 20.000 chữ nôm xếp theo mẫu tự La tinh A, B, C... in ronéo, khổ 20×26 dày 224 trang, các giáo sư Bửu Cầm và Thanh Lãng đề tựa. Phần đầu trình bầy : « Vài nét sơ lược về chữ Nôm. Bảng tóm tắt các loại chữ Nôm. Ưu khuyết điểm của chữ Nôm. Sẽ có tập 2 chữ Nôm xếp theo bộ, và tập 3 định nghĩa từng chữ (Tự điển chữ Nôm).*

— **The Vietnamese literary scene** *from 1.900 to 1965, nguyên tác « Tổng luận 60 năm văn nghệ V.N. 1900 - 1956 » quyển thứ 5 trong bộ « Lược sử văn nghệ V.N. » của Thế Phong, bản dịch Anh ngữ của Đàm-Xuân-Cận, Đại Nam Văn Hiến xuất bản và dịch giả gửi tặng Tác phẩm thứ 8 của Thế Phong được dịch sang Anh ngữ, in ronéo khổ 20×25, dày 60 trang. Giá 200đ.*

— **Tiểu luận 3** *của Thế Uyên, Thái Độ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 76 trang gồm 7 tiểu luận : Có hay không có kháng chiến chống Pháp ; quan niệm và tổ chức lại nền Đại học V.N. v.v... Giá 120đ.*

— **Cánh đồng đã mất** *truyện dài của Thảo Trường, do Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 126 trang, bìa của Duy Thanh. Giá nhất định 50đ.*

— **Thảm cảnh chiến tranh** *nguyên tác « La Ciociara » của Alberto Moravia, bản Việt dịch của Trần văn Điền, Sống Mới xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 365 trang, dịch phẩm thứ 2 của dịch giả được xuất bản, Nguyễn Thành Vinh giới thiệu. Giá 300đ.*

— **Tô Đông Pha** *của Nguyễn Hiến Lê do Cảo Thơm xuất bản và nhà xuất bản và soạn giả gửi tặng. Sách dày 292 trang trình bày của cuộc đời văn hào Tô Đông Pha, thi văn thư họa đều giỏi, phóng khoáng, thương dân, bình dân, mà cuộc đời rất thăng trầm ; có phụ lục ; chân dung, bút tích và tranh vẽ của Tô Đông Pha. Một cuốn Danh nhân tiểu sử mà cũng là Văn học sử, Chính trị sử.' Bản đặc biệt.*

— **Henry David Thoreau, một lương tâm nổi loạn** *của Nguyễn Hiến Lê do Cảo Thơm xuất bản, nhà xuất bảo và soạn giả gửi tặng. Sách dày 188 trang trình bày cuộc đời và sự nghiệp của một triết gia, H. D. Thoreau, đã ảnh hưởng tới Gandhi, Danilo, Dolci, M. Luther King v v... Có trích dịch và dịch 2 tác phẩm của Thorau trong có một tiểu luận nổi tiếng : « Bất tuân chính quyền ». Bản đặc biệt.*

— **Thiếu lâm Dịch cân kinh tổ truyền** *của Tử Y Hầu và Lạc Hà do Tủ sách Võ thuật ấn hành và Nguyệt san Võ thuật gửi tặng. Sách dày trên 90 trang trình bày phép luyện tập Dịch cân kinh bộ trước (12 phương pháp và bộ sau (12 đoạn) có kèm theo hình vẽ, có phụ lục : Cuộc đời của Đạt-Ma Sư-tổ và Lục-tổ Huệ-Năng. Giá 125đ.*

— **Tình quê** *tập thơ của Phan Long Yên, do Núi Nhạn xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 80 trang, gồm 30 bài thơ, in trên giấy hoa rất đẹp trong. Bản đặc biệt, với Lời giới thiệu của Nguyễn Bá Quát, Lời bạt của Võ Hồng và nhiều phụ bản của Nguyễn Ngọc Bửu.*

SÁCH MỚI « CẢO-THƠM » XUẤT BẢN

* **TÔ ĐÔNG PHA** của *Nguyễn Hiến-Lê*

Tài hào, văn hào bậc nhất của Trung-quốc, sống trong một thời đại đặc biệt cùng với những nhân vật kì dị như Vương An Thạch, Trình Di, Tư-Mã Quang... Một tác phẩm thuộc loại nhân tiểu sử mà cũng là văn học sử, chính trị sử, hấp dẫn như tiểu thuyết.

* **H. D. THOREAU, MỘT LƯƠNG TÂM NỔI LOẠN** của *Nguyễn Hiến-Lê*

Tác giả tập Civil Disobedience (Bất tuân chính quyền), một tác phẩm đã gây biết bao phong trào bạo động ở khắp nơi, đã ảnh hưởng tới Gandhi, Danilo Dolci, mục-sư Luther King, và được coi là một trong vài chục tác phẩm đã làm thay đổi cục diện thế giới.

* **THƠ NGỤ NGÔN LA FONTAINE,**

Nguyễn Văn Vĩnh dịch — *Mạnh Quỳnh* vẽ

In nhiều màu, khổ lớn.

* **ĐÊM NGỦ Ở TỊNH** của *Hoàng Ngọc Biên*

Những mảnh vụn của đời sống và những mảnh vụn của thời gian đã mất mà tác giả giành giựt lại từ trong tay cái chết. (N.Đ. Thường — Trình Bầy số 14).

ĐÓN ĐỌC :

TƯ TƯỞNG

Cơ quan luận thuyết của Viện Đại Học Vạn Hạnh

Số 1, năm thứ tư 1971
sẽ phát hành vào ngày 15-3-1971

Gồm những bài vở giá trị của :

T. T. THÍCH-MINH-CHÂU, TUỆ-SĨ, CHƠN-HẠNH
NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC, TÔN-THẤT-THIỆN,
LÊ MẠNH-THÁT, BÙI-GIÁNG...

128 trang giá 70$

Dạy và học sinh ngữ

(*Tiếp theo trang 14*)

vô ích cho việc học. Tùy theo câu trả lời của mình, học sinh sẽ đưa đến những trang phụ của sách. (Xem thí-dụ về phương-pháp nầy trong sách : Cram. *Explaining teaching machines and programming*. Sau Francisco : Fearon, 1961) Tuy nhiên, chương-trình theo Skinner và Crowder có điểm giống nhau. Dạy hiệu-năng là dạy cho từng học-sinh. Mỗi học-sinh phải hoạt-động theo quá trình học tập. Sự hiểu biết giải-đáp thích-ứng không được hoãn lại. Trong thật-tế, chương-trình theo Skinner dễ thực hiện hơn loại Crowder.

Pressey là người đã nghỉ đến máy dạy trước tiên vào năm 1920, và đề nghị một thứ máy đơn giản để thử sức học-sinh và cho học-sinh biết những giải đáp đúng, (*A simple apparatus which gives tests and scores, and teaches.* School and Society, 1926), và một máy để dạy tự động những bài tập dượt. (*A machine for automatic teaching of drill material*, Sch. and. Soc. 1927). Lúc bấy giờ Pressey đã tiên-đoán một cách-mạng kỹ-nghệ sẽ có trong giáo-dục, dùng máy để miễn cho giáo-sư những công việc cổ-hủ Nhưng sau nầy Pressey dè dặt hơn, và cho rằng không thể đem thuyết học-tập thí-nghiệm nơi động-vật áp-dụng một cách phi-lý cho sự học hỏi của con người. (*A puncture of the huge « programing » boom ?* Teachers Coll. Rec. 1964). Việc dùng máy không phải dễ dàng, còn có vấn-đề máy thích-hợp và chương-trình. Khó khăn còn nhiều khi phải dạy hay thúc đẩy sự sáng-tác và phán xét giá trị. Điều còn được ghi nhận là sự buồn chán của học-sinh với lối học máy móc theo chương-trình Pressey chủ-trương dùng chương-trình tự-động một cách phụ-thuộc hơn là làm phương-tiện chính.

Vài thí-nghiệm khác cũng đáng được biết đến để nghiên cứu việc dạy và học sinh-ngữ. Không gì riêng về sinh-ngữ mà cho cả mọi môn, trường-học có khuynh-hướng không tổ-chức thành lớp như hệ-thống thông thường (từ lớp 1 đến 12). Dựa trên sự khác biệt khả-năng của học-sinh đồng tuổi hay khác tuổi, có học-sinh cần phải thời-gian nhiều hơn hay ít hơn để vượt qua trình-độ. Buộc một niên-khóa cho một lớp không lợi cho tiến-bộ thật sự và liên tục. Sở dĩ tổ-chức cũ còn thịnh-hành vì liên-quan đến tiện-lợi trong những ngành công-vụ, vì sự tôn thờ chứng chỉ và bằng cấp làm bảo đảm hình-thức để vào ngạch hay thăng chức, mà trong khu-vực xí-nghiệp tư không cần bằng khả-năng và kỹ-thuật thích ứng thật sự. Có hai trường trung-học ở Folrida, HK. đã có tổ-chức mới mẻ. Thay vì có lớp, Melbourne High School đặt ra những giai-đoạn : 1, 2, 3. 4, 5, Q, X. (Q thay cho *Quest* dành cho học-sinh có năng khiếu sáng tác. X. cho những môn ngoài chương - trình). Nova High School có kỳ-vọng trở nên một trường của thời-đại không-gian, quan-niệm rằng trẻ phải thu-nhận hiểu biết khoa-

học cho thời-đại khoa-học. Chương-trình gồm toán, ngoại-ngữ, anh-ngữ, khoa-học, xã-hội-học, kỹ-thuật-học, môn học đặc-biệt thể-dục. Trường không có lớp mà có những đơn-vị cho mỗi môn và một học-sinh bảy tuổi có thể theo lớp 10 nếu đủ sức về môn nào hay về cả các môn. Đó là một thứ cải-cách quan-trọng phá vỡ nhiều thành kiến và khung-cảnh lỗi thời, nhưng cần thiết và đúng lúc. Nếu chưa thể thay đổi hệ-thống giáo dục cả hủ việc dạy sinh-ngữ đáng được xét lại trước để cho việc học không lệ thuộc lớp và niên-khóa mà tùy trình-độ thật-sự và nhu-cầu thiết-thực của học-sinh.

Bao nhiêu công-trình của những nhà bác-học và sư-phạm, mặc dầu còn đôi điểm dị-biệt, còn nhiều vấn-đề chưa giải-quyết dứt khoát, đã đặt cho việc dạy sinh-ngữ những đường hướng nhất định phải theo.

Một ngôn-ngữ không chỉ là một bản kê từ-ngữ, mà là một hệ thống, một toàn-thể có cơ-cấu, có tiết-hợp. Thành-phần riêng rẽ âm, chữ, hình-thức văn-phạm, không quan-trọng bằng những tương-quan hòa-hợp những đối nghịch phân biệt chúng. Một hệ-thống, một cơ-cấu không phải là tổng-số các thành phần. Áp-dụng cho sư-phạm, nguyên-tắc ấy buộc dạy những cơ-cấu hơn là dạy từng chữ. Có nhiều tầng bậc sắp đặt ngôn ngữ và tiết-khúc, không thể dạy riêng những cơ-cấu âm-thanh, cú-pháp hay từ-ngữ mà phải xét toàn-thể câu đầy đủ trong tình-trạng thật-tế. Không thể quan-niệm dạy một thứ tiếng mà không dạy văn-phạm, nhưng chỉ đặt riêng bài văn-phạm cho cấp học đã khá.

Văn-phạm sẽ được học nhân một sự kiện ngôn-ngữ cần xét đến và sắp cùng những sự-kiện tương-tự. Không có luật hay bài văn-phạm thuộc lòng, mà học-sinh cần tìm kiếm những luật điều hành từ những bản văn hay lời nói. Lối nhận định phải hoạt-động thích-hợp với trình-độ phân-tích, trình-độ lớp học, cấp bậc ngôn-ngữ dùng đến. Văn-phạm từng chương, từng mục, chỉ cần cho cấp bậc cao với mục-phiêu khác hơn là tập nói tập viết ngoại-ngữ.

Một ngôn-ngữ có hệ-thống về vàn viết và hệ-thống văn nói. Chính điều sau nầy là qnan-trọng khi dạy hay học sinh-ngữ. Tiếng Anh, tiếng Pháp, như tiếng Việt, là sinh-ngữ, như vậy không thể dạy một lối như dạy tiếng la-tinh hay tiếng phạn. Dạy tiếng Anh là làm sao cho người học chuyển thông được bằng tiếng Anh. Dạy La-tinh là làm sao cho người học hiểu được những bản văn viết nhờ tự-điển và văn-phạm. Tiếng la-tinh là một từ-ngữ, nghĩa là đã hoàn thành. Tiếng Anh không phải là thứ tiếng đã đầy đủ rồi, nằm trọn trong những tài-liệu gồm thành văn-chương tiếng Anh. (Điều ấy cũng đúng cho tiếng Pháp, tiếng Việt, v.v...) Đây là thứ tiếng đang sống và biến hóa mãi mãi. Sinh-ngữ là tiếng để nói và để viết, mà luật-lệ không phải luôn luôn giống hệt. Một sinh-ngữ phong phú còn có nhiều tầng bậc : tiếng cổ-điển, tiếng hiện-đại. Trong tiếng hiện-đại có tiếng văn-chương, tiếng thông-dụng, tiếng bình dân, v.v... Sự chọn lựa những bài học cũng như tác-giả để học phải thích hợp với trình-độ và nhất là với mục-đích.

Một ngôn-ngữ là phương-tiện chuyển

thông nhờ lời nói, nghĩa là phương tiện đối thoại. Dùng văn-tự chỉ là hoãn lại sự chuyển thông : tánh cách *bây giờ và nơi đây* của văn nói đã thay đổi mà thôi. Việc dạy sinh-ngữ không thể vì hình-thức phụ mà quên phần cốt yếu là chuyển thông. Áp dụng cho sư-phạm, nhận-định trên buộc chú-trọng đến văn nói, cách đọc đúng giọng, cơ-cấu văn nói hơn văn viết. Đối với người mới bắt đầu học, phải chờ đã nói được mới học văn viết, để cho quen thuộc hệ thống văn-phạm trước khi phải gặp khó khăn về chính-tả. Có hai khuynh-hướng về vấn-đề nầy. Một là nhất-định đi từ đơn giản đến phức-tạp, cho học những chữ mà hình-thức văn-tự diễn đúng nhưng âm những chữ đã được nghe và dần dần đến những chữ rắc rối về hình thức khác âm-thanh. Khuynh-hướng khác là trình bày trước những chữ đồng âm có nhiều lối viết, và tiếp tục theo từng âm-thanh. Phương-cách nào có giá-trị hơn, vấn-đề chưa được giải-quyết, nhưng dù sao áp-dụng nguyên-tắc học nói trước viết sau cũng tránh được những lỗi khó sửa như là đánh vần mà viết theo lối tiếng mẹ. Điều thiếu sót, là loại hẳn văn viết khỏi chương-trình học sinh-ngữ. Nhưng hiện-tượng quái-đản là chỉ cần đến điểm bài thi viết để cho đậu về sinh-ngữ, khiến cho việc dạy, vì mục-phiêu rõ ràng và đòi hỏi của học-sinh, đã tiếp-diễn suốt nhiều năm như thể dạy một từ-ngữ. Hiểu biết một sinh-ngữ, cần biết nói và viết, tất nhiên không thể loại một phần, mà văn nói là phần phải có ưu-thế, điều cốt yếu là biết phân phối bài vỡ và thì giờ cho hợp với mục-đích tùy theo chương-trình, và từ bỏ những phương-pháp đã mất hiệu-năng.

Các ngôn-ngữ trên thế-giới có đặc-điểm chung gồm không hẳn là lược-đồ văn-phạm phổ-quát mà những khả-năng tác-dụng. Các thứ tiếng không phải là thể-hiện song song hay bản sao chép của một kiểu duy nhất, nhưng đều là những hệ-thống diễn-đạt khác nhau. Có những cơ-cấu so sánh được, nhưng không giống hoàn toàn. Học ngoại-ngữ là học hệ-thống mới về lối phân-tích và tổ-chức kinh-nghiệm của con người nhờ ngôn-ngữ. Một lần nữa, nguyên-tắc trên loại bỏ trong sư-phạm cách học tiếng một và dịch ra từng chữ, đã sinh ra không biết bao tai nạn và chuyện khôi hài. Dùng bài tập dịch cho học-sinh yếu sinh-ngữ là một sai lầm lớn, vì tạo cho học-sinh tập-quan xấu, dịch từng chữ để làm câu, thay vì đặt một câu ngoại ngữ theo cơ-cấu khác cơ-cấu tiếng mình. Tập dịch chỉ hữu-ích cho học-sinh trình độ khá, khi họ đã ý-thức được sự khác-biệt giữa hai hệ-thống.

Tại Việt-Nam hiện nay, nếu một học-sinh học sáu năm sinh-ngữ từ lớp 6 đến lớp 12, dù cho với năm sáu giờ một tuần, được cấp bằng gọi là Tú tài 2 ban C, sinh-ngữ, mà không xử dụng được vài câu thông thường để nói chuyện trực-tiếp hay trong điện-thoại với một ngoại-nhân, nếu không nghe được một bản tin tiếng mình học nơi máy thu-thanh, hay xem một phim nguyên-bản mà chỉ nhìn nơi phụ đề Việt-ngữ, không hiểu được một tài-liệu thông thường, hay không theo được đại-học có chuyển ngữ là sinh-ngữ mình đã chọn, thì chắc hẳn có sự thất-bại và sai lầm của chương-trình giảng huấn và thi cử, một phí phạm lớn về tài-lực và nhân-lực, một sự vô-tình bội-tín cần phải chấm dứt.

CUNG GIŨ NGUYÊN
(*Danh và Lý* — Phụ lục)